

VIÊN GIÁC KINH LIỄU NGHĨA

GIẢNG NGHĨA



TỰA

Trong tam tạng kinh, có 12 chi giáo (12 bộ kinh), vừa giáo-lý vừa chú giải, ngàn phái muôn dòng, đồng qui về lẽ Một.

- Một đó là gì ?

- Một đó là Tịnh-Viên-Giác tâm của Như-lai, không nhiễm gọi là Tịnh, không lậu gọi là Viên, không có Vô-minh gọi là Giác. Hiệp ba chữ Tịnh, Viên, Giác thành ra Chơn-tâm Diệu-minh của Như-lai, cũng là Bản-thể mà chúng sanh đồng sẵn có. Cho nên chỗ trái với tâm, là quên mất Bản-thể, thì tại đó khởi nghiệp tu diệu môn Bất-nhi.

Nhưng trong khế kinh, câu chỉ ngay lẽ Một là diệu môn này, mà phá nhị chương, trừ tứ bệnh, nhiếp ngũ tánh mà bị (dạy) tam căn, luôn luôn hiệp cơ, nghĩa nào cũng rõ, thì duy có một cuốn kinh Viên-Giác liễu nghĩa.

Tuy nhiên, chúng sanh vào đời mạt thế, vì chương thâm nghiệp trọng, đọc tụng đã ít, thì mong chi thọ trì. Như kẻ mù mắt, đối với nhật nguyệt ở trước

mặt, tuy ánh sáng chiếu khắp Đại-thiên, cũng dòm ngó mãi mà không thấy gì cả.

Cho nên mới có người phát đại nguyên cõi thuyên, đánh trống pháp cổ, mà dạy kẻ phàm phu đương mê là mê chỗ đó. Không chi mà trí chẳng chiếu soi, không đâu mà lý chẳng tỏ bày. Lời nói tốt thấu tới bản tông, ý nghĩa làm sáng chung Bản-thể. Chỉ ra Chơn-tánh cốt dạy chơn tu, cứu vớt chúng sanh nổi chìm sanh tử, nhứt nhứt đều dẫn về biển Đại Viên-giác của Như-lai, thì có phải là chỉ có thầy ta là Đệ-Nhàn đại-sư chăng?

Đại-sư nắm vững pháp-ấn của Chỉ Quán, thấu triệt tâm nguyên của Phật-tổ, tiếc vì đại pháp bị trầm mai, thương xót chúng sanh đương khổ não. Ngày mới kết tập ý chí của Linh-Phong để lại, diễn thông đạo mình; kể góp các sách vở của Khuê-Phong, biệt xuất chánh chơn tôn-chỉ, bạt thiệp trên đường dài, nên chân tích (làm chủ) ở một chùa Thương đô. Mùa hè nóng nực, mồ hôi đổ toát, nơi pháp tòa tắt hết tiếng tăm, giảng diễn rỗng rã trên hai tháng trời, thành cuốn Viên-giác kinh giảng nghĩa hơn mười vạn chữ.

Trong đó, một khoa một phán (mỗi khoa đều có quyết định), một cú một vị (mỗi câu đều có thú vị), một sắc một hương, (mỗi vật đều có hương thơm). Chẳng có chi không đúng theo đại Đà-la-ni môn của

Vô-thượng Pháp-vương, tự nhiên lưu xuất, là bởi si-phu tập luyện đã lâu ngày vậy.

Như nghiên cứu về giáo-thừa, là trừ chướng Phiền-não, hoặc là chướng Sở-tri có dễ hơn, ý nào không vừa thì chống cự vọng niệm phát sanh.

Lại như đem đá đè ép cỏ, thì Đại-sư nói : Sở-tri chẳng phải chướng. Đạo tại chỗ không chấp trước mà thôi. Vọng niệm chẳng cần trừ, Đạo tại chỗ bị vật dục chuyên mà thôi. Thuộc của Tì-cập-ma nhờ những mũi tên mê hoặc, đó mới thiệt là Y vương tế thể.

Nhưng ác duyên rất nhiều, trần sự to lớn, tam học chẳng dễ mà đồng tu, tứ y lại khó mà thường gặp. Đại-sư lại động lòng từ-bi thương xót nên dạy họ pháp-môn niệm Phật, là buổi ban sơ dạy lấy tịnh niệm mà trị các nhiễm niệm, là lúc kế tiếp. Lại dạy nhứt niệm làm mờ hết các tạp niệm, tư tưởng trần tục tiêu dung, thế là diệu chỉ bằng không chỉ, Phật hiện phân minh, là diệu quán mà chẳng quán.

Như thế là niệm tư tại tư (tưởng định vào đâu thì thần ở chỗ đó). Cho tới khi niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm, hữu không siêu trên cả hai. Lý trí như như, là tức không, tức giả, tức trung. Không hay không biết mà nhập vào Bồn-tánh bình-đẳng, khắp cả mười phương, Tạng Viên-Thông đại quang minh ở trong cảnh Bất nhị, hiện ra các Tịnh-độ, há không phải là bất tư nghi giải thoát sao?

Phàm nói chuyện như vậy, chẳng có gì không phải là diệu đế.

Lại Đại-sư ngoài khi giảng nghĩa kinh, cần giữ cử chỉ xứng tánh, tùy cơ khai thị (dạy bảo).

Tới đâu, nếu ông không hiển giác (chỉ đường giác ngộ), thì cũng hiển thâm (vật quý báu lạ) mỗi ngày hầu trong phòng giảng, lỗ tai không ngớt nghe, tay không ngừng viết, chép thành hai quyển, không dưới vài mươi muôn chữ, nhiều vậy thay! Đó là nói về pháp-hội.

Như gàn lửa cháy lớn, gàn nó thì lập tức hóa căn trần; như ao nước mát mẻ, vào đó thì trừ bớt phiền não.

Tôi biết có Hộ-pháp hộ trì pháp hội, trên thì Thiên-long Bát-bộ đặng triêm pháp vũ, dưới có súc sanh, Ngạ Quỷ tam đồ, vì tiếng pháp-âm thành khế hiệp với Phật-tâm. Rồi Phật-lực này trải rộng khắp pháp-giới, lý không bao giờ sai, tin mà có bằng chứng, cảm ứng đạo giao, thiên tải một kỳ.

Ta hồ ! Chúng sanh đông đúc, nổi chìm nghiệp hải, mê muội đã lâu. Nay lấy ngọn đèn phá ám mà dìu dắt, huyền niệm duyên trần nay trao cho gương chiếu trần, nguyện lìa danh tướng của Viên-giác. Hễ ngộ được bốn nguyên của Viên-giác, thì đối cảnh niệm niệm đặng biết bốn tông, từng duyên mà tâm tâm khế hiệp bốn thể, không kia còn chẳng có chỗ dựa nương, hà huống là đọa vào danh ngôn, thì có gì hại đâu ?

Phải biết huyền hóa, duy chỉ nêu ra được một niệm, niệm niệm hồng danh, tự nhiên chẳng bị chuyển nơi lục căn, căn căn diệu dụng, không sao trắc độ. Chỉ lo tu hành, tín cực nguyện thâm, đồng đẳng Cực-Lạc. Đến đó, tùy theo hội chúng, rải các hoa hương, cung kính cúng dường, vưng chịu phụng hành.

Thừa lệnh Đại sư, nên thuật một bài yếu lược như thế, nguyện ai ai trì lấy pháp âm này, trải khắp mười phương, tận vị-lai thế, cùng vô lượng chúng sanh đồng tâm bi ngưỡng, cộng chứng Viên-minh. Thế mới là không phụ ơn Phật có lòng độ thế, và Đại-sư phát nguyện thuyết pháp.

*Dân quốc năm thứ 7, mùa hè, tháng 6, đệ-tử Bồ-tát giới,
sông Giang-ninh, họ Đỗ Pháp-danh Diệu-Hú,
rửa tay xông trầm, cúi đầu đê tựa.*



VIÊN GIÁC KINH



Đây là tên một bộ kinh, gọi đủ là: “**Đại phương quảng Viên-Giác Tu-đa-la liễu nghĩa kinh**”, chỉ có một cuốn, do Đường Phật đà-đa-la dịch.

Phật vào cảnh tam-muội thần thông đại quang minh tạng, hiện ra các cảnh Tịnh-độ, có Văn-Thù, Phổ-Hiền . . . 12 vị đại sĩ theo thứ lớp mà câu hỏi pháp-môn nhân địa tu chứng. Phật trả lời theo mỗi câu hỏi, nên kinh nhân đó mà có 12 chương .

Kinh này có nhiều nhà chú thuật, xin kể ra sau này :

- 1.- Viên-Giác Kinh lược số, bốn cuốn, Đường Tông-Mật Thuật.
- 2.- Viên-Giác Kinh đại số sao khoa ba cuốn, chỉ còn cuốn giữa và cuốn chót, Đường Tông –Mật chế.
- 3.- Viên-Giác Kinh lược số chi sao, 25 cuốn, Đường Tông-Mật rút trong Đại sao
- 4.- Viên-Giác Kinh đại số, 12 cuốn, Đường Tông-Mật Thuật.
- 5.- Viên-Giác Kinh đại số, thích nghĩa sao, 13 cuốn, Đường Tông-Mật soạn.

6.- Viên-Giác Kinh lược số khoa, một cuốn, Đường Tông-Mật Thuật soạn.

7.- Viên-Giác Tu-đa-la liễu nghĩa kinh lược số chú, 4 cuốn, Đường Tông-Mật Thuật.

8.- Viên-Giác Kinh lược sao, 12 cuốn, Đường Tông-Mật rút trong đại sao.

9.- Viên-Giác Kinh sao biện nghi ngô, 2 cuốn, Tổng-Quan-phục soạn.

10.- Viên-Giác số sao, tùy văn yếu giải, 12 cuốn, Tổng Thanh-Viễn thuật.

11.- Ngự chú Viên-Giác Kinh, 2 cuốn, Tổng Hiến Tông hoàng-đế chú.

12.- Viên-Giác Kinh loại giải, 8 cuốn, Tổng Hành-Đình giải.

13.- Viên-Giác Kinh lược số tự chú một cuốn, Tổng-Như-Sơn chú.

14.- Viên-Giác Kinh lược số tự chú một cuốn Tải hạ bán, Tổng-Như-Sơn chú tự,

15.- Viên-Giác Kinh Tâm-cảnh, 6 cuốn, Tổng-Trí-Thông thuật.

16.- Viên-Giác Kinh tập chú, 2 cuốn, Tổng-Nguơn-Túy thuật.

17.- Viên-Giác Kinh giáp tụng tập giải giảng nghĩa, 12 cuốn, Tổng-Châu-Kỳ thuật.

18.- Viên-Giác Kinh trực giải, 2 cuốn, Minh-Đức-Thanh giải.

19.- Viên-Giác Kinh cận thích, 6 cuốn, Minh-Thông-Nhuận thuật.

20.- Viên-Giác Kinh yếu giải, 2 cuốn, Minh-Tịch-Chánh yếu giải.

21.- Viên-Giác Kinh chú thích chánh bạch, 6 cuốn, Hoằng-Lệ trứ.

22.- Viên-Giác Kinh liên châu, 1 cuốn, Tịnh-đỉnh trứ.

23.- Viên-Giác Kinh tích nghĩa số, 4 cuốn, Thông-Lý thuật.

24.- Viên-Giác Kinh tinh giải bình lâm, quyển thượng, Minh-Tiên-Hoàng soạn.

25.- Viên-Giác Kinh giảng nghĩa, 2 cuốn, Đê-Nhàn giảng diễn.

26.- Viên-Giác Kinh dật văn.



Thích Nghĩa VIÊN GIÁC



Viên nghĩa là: đầy đủ trải khắp (mãn túc châu bị), ngoài ra chẳng có dư pháp nào (nghĩa là nó gồm bao tất cả), tức là chỗ gọi : vô khiếm vô dư (không thiếu không dư).

Giác nghĩa: trông không sáng rõ linh thiên diệu chiếu (hư minh linh chiếu), chẳng có thứ tướng niệm phân biệt, tức là chỗ gọi : tuyệt tư tuyệt lự (dứt hẳn các sự lo nghĩ).

Nếu riêng nói về một chữ Giác, thì như cuốn Khởi-Tín Luận nói : “*Sở ngôn giác giả, vị tâm thể ly niệm*”, mà tướng ly niệm thì khác nào hư-không, trải cùng khắp nơi, đâu đâu cũng có. Pháp giải nhưt tướng tức là Pháp-thân bình-đẳng của Như-Lai, dựa theo Pháp-thân này mà đặt tên là Bồn-giác.

Cho nên biết chữ Giác này, chẳng lìa phạm cuộc thánh, chẳng lìa cảnh cuộc tâm, tâm cảnh không hai, phạm thánh như một cho nên gia thêm chữ Viên ở phía trước. Cho nên kinh nói: “*Niết-bàn tạc mộng, thể giải không hoa, chúng sanh bốn thành Phật đạo.*”

Lại nói : “*Vô thi huyễn Vô-minh, Viên-Giác tâm kiến lập. Huyễn từng chư giác sinh, huyễn diệt giác*

viên mãn”. Lại nói : “*Nhứt thiết chúng sinh, giai chứng Viên-Giác*”.

Cứ do kinh sách trước sau, tuy là bồn-chứng của chúng sanh, thật do huyễn diệt mới đặng viên. Nếu chẳng do huyễn mà tu, thì không theo đâu mà đặng chúng. Cho nên: Nhứt thiết Bồ-tát phải xa lìa nhưt thiết huyễn hóa, mà tâm cũng như huyễn nên cũng phải xa lìa, chừng hết còn gì phải lìa nữa, tức là trừ hết các huyễn. Như nấu lọc vàng khoáng (quặng), vàng không chảy nên còn, tuy phục lại vàng y bồn-lai (như xưa), kết cuộc nhờ nấu chảy ra mà thành tợ. Một khi thể chon kim thành rồi, thì chẳng khi nào trở lại thành khoáng.

Nếu ai biết được cái tâm này, rồi sau mới là cầu Viên-Giác Phật trả lời cho Văn-Thù, khai khẩu liền nói: Vô thượng Pháp Vương có Đại Đà-La-Ni môn, gọi là Viên-Giác, trở ra các thứ thanh-tịnh Chơn-như, Bồ-đề, Niết-bàn, cập Ba-la-mật, giáo thọ Bồ-tát, nhưt thiết Như-lai, khởi tu lấy đó làm nhân-địa, đều là y theo giác tướng thanh-tịnh viên chiếu, vĩnh đoạn Vô-minh, mới thành Phật-đạo. Cho nên biết chúng sinh chứng cái Lý là Lý của Như-lai cứu cánh chúng.

Giác thì trước sau (thi chung) chẳng phải một, Viên cũng chúng sanh và Phật khác hẳn. Cho nên nói : “*Nhứt thiết Như-lai Diệu Viên-Giác tâm, bốn vô Bồ-đề, cập dư Niết-bàn, diệt vô thành Phật, vô vọng luân hồi, cập phi luân hồi.*” Nhưng chỗ gọi Viên cảnh-giải

của chư Thinh-văn, thân tâm ngữ ngôn đều là đoạn diệt, rốt cuộc họ không thân chứng được Niết-bàn hiện ra. Hà huống chúng sinh có tâm tư duy, trắc độ cảnh giới Viên-Giác của Như-lai, nên phải biết: Chúng sinh Viên-Giác, đối với Chư Phật Viên-Giác, chẳng phải giống như nhau.

Kinh nói rằng: “*Nhứt thiết chúng sinh dục phiếm Như-lai đại Viên-Giác hải, tiên đương phát nguyện, cần đoạn nhị chương, nhị chương dĩ phục, tức năng ngộ nhập Bồ-tát cảnh-giới.*” Nếu sự lý chương ngại, mà đoạn diệt hẳn rồi, tức là nhập vi diệu Viên-Giác của Như-lai, mẫn túc Bồ-đề, cùng đại Niết-bàn. Đó là minh chứng nghĩa trước sau chẳng phải một, chúng sanh và Phật khác hẳn nhau.

Nghĩa chữ Viên-Giác tới đây đã trọn.

----- ☆ -----

Thích nghĩa TU-ĐA-LA liễu nghĩa



Ba chữ “*Tu-đa-la* (Sutrâ)” là tên tổng quát của đại tạng kinh Phật-giáo.

“*Liễu nghĩa*” là biệt hiệu của cuốn kinh này. Ý muốn nói: Kinh này là kinh liễu nghĩa trong tạng Tu-đa-la.

Các vị sư xưa dịch tiếng Phạn Tu-đa-la, nghĩa là khế kinh, mà khế kinh có hai nghĩa: thông và biệt thuyết thông là lời Phật thuyết giáo, gọi chung là Tu-đa-la, luật là Tì-nại-da, luận là A-tì-đàm. Đây nói Tu-đa-la, phân minh là chỉ tạng kinh, để phân biệt với tạng luật và tạng luận.

Khế cũng có hai nghĩa: nghĩa thứ nhứt là khế lý (hiệp lý), ý nói: Diệu hiệp với Trung-đạo, nghĩa thứ nhì là khế cơ, ý nói: đúng đắn với cơ tâm.

Chữ kinh chánh dịch nghĩa là tuyến (đường thiên giả thiết trên trái đất, để đo trái đất), vì tuyến hay xoắn chòm gộp nhiều hoa, còn kinh hay là đường vĩ (đường địa giả thiết). Mà ở phương này không trọng chữ tuyến, nên chỉ giữ lại chữ kinh. Những Thánh giáo bên Thiên-Trúc đều gọi là Tu-đa-la, cho nên gồm luôn sách luận, mà dịch là Thánh-giáo.

Nay trước chữ kinh lại thêm chữ khế, thì gồm có hai nghĩa, đều thuận với cả hai phương. Cho nên cuốn Phật-địa luận nói: Khế có nghĩa là khế lý, khế cơ. Còn kinh là hay quán xuyên, thâm nhiếp. Ý muốn nói: Thánh-nhơn gọi giáo hay quán xuyên, chấp trì những nghĩa đáng thuyết để tiêm vào tâm của chúng sanh (dạy họ).

Sau hiệu kinh Tu-đa-la, ghi thêm hai chữ liễu nghĩa. Ý muốn nói kinh này là kinh trong tạng Đại-thừa liễu nghĩa, khác biệt với kinh bất liễu nghĩa.

Kinh bất liễu nghĩa, là chỉ kinh ở trong tạng Tiểu-thừa. Thỉnh văn-Kinh liễu nghĩa, là chỉ kinh ở trong tạng Đại-thừa. Đại-thừa lại có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Ý nói: Tuy có người Đại-thừa, tu hành lục độ, kiêm tu bi trí, mà định thuyết tam thừa bất nhứt, cũng là không phải liễu nghĩa. Nếu ráp qui về một mục tiêu, thâm hết muôn tượng vào một huyền lưu, trí hải thâm hết muôn sông, chẳng còn nhị, chẳng còn tam, đều đặn thành Phật.

Trung-đạo lý quán, không cộng với Nhị-thừa, mới là liễu nghĩa. Ý nói quyết chọn cứu cánh, chỉ rõ liễu thuyết, chẳng phải lời úp mở, có mật ý.

Nhưng trong các kinh, sao gọi là liễu nghĩa khác với bất liễu nghĩa?

Trong kinh Bửu-Tích, Phật đáp Văn-Thù, Xá-lợi-Phất rằng: Các thứ kinh nói về nghĩa cao siêu gọi là liễu nghĩa, còn nói về nghĩa thế tục gọi là bất liễu

nghĩa. Nói về dứt nghiệp phiền não là liễu nghĩa, còn nói về phiền não gây nghiệp, khác với Niết-bàn, là bất liễu nghĩa. Nói về sanh tử Niết-bàn là không phải hai không phải khác, đó là liễu nghĩa, còn nói về chán sanh tử khổ, mộ cái vui Niết-bàn, là bất liễu nghĩa.

Cứ theo hành tướng của các kinh liễu nghĩa mà xét, thì kinh này tương đương tức là giống với các kinh đó. Kinh này từ đầu chí đuôi, không chỗ nào chẳng phải là liễu nghĩa, phá ngay hết các hành tướng sai biệt, đoạn chống được ngũ tánh thuộc về luân hồi, thì thành ra tông-chỉ liễu nghĩa. Cho nên trong hiệu kinh mới đặc biệt nêu “*tên Tu-đa-la liễu nghĩa*”. Như kinh Pháp hoa, chỉ riêng đặt tên Chơn Diệu, thiết là có lý do lắm!

Hết

MINH - LÝ ĐẠO
TAM - TÔNG MIẾU



VIÊN GIÁC KINH

Đại Phương Quảng Viên – Giác Tu-đa-la liễu nghĩa
Giảng nghĩa



NGUYỄN MINH THIỆN
Phiên dịch

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Năm 1971 (tháng bảy)

VIÊN-GIÁC KINH



Phần thứ nhất : TỰA
(có một chương)



CHƯƠNG THỨ NHỨT

Văn-Thù khái thỉnh



Lời tựa
mở đầu

1.- Kinh văn

Ta nghe như vậy: Một khi Thế-tôn ...

 Nghĩa rộng

Hai chữ “*Như vậy*” nêu ra: Đức tin thành tựu.
Bằng không tin, thì nói không phải như vậy.

Kinh Hoa-Nghiêm nói:

*Tín vi Đạo nguyên, công đức mẫu,
Trưởng dưỡng nhưt thiết chư thiện pháp.*

Nghĩa là:

Tín là gốc Đạo (mẹ) sanh công đức,
Nuôi lớn tất cả các phép lành.

Cho nên nêu nó lên trước hết.

“*Ta nghe*” đi chung với “*như vậy*”, phải hiểu đó là lời chỉ pháp Phật. Ý nói: Viên-Giác diệu-pháp như vậy, tự ta theo bên Phật mà đặng nghe.

“*Ta nghe*” là sự nghe thành tựu. Thành tựu tuy do sự tin theo đó mà đặng thành tựu, kỳ thiết là nhờ nghe lời giảng. Không có lời giảng, lấy chi làm nòng cốt để dạy?

Kinh Lăng-Nghiêm nói:

*Thử phương chơn giáo thế,
Thanh tịnh tại âm văn.*

Nghĩa nôm:

Đó chính là nòng cốt giáo-dục chơn chánh thanh tịnh là bởi lời giảng giọng nói.

Giảng nghĩa kinh thì phải phân ra có khách chủ, nên gọi là ngã (ta). Tiếng kinh vào lỗ tai ta, thì gọi là : nghe.

Tự phạm tới thánh, có bốn thứ ngã:

1. – Biên-kế ngã.
2. – Tông-kế ngã.
3. – Giả-danh ngã.
4. – Chơn-thật ngã.

Cái ngã thứ nhất là của kẻ phạm-phu, thứ nhì là của kẻ ngoại-đạo, thứ ba là của thánh-nhơn, tùy theo người đời mà tạm đặt; thứ tư là pháp-thân chơn-ngã.

Nay người kiết-tập kinh này là bực đại Thánh-nhơn, theo lẽ thì chữ ngã nói đó thuộc về hai thứ sau chót.

“*Nghe*” là căn lỗ tai không điết, tiếng nói lại gần ta và để ý là nghe được. Đây không nói lỗ tai nghe, mà nói “*Ta nghe*”, thì đó là bỏ riêng biệt, mà cầu tổng quát cho mau hiểu.

Vậy thì bực Đại-sĩ truyền pháp lấy cái ngã vô ngã là chơn- ngã không hai, nghĩa là không thấy có ta, không ta, căn và cảnh hay ở chỗ chẳng phải một, chẳng phải khác, mà nghe cái pháp môn Chơn Tục vô ngại

“*Một khi*” là thời-gian thành tựu. Ý nói: Tới lúc đó tuy nhờ nghe tiếng giảng, mà kẻ nói người nghe đều nhờ giờ hợp, dịp may. Chẳng có giờ hợp, dịp may thì khó mà hoằng tuyên đại pháp.

Cổ đức nói:

*Thế sự hiệp hội, thượng đài xuong kỳ,
Đại pháp hoằng tuyên, khởi vi giai vận.*

Nghĩa nôm:

Hội hiệp theo đời, còn cần ngày tốt,
Tuyên truyền đại pháp, há bỏ dịp may.

“*Một*” là số thì chung, cứu cánh.

“*Khi*” (giờ) có nghĩa đời dục, chuyển xây.

Kẻ nói thì cứ ở một tòa, người nghe thì vẫn ngồi một chiếu, khi nói và nghe rồi, là một kỳ cứu cánh, nên gọi là “*Một khi*”.

Đây không nói năm, nói tháng, là vì Như-lai thuyết pháp chung cho cả người thiên-thượng và nhơn-gian. Lời kiết tập để lại lưu truyền xứ này qua xứ khác, mà cách chia năm tháng ngày theo mỗi xứ không giống nhau, cho nên nói “*Một khi*”, để bao gồm hết.

Bà-dà-bà là chủ thành tựu. Ý nói : phải có Giáo chủ cầm đầu, nghĩa là Thế-tôn. Đó là một hiệu trong 10 hiệu thông xung của đức Phật.

----- ☆ -----

**Phật nhập
Quang-Minh tạng**

2.- Kinh văn

Vào cảnh thần-thông, đại Quang-minh tạng, tam muội, chánh thọ (chánh định). Hết thấy các phật Như-lai giao quang nghiêm trang an trụ chẳng thôi.

Đó là giác-địa thanh-tịnh của chúng sanh, thân tâm vắng lặng, bốn-tế một mực bình-đẳng, trải đủ 10 phương, thuận theo cảnh không hai. Ở trong cảnh không hai, hiện ra các Tịnh-độ.

✚ Nghĩa rộng :

Đây là nói về cái chỗ thành tựu. Cầm đầu chúng sanh tuy có giáo-chủ, mà chỗ hội cũng là một cảnh rộng rãi, để nói pháp-môn viên đốn. Cho nên mới hiện ra pháp giải huyền cảnh.

Đại quang-minh tạng là cái trí Nhứt-chơn Pháp giải, gồm đủ hết các thứ trí, gặp duyên thì khởi, nên gọi là tạng (kho).

Còn nói pháp-giải khởi, trở lại chiếu pháp-giải, nên đặt tên là đại Quang-minh.

Đem ra ứng dụng không cùng gọi là: thần. Không có chi ngăn ngại, gọi là : thông.

Chữ “*vào*” là đối với tam-muội mà nói. Đây nói: Vào cảnh tam-muội để chỉ thọ diệu-lý của pháp-giải, mà không thọ pháp nào khác, nên gọi là chánh thọ. Chánh thọ nghĩa là chánh định.

Đứng về mặt quốc-độ mà nói, thì cảnh ấy là Thường-Tịch-Quang độ, tức là cõi tự thọ dụng của các Như-lai, cũng gọi là Pháp-tánh độ, Tịch-Quang chơn cảnh, chớ không có sự trang nghiêm nào khác. Nay nói: giao quang nghiêm-trang, tức là chỉ hào-quang Chứng-trí của các Phật Như-lai đã chứng được, dùng nó mà trang nghiêm.

“*An trụ chẳng thôi*” nghĩa là ở trong đó mà không động, đặng tự-do tự-tại, vui vẻ không cùng, nên gọi là Bồ-đề giác pháp lạc, Niết-bàn Tịch tịnh cực, xứng tánh pháp vị lạc.

“*Giác-địa thanh tịnh của chúng sanh*” nghĩa là : chúng sanh là hạng người ở khắp trong chín giải. Cho nên nói : cả chúng sanh.

Giác-địa vốn xưa kia thanh tịnh, chỉ vì một niệm bất giác (thình lình, không hay), bị vô-minh làm cho hôn trược, phiền-não làm cho tạp nhiễm, thành ra pháp-tánh tùy theo các duyên mà lưu chuyển trong chín giải.

**12 vị Bồ-tát
thượng thủ**

3.- Kinh văn

Chúng ta hãy xét thử, đương lúc vô-minh chưa khởi, một niệm chưa sanh, tâm nhứt nguyên không có một vật chi, rỗng rang vắng lặng, trong sạch sáng suốt, tức là giác địa thanh tịnh đó, tức là Nhứt chơn pháp-giải vậy.

Nhưng thân cảnh của Phật cũng lấy đó làm duyên-khởi, thân cảnh của chúng sanh cũng lấy đó làm duyên-khởi. Mà duyên khởi không có tánh, nên nói : thân tâm vắng lặng.

Chỗ đó không sanh ra ông phật nào, mà tự người đặt ra cái tên giả đó thôi, cũng không có hình tướng của ta và của người. không bờ mé, không ranh hạn, nên gọi là bình đẳng.

“*Trải đủ mười phương*” nghĩa là : cảnh không hai.

Nói thuận theo, là vì có một pháp-giải tánh, vốn không có hai thể. Sao lại nói thuận theo ? Là có ý nói : Gặp duyên thì biến hiện, duyên khởi thì thuận theo.

Vì các bậc đại-sĩ, phật dựng pháp tràng viên đốn, cho nên ở trong cảnh không hai này, mới hiện ra các Tịnh-độ.

Cứ đó mà xét thì biết ngay là thân cảnh của “*tha thọ dụng*” nhưng cũng dựa vào một Chơn pháp giải làm duyên khởi.



Hiệp cùng mười muôn vị đại bồ-tát ma-ha-tát.

Tên của các đại bồ-tát ma-ha-tát là :

- 1/ Văn-Thù sư lị bồ-tát.,
- 2/ Phổ-Hiền bồ-tát.,
- 3/ Phổ-Nhãn bồ-tát,
- 4/ Kim-cang-Tạng bồ-tát,
- 5/ Di-Lặc bồ-tát,
- 6/ Thanh-Tịnh-Huệ bồ-tát,
- 7/ Oai- Đức Tự-tại bồ-tát,
- 8/ Biện-Âm bồ-tát,
- 9/ Tinh-Chủ-Nghiệp-Chương bồ-tát,
- 10/ Phổ-Giác bồ-tát,
- 11/ Viên-Giác bồ-tát,
- 12/ Hiền-Thiện-Thủ bồ-tát,

làm Thương-Thủ, và các quyền thuộc (kể tùy tùng),
đều vào cảnh tam-muội, đồng ở trong pháp-hội bình-
đẳng của Như-lai.

✚ Nghĩa rộng :

Đây là nói về công chúng thành tựu, chỉ số và kể tên của các vị thượng thủ.

1.- Văn-Thù-Su-Lị, nghĩa là: Diệu-kiết-tường, cũng gọi là Diệu-đức, hồi đời quá khứ thành Phật, hiệu là Long-chủng-Thượng-Tôn-Vương, còn đời hiện tại ở Bắc-phương là Ma-ni Bửu-Tích phật ; qua đời tương lai thành đạo, thì gọi là Phổ-Hiện phật.

Ảnh hưởng đại hóa, thị hiện đồng bồ-tát, nên Kinh Hoa-Nghiêm cho là biểu căn-bổn trí. Còn kinh này gọi là Phát khởi sư. Viên-đốn đại giáo, nếu không có trí khó giải, nên để ông đứng đầu hết.

2.- Phổ-Hiền, hạnh trải cùng Pháp-giải, đức vốn đủ đầy, nên gọi là : Phổ. Theo tâm lành lợi ích chúng sanh, ngôi gần với bậc thánh tối cao, nên gọi là : Hiền.

Đây đem Văn-Thù là tiêu biểu cho trí, tử như con mắt; Phổ-Hiền làm tiêu biểu cho hạnh, tử như cái chơn. Trí và Hạnh giúp lẫn nhau, mới chứng được pháp-thân diệu quả: như con mắt và cái chơn nhờ lẫn nhau mà lần tới quê xưa, đất tổ, nên sắp ông kế đó.

3.- Phổ-Nhãn, theo lời kinh vấn đáp, gồm có hai nghĩa:

a) Phổ kiến các pháp thanh tịnh, thì gọi là đại trí Phổ-Nhãn.

b) Phổ kiến chúng sanh đồng như phật, thì gọi là đại-bi Phổ-Nhãn. Phổ kiến nghĩa là con mắt trông thấy cùng khắp xứ.

4.- Kim-cang-Tạng, đây là nói kim rất cứng, không có chi làm nó hư hoại được; cương là rất bén, thì có thể sát phạt mọi loài. Trí huệ của Bồ-tát cũng vậy; phiền não không làm sao xâm phạm được, hay trừ các chướng ngại, mà ở ngoài không nhiều động được, hay dẹp các trở ngại.

Trong kinh, có kể ba điều khó, như là cầu phật giải nghi cho mặt thế. Trí đặng như vậy mới hay chứa và sanh các thứ công đức vô tận, nên gọi là Tạng.

5.- Tiếng phạn gọi Di-Lặc, Tàu gọi Từ-thị, là cái tánh (họ). Vì đời quá khứ Ngài gặp phật, đặng chứng Từ tâm tam-muội.

Còn tên A-dật-đa có nghĩa : vô năng thắng (không ai hơn được). Vì Ngài ở ngôi bồ tát bồ xứ (còn một đời nữa thì thành phật), cho nên ngoài phật ra thì còn ai hơn Ngài được nữa ?

6.- Thanh-Tịnh-Huệ là công dụng của trí huệ minh bạch, không trụ không trước, cho nên mới có thể chỉ rõ hoặc tướng, biện rành giai cấp. Vì có đó mà lấy hiệu như thế.

7.- Oai là đáng sợ ; Đức là đáng kính, hàng ma ché ngoại, đặng đại tự tại (rất dễ dàng), nên gọi là Oai-đức tự-tại.

8.- Biện-âm nghĩa là sức của tam quán, có đủ vô ngại biện, hay phân biệt các thứ âm thanh, Phật nói ra 25 luân diệu quán, chỉ có vị bồ-tát này biện được, tuyên được mà thôi.

9.- Các thứ nghiệp chướng đều do tứ tướng mà sanh. Ai không có tứ tướng thì nghiệp chướng tự nhiên dứt sạch. Bồ-tát căn cứ vào đó mà tự lợi, nay đem cái đó ra mà lợi nhơn, nên lấy hiệu là Tịnh-Chư- nghiệp-chướng.

10. – Phổ-Giác nghĩa là : hiểu biết được nguồn sanh của bốn bệnh.

11.- Viên-Giác nghĩa là : Vị bồ-tát hiểu biết Viên-giác rồi tu hạnh ba quán. Nếu không (nhập thất) định kỳ thì không thể thành công.

12.- Hiền-Thiện-Thủ nghĩa là: y theo bản kinh, mà phổ thông đại giáo, đều là nhờ người đó. Cho nên : Thủ có nghĩa là người làm đầu, trong việc hiền thiện.

Trên đó là 12 vị bồ-tát, đều là Thượng-thủ của mười muôn người. Nhưng kẻ đặng thượng thủ hộ niệm (chăm sóc giúp đỡ), gọi là quyền và khiến theo đạo lý, gọi là thuộc.

Trong 12 đại-sĩ, mỗi vị đều có cả muôn người quyền thuộc đi theo mình. Mỗi vị trụ-trì một đạo-trường, cũng như Phật có đạo tràng tại Xá-vệ, Văn-thù có đạo-tràng tại Ngũ-đài, Phổ-Hiền có tại Nga-Mi v v..

Bấy giờ, Phật vào cảnh tam-muội, gọi là Quang-minh tạng, lấy trí pháp-giải, khế hiệp với lý pháp-giải, mà các đại-sĩ đều ở trong pháp-giải tạng. Lúc chưa nhập định, mỗi người ở một phương (nơi xứ mình).

Phật đã nhập định, các bậc đại-sĩ nghe trong tâm mình và thân mình yên ổn nhẹ nhàng, trí hiệp cùng pháp-giải, cho nên nói : đều vào cảnh tam-muội, đồng một pháp-giải, vốn không có xa gần. Tuy là ra ngoài mười muôn ức quốc-độ, mà cũng như ở trước mặt vậy. Cho nên nói : đồng ở. Bởi ai cũng là quyền thuộc của pháp-thân.

Đức Như-lai đã ở trong cảnh không hai mà hiện ra một quốc-độ, các vị bồ-tát và quyền thuộc đều cũng phải hiện thân ở trong cảnh không hai đó.

Các việc kể ra sau này, đứng dậy, lễ Phật, đi vòng quanh, quì bạch. v.v . . . đều là việc ở trong lúc định cả.

Nếu nói về phương diện dạy dỗ. Kinh nói : Phật lấy một thứ tiếng mà thuyết pháp, chúng sanh theo loại đều đặng hiểu nghĩa. Nhưng sanh cơ chẳng đồng, thì giáo nghĩa cũng khác.

Nếu nói : chỉ giữ lòng không, chẳng có gì khác, thì gọi là như; chỉ như thế chớ không có cái chi phi (quấy) thì gọi là thị (phải). Đó là nghĩa của Tạng-giáo, Thông-giáo. Bằng nói : lìa hai bên là như, chỉ con đường trung-đạo là thị. Đó là nghĩa của biệt-giáo. Nếu nói : như là chơn-như, thị là Thiệt-tướng, thì như ở

trong trung-đạo, Thiệt tướng mới là thị (phải). Đó là nghĩa của Viên-giác.

Có ngã, không ngã, cũng ngã mà cũng không ngã, chẳng phải ngã mà chẳng phải không ngã. Có nghe, không nghe, không nghe mà nghe, không nghe mà chẳng không nghe. Nghĩa của bốn giáo, đại để là thế đó.

Nay xét về giáo nghĩa của kinh này là Viên-đốn, thì “*nhu*” tức là Chon-như, “*thị*” là thiệt-tướng. Ngã là cái Chon ngã không hai, nghe là cái diệu nhĩ do căn và cảnh không một, không khác, là pháp-môn nghe hai để dung thông. “*Khi*” là chỉ khi hai pháp hiệp nhứt : báo thân làm phật, báo độ làm xứ sở.

Nếu nói về quán tâm, thì chon tánh không khác là như, tất cả không chi phi (quấy) là thị (phải), chon tâm tự tại làm ngã, chon giác tròn sáng làm nghe, niệm chẳng dòi dạc làm “*một khi*”, chon trí là phật, chon lý là xứ, lấy trí-hạnh làm thượng thũ, tất cả thiện niệm làm quyền thuộc, đồng qui về một tâm làm pháp hội bình đẳng.

----- ☆ -----

Văn-Thù
Thỉnh cầu

4.- Kinh văn

Đoạn Văn-Thù-su-li bồ-tát ở trong đại hội, lia chỗ ngồi đứng dậy, tới đánh lễ ở chơn phật, đi vòng ba quận theo hướng tay mặt, quì xuống chấp tay, mà bạch với phật rằng:

✚ Nghĩa rộng

Đây là nói về lễ-nghi trong đồ chúng, không ra ngoài ba nghiệp : đứng dậy lễ phật là thân nghiệp cung kính; đi vòng quanh ba quận là ý nghiệp chơn thành; chấp tay bạch phật là khẩu nghiệp chánh-đáng.

Như-lai đã ở trong cảnh không hai hiện ra quốc độ, bồ-tát cũng phải ở trong cảnh đó hiện thân, cho nên có chủ bạn phân biệt : người nói, kẻ nghe rõ ràng.

----- ☆ -----

5.- Kinh văn

Đại-bi Thế-tôn ! Tôi rất mong cầu phật, vì các người đến nghe phật ở trong hội này, mà nói ra ngôi pháp hạnh tu nhân thanh-tịnh của Như-lai buổi đầu, cũng là nói về bồ-tát, ở trong hàng đại- thặng phát tâm thanh tịnh, xa lìa các binh, có thể khiến xuôi chúng sanh ở đời mạt pháp sau này, không ngã sa theo tà-kiến.

Nghĩa rộng

Đây là nói về lời cầu thỉnh phật. Lời thỉnh cầu có hai thứ : Một là vì đại-chúng hiện tại, hai là vì chúng sanh đời mạt thế. Coi câu văn thì đủ biết rõ.

Mới mở miệng liền nói : “*Đại-bi Thế-tôn*”, thì biết dầu ở đời hiện-tại, dầu ở đời vị-lai, đời nào cũng có cảnh khổ để cứu vớt. Vì bi có nghĩa là cứu khổ.

Lại gọi là đại, thì chẳng những giúp ích cho chúng sanh bây giờ, còn có thể làm lợi cho tới đời sau nữa.

Hội này là pháp-hội bình-đẳng. Các người đến nghe pháp là chỉ mười muôn người nói trên.

Như-lai là hiệu thông thường của Phật. Ý nói : thừa cái đạo “*nhu-thật*”, mà đi tới chỗ thành chánh giác. Đây là chỉ người đã thành phật quả rồi.

Ngôi pháp hạnh tu nhân buổi đầu là chỉ ngôi nhân địa khởi tu lúc phật còn phàm phu, vừa mới phát tâm. Tức là chỗ Kinh Lăng-Nghiêm gọi : Bất sanh, bất diệt, là gốc thu nhân.

Đại-Thặng Chi-Quán nói : Tự tánh thanh tịnh tâm, là nó đây.

Pháp hạnh nghĩa là : hạnh diệu vô lậu, phép tu hành khi ở nhân địa. Đó là qui củ về xuất thế, là cái hạnh tu y như luật, y như pháp.

Ý của đoạn thỉnh cầu này, đại khái giống như A-nan thỉnh cầu trong hội Lăng-nghiêm, khi thấy Phật

vậy: Đó là cái phương tiện của các Như-lai dùng lúc ban sơ mà đặng thành bồ-đề. Nhưng A-nan vì mình mà hỏi, còn ở đây các vì bồ-tát thay mặt cho chúng sanh mà hỏi. Ý hỏi tuy đồng, mà duyên do có khác. Cho nên sau mới có câu: “*cùng là nói về bồ-tát ở trong hàng đại-thặng v.v . . .*”

Bực bồ-tát tuy chưa thành phật, mà nguyện làm sao cũng thành cho được. Vì bởi các ngài có gốc lớn cội to, chẳng ưa phép tu Tiểu-thặng, nên mới tin đại giáo, hiểu đại lý, lập đại chí, tu đại hạnh; nên mới ở trong hàng Đại-thặng mà phát tâm thanh tịnh, để cầu thành đại nhân, chứng đại quả.

Tâm thanh tịnh là tâm Bồ-đề. Ý muốn cầu ngay nơi vô thượng Bồ-đề, không bị các pháp nhơn thiên hữu lậu, cùng là nhị thừa vô lậu bó buộc, rối loạn. Cho nên nói : thanh-tịnh.

Cái tâm ấy phát ra có ba loại:

1.- Trục tâm, nghĩa là tâm niệm ngay vào pháp Chơn-như.

2.- Thâm tâm, tâm vui tập theo điều lành.

3.- Đại-bi tâm, nghĩa là tâm phổ độ hết thảy chúng sanh đau khổ.

Ý nói : niệm Chơn-như chớ không niệm các pháp khác, tập pháp lành để đối trị điều chẳng lành, độ chúng sanh mà không trụ vào tướng độ. Cho nên ba tâm đều đặng thanh-tịnh. Ba tâm phát trọn đủ, thì các

bệnh mới do đâu mà sanh ra, cho nên nói : xa lìa các bệnh.

Hãy xét kỹ trong 10 chương sau này, mỗi chương đều có nói ra một bệnh, chương ngại sự tu chánh đạo. Đã xa lìa các bệnh, thì sự chánh tu của 10 chương đều đặn thành tựu. Cho nên gọi chương đầu là tựa phát-khởi (phát-khởi tự).

Từ câu : có thể khiến sắp xuống, là nói về vị-lai, để chỉ rõ sự lợi ích đã sâu lại xa.

Hai chữ vị-lai là muốn nói về lúc Phật diệt độ rồi. Mạt thế chỉ lúc mạt pháp, là lúc chánh-pháp và tượng-pháp đã hết rồi. Lúc này đã cách xa Phật nhiều rồi, sự sai siển càng ngày càng lớn, có nhiều kẻ không biết cầu Đại-thặng, lẽ tự nhiên không cần phải nói rõ.


Đầu có một hai người phát tâm đại thặng, chẳng rõ chỗ nhân địa tu hành đúng theo pháp của Như-lai , chẳng học cách bồ-tát phát tâm đại-thặng, thì tránh sao khỏi tu tập lộn xộn, ngã theo tà-kiến.

Văn-Thù tưởng xa đến đó, cho nên mới có hai câu hỏi, đủ thấy cái khổ tâm của bậc đại-sĩ đối với người đời.

Kinh Phật-Đánh nói : Các nhà tu hành không thành được Đạo vô thượng Bồ-đề, đến nỗi theo Thịnh-văn Duyên-giác, ngoại đạo ma quyến đều là do tự mình không biết căn bản, nên tu tập lộn xộn, chánh là ý nói đó.

6.- Kinh văn

Nói dứt lời này, Văn-Thù sư li bèn mọp năm vốc sát đất, mọp rồi đứng dậy, làm y như trước mà thỉnh cầu cho tới ba phen.

 Nghĩa rộng

Đó là làm rồi, kể làm lại nữa không thôi, cho tới ba lần. Đó là phát ý ân cần khẩn thiết, tự xét việc làm thì đủ thấy biết.

----- ☆ -----

*Phật khen
Bồ-tát*

7.- Kinh văn

Lúc ấy, Thế-tôn kêu Văn-thù sư-li bồ-tát mà nói : Lành thay ! Lành thay !

Thiện-nam tử ! Chúng người đã biết cầu hỏi Như-lai ngôi pháp hạnh tu nhân (nhân địa ^{1/}) cho các bồ-tát và tất cả chúng sanh ở đời mạt pháp muốn cầu đại-thặng mới đặn chánh trụ trì, chẳng ngã theo tà kiến.

Vậy các người hãy nghe cho thật kỹ, ta sẽ vì chúng người mà nói ra.

^{1/} Nhân địa (Thuật ngữ) : tức tu hành Phật đạo chi vị dã, đối ư thành Phật chi vị vi quả-địa. Nghĩa là : nhân-địa là ngôi bắt đầu tu nhân theo Phật đạo, chừng thành Phật rồi, đối với nhân địa nói đây, thì ngôi sau này gọi là quả vị.

Nghĩa rộng :

Đây là lời thỉnh cầu hiệp với tâm Phật, nên mới có lời hứa dạy.

Nói hai lần : Lành thay ! là cho hai câu hỏi đều hạp với ý Phật.

Chúng người là chỉ Văn-Thù, gồm luôn đại chúng. Bởi có mười muôn người hội hiệp, cho một người đứng ra hỏi, tức là đại chúng hỏi.

Phật thêm câu đặng chánh trụ trì, tức là muốn chỉ rõ ba tâm nói trước : lấy trực-tâm làm chánh niệm, mà không tưởng qua các phép khác làm chánh; thâm-tâm là tập điều lành, an trụ tu tập, làm chỗ trụ; bi-tâm là phổ-độ, thể nguyện nhiếp trì, làm cái bản phận phải trì (nắm giữ).

Tam tâm phát ra rồi thì tà kiến không do đâu mà phát ra được, cho nên nói : không ngã theo đó.

Kinh Hoa-Nghiêm nói : Quên mất tâm Bồ-đề, tu các phép lành, thì gọi là ma nghiệp. Cho nên tâm Bồ-đề chẳng khá lúc nào quên. Há không nên cẩn thận sao?

Hai câu sau chót là lời vừa dặn, vừa hứa.

Đại-luận nói :

*Thính giả đoan thị như khát ẩm,
Nhứt tâm nhập u ngữ nghĩa trung.
Đồng được văn pháp tâm bi hỉ,
Như thị chi nhơn, khả vị thuyết.*

Nghĩa nôm

Kể nghe mình chăm bẵm như khát nước,
Để hết một tâm vào trong nghĩa lời nói.
Khi nghe rồi nhảy nhót, lòng có vui, có buồn,
Người như thế mới có thể nói pháp cho họ
nghe.

Nay Phật đã khen câu hỏi, lại dặn rắng nghe, đó là sư (thầy) với tư (trò) hiệp ý.

----- ☆ -----



8.- Kinh văn

Thì Văn-Thù sư-lị bỏ-tát vung lời hớn hở, còn người trong đại chúng đều lẳng lẳng mà nghe.

Nghĩa rộng :

Đây là trò với thầy hiệp, hứa sẽ theo cơ cảm của đại chúng, cho nên đại chúng lẳng lẳng.

Kinh Thập-Địa nói : Như khát thềm nước lạnh, như đói trông đồ ăn, như bệnh nhớ thuốc hay, như con ong cầu mật. Nói rằng : chúng tôi đây nguyện nghe pháp cam lộ, tức là có ý vung dạy, vui nghe.

Nay Văn-Thù đã tự vung dạy, vui mừng đồng với đại chúng lẳng lẳng mà nghe, há không phải là trò với thầy duyên hiệp sao (nghĩa là : Thầy và trò cùng đồng ý về một duyên lành).

----- ☆ -----

9.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vua Pháp tốt bực cao thượng có một môn Đà-la-ni lớn, gọi là : Viên-giác. Nó phát ra hết thảy các thứ : Thanh-tịnh, Chơn-như, Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật, truyền dạy cho Bồ-tát.

Nghĩa rộng

Trước kêu Thiện-nam tử, tức là kêu ông Văn-Thù, tỏ ra lời hỏi và câu trả lời có liên lạc với nhau.

Vua Pháp tức là Như-Lai, nêu ra người đã chứng quả. Ý nói : Như-Lai chứng pháp tốt cao thượng, đứng tự-tại ở trong các pháp.

Các câu kể kể ra các pháp đã chứng.

Đà-la-ni nghĩa là Tổng-trì có nhiều thứ : hoặc nhiều chữ, hoặc ít chữ, hoặc một chữ, hoặc không chữ.

Nhiều chữ như chú Lăng-Nghiêm, ít chữ như chú Đại-minh vương, một chữ như chữ hồng (hùm), không chữ tức là nhứt tâm, đều có tổng (gồm) hết thảy pháp, trì (giữ) nghĩa không lường.

Nay đem chữ không chữ mà nói, tức là Nhứt chơn pháp-giái, cái tâm linh minh bất muội. Đứng thì tới chót vót, nằm thì trải khắp cùng, không pháp nào chẳng gồm, nên gọi là lớn. Nó đã tổng trì mà còn sanh ra nữa, nên gọi là môn (cửa), để cho biết có thể, có dụng, hay vào hay ra, nên tỉ dụ với cái cửa.

Rọi không đâu chẳng tới nên gọi là Viên (tròn) đủ. Đối với cảnh mà không mê gọi là giác (tỉnh biết). Đó là chỉ cái tâm nhân-địa. Hết thảy các diệu đức chẳng chỉ không do đó mà phát ra.

Ý nói : Như-lai dựa vào đó mà đậu cơ thi giáo. Chúng sanh cũng y theo đó mà chứng quả tu nhân.

Chơn-như tức là tâm Chơn-như môn ở trong cuốn Khởi-Tín. Bởi nó lìa tướng lời nói, lìa tướng của ý nghĩ, từ xưa nhân nay chưa từng tương ưng với nhiễm pháp, cho nên gọi là : Thanh-tịnh.

Bồ-đề là trí đức, bởi lìa phiền não mà chứng được nó. Niết-bàn là đoạn đức, bởi đoạn sanh tử mà nên cảnh ấy.

Ba diệu đức nói trên đều thuộc về phần quả.

Tiếng phạn gọi ba-la-mật, dịch là : bĩ nạn đáo. Nói xuôi là đáo bĩ nạn. Ý nói :Tu cái đó, có thể lìa bờ sanh tử bên này, để đưa mình qua khỏi dòng nước phiền-não, mà đi tới bờ Niết-bàn bên kia. Kinh Hoa-Nghiêm kể 10 ba-la-mật, còn các kinh khác chỉ kể có 6 ba-la-mật.

Viên-giác thuộc về nhân hành. Câu truyền dạy cho bồ-tát là chỉ rõ nhân quả, cái nghiệp dụng của diệu đức. Ý nói: hay lấy cái đại-pháp trong đó phát ra mà truyền dạy bồ-tát, bồ-tát y theo đó mà tu hành, khiến dựa nhân mà tìm quả. Đó là cái hành tướng của đại đà-la-ni.

**Ngôi tu
nhân ban**

10.- Kinh văn

Cái ngôi tu nhân ban đầu của hết thầy Như-lai đều căn cứ nơi sự trọn chiếu vào thanh-tịnh giác-tướng, đoạn tuyệt vô-minh, mới thành đạo Phật.

✚ Nghĩa rộng

Trước nói về căn-bản thành Phật, khởi ở ngôi tu nhân. Nếu ngôi tu như không chơn, thì quả chiếu đến sẽ thành ra vạy vò. Cho nên ban sơ đem chỗ căn cứ mà nói ra trước.

Đây nói : “*đều căn cứ nơi*” là chẳng phải chỉ một vị Phật mà thôi, các Phật cũng đều như vậy. Về câu “*trọn chiếu*” ta phải để ý lắm.

Chữ tướng trong Giác-tướng phải hiểu là tánh. Đây là chỗ gọi là cái tướng không tướng, tức là cái thiệt-tướng gồm cả tánh, tướng là một, chớ không phải hai.

Trạng nó như tấm kiếng sạch, tánh nó như chỗ vừa trong vừa không, phiền-não không ám tối, bụi trần không dính dơ. Cho nên gọi là thanh-tịnh.

Đây là chỉ cái thể của bản-giác, từ xưa tới nay, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải cũng có cũng không, chẳng phải không phải có, không phải không. Miệng muốn nói ra mà lời tan mất. Tâm muốn suy nghĩ mà ý lại quên ngay. Nó dứt lìa các

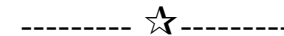
việc tội quấy, không thể nào bàn xét. Duy có buông bỏ trần tình, bội trần hiệp giác, niệm trước đã diệt, niệm sau chưa sanh, chánh là lúc đó, mới có linh quang độc diệu, trí và lý cùng hiệp. Cũng như chỉ có mặt nguyệt sáng tròn, chỉ có mặt trời trên không chiếu, mới gọi là trọn chiếu. Ý nói chiếu khắp, một cách đầy đủ.

Trước đã nói : thân tâm vắng lặng, chánh ngôi bình-đẳng, đầy đủ mười phương thuận theo cảnh không hai, là chỉ nó đây.

Cái công phu trọn chiếu nói đây tức là “*thuận theo cảnh không hai*”.

Vô-minh vốn không, Phật đạo là có. Quả thật trong một niệm tương ưng, chỉ trong khoảng một niệm đó, tức là lúc đoạn vô-minh thành Phật đạo.

Hãy xét thử bốn chữ trong câu : “*đoạn tuyệt mới thành*” . . . thì là không phải dễ. Còn nói : trong một niệm thì là không phải khó. Khó ở chữ “*tuyệt*” và chữ “*mới*” mà thôi.



**Giải nghĩa
vô minh**

11.- Kinh văn

- Sao gọi là vô minh ?
- Thiện-nam tử ! Tất cả chúng sanh từ đời vô-thi tới bây giờ, có nhiều điên đảo, cũng như người mê, bốn phương đổi chỗ, (lộn hướng này qua hướng khác),

nhận quấy tứ đại (địa, thủy, hỏa, phong) làm cái tướng của thân mình, duyên ảnh của sáu trần làm cái tướng của tâm mình.

✚ Nghĩa rộng

Câu đầu thừa thượng tiếp hạ. Trên nói: “*đoạn tuyệt mới thành*” nhưng không biết vô-minh ra sao. Cho nên mới tiếp theo mà hỏi vặn như thế.

Phật kêu Thiện-nam tử, mà dạy rằng : Tất cả chúng sanh là chỉ chúng sanh ở trong chín giới. Từ đời vô thủy tới bây giờ, là chỉ Chơn-tâm hôi muối, tức là căn-bổn tối sơ của Vô-minh. Còn gần đây là chỉ một niệm bất giác mà khởi lên, tức là chi mạt hiện tại của vô minh. Ở trong chỗ không có ngã (ta), mà kể quấy là có ta. Ở trong chỗ không có pháp, mà kể quấy là có pháp. Cho nên nói : nhiều thứ điên đảo.

Nhưng nói như vậy cũng không thiệt rõ, nên phải mượn ví dụ người mê về phương hướng. Chơn-tâm hôi muối như người mê vậy.

Vốn không ta mà quấy kể là có, vốn không pháp mà quấy kể là có. Kể có ta tức là ngã chấp, kể có pháp tức là pháp chấp. Cộng hết tất cả là 4 thứ : 2 thứ Cu-sanh và 2 thứ phân-biệt.

Bốn thứ này đều là ở trong không mà kể có, nên mới lấy “*bốn phương đổi chỗ*” làm tỉ dụ. Ý nói : đem nam làm bắc, chỉ đông nói tây. Một hướng đã sai, bốn phương cũng theo đó mà lộn hết. Lời ví dụ này cốt để chỉ rõ nghĩa của bốn chấp điên đảo.

Tuy biết điên đảo, mà không biết tại có sao. Cho nên lấy chỗ nhìn quấy thân tâm mà bày giải.

Tứ đại là địa, thủy, hỏa, phong. Tứ đại giả hiệp, vốn không có thật-thể, mà nhận đó làm thân mình, tức là chấp ngã. Nhận cái thân này ⁽¹⁾ là thiệt có, tức là chấp pháp. Vốn không phải như thế mà nhìn nhận như thế, nên gọi là vọng nhận (nhận quấy).

Lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ở cảnh lục trần, hiện ra cái bóng năng duyên, là tướng hư vọng phân biệt tướng. Dựa vào trần thì có, lìa trần ra thì không. Cho nên lấy duyên ảnh mà đặt tên. Kỳ thiệt gọi là vọng-tướng.

Nhận vọng-tướng làm tâm mình, tức là chấp ngã. Lại nhận nó là thiệt có, tức là chấp pháp. Nói như thế e mà còn chưa lãnh hội được, nên sau này mới có dùng tỉ dụ.

----- ☆ -----

(1) Có lẽ là nhận tứ đại, nhận ngũ âm làm pháp.

Thí dụ :
hoa đóm, mặt
trăng

12.- Kinh văn

Thí như kẻ đau mắt, thấy bông nháng trên không (hoa đóm), và mặt trăng thứ nhì.

+ Nghĩa rộng

Con mắt nói đây là chỉ thanh-tĩnh nhãn, tỉ dụ cái Bồn-giác chơn-trí.

Bịnh là chỉ con mắt có vảy cá, hay là con mắt nhặm,. Tỉ dụ căn-bồn Vô-minh.

Con mắt đã bịnh, thì chỗ thấy không thiệt, tỉ dụ chúng sanh vọng kiến.

Không là chỉ cảnh hư -không, lúc mưa tạnh trời trong.

Mặt trăng là chỉ trăng sáng.

Hư-không vốn không có bông, còn mặt trăng cũng không có hai mặt, cả hai đều là ví dụ chơn-lý của Bồn-giác. Bởi con mắt có vảy cá hay là nhặm, nhãn có bịnh mới thấy trên hư-không có bông vô số, giữa trời có hai mặt trăng.

Bông giả ví dụ tứ đại làm thân. Mặt trăng thứ nhì ví dụ duyên ảnh làm tâm. Sao mà chẳng rõ thân tâm đều là thuộc về vọng cảnh, duy vọng-kiến mới thấy có. Nếu chơn-kiến thì thấy không. Vọng-tâm có biết, Chơn-tâm không biết.

Tại có sao ? Vì lý trí không hai, tâm cảnh một Như (một chơn-như) mà thôi.

----- ☆ -----

13.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hư-không thiệt không có bông, kẻ đau mắt vọng chấp.

Do lòng vọng chấp, chẳng những là hiểu lầm cái tự-tánh của hư-không đó mà thôi, lại còn không biết chỗ thiệt sanh ra bông kia nữa.

Do đó mới chấp luân chuyển sanh tử, nên gọi là Vô-minh.

+ Nghĩa rộng

Trong câu : hư-không thiệt chẳng có bông, tuy nói bông trên không, nhưng cũng gồm nói mặt trăng thứ nhì.

Đây là có ý nói : trong tánh Bồn-giác, duy có “*Như-như trí*” và “*Như-như ý*”. Chỗ gọi trí cũng là Như, lý cũng là Như, một như chớ không phải hai Như.

Tỉ du như con mắt tịnh minh, lúc mưa tạnh trời trong, duy có hư-không, chớ không có chi khác. Đâu có chi gọi là tướng của thân tứ đại, tướng của tâm duyên ảnh.

Ngày nay, ta có cái thân tâm này đây, là vì Vô-minh vọng-kiến mà có, giống hệt như bông trên không và trăng thứ nhì. Đó là vì con mắt bệnh thấy tựa như có. Cho nên nói : kẻ đau mắt vọng chấp, cho bông và trăng thiệt có, mà không biết rằng trong chơn tánh chỉ có Như-trí và Như-lý mà thôi.

Lại kẻ ấy còn mê nhiều đến nỗi, chẳng những mê chơn khởi vọng, mà lại đem vọng làm chơn, không biết cái mối đầu của vọng, lại nói có chỗ sanh bông, tỉ dụ căn nguyên của vọng.

Họ chỉ vọng nguyên là Vô-minh, cho Vô-minh là căn-bôn của thân tâm. Trên nói làm cái tánh không, là mê cái chơn-thể. Còn không biết chỗ sanh là mê về vọng nguyên.

Mê chơn-thể thì không thể tu chơn, mê vọng nguyên thì không biết đoạn vọng. Cho nên sanh là sống một cách mơ hồ, còn tử cũng là chết một cách mơ hồ. Một niệm lành là thiên thượng, nhơn-gian. Một niệm dữ là địa ngục, quỉ súc. Cho nên nói : “*do đó mới chấp có luân chuyển sanh tử*”.

----- ☆ -----

**Vô-minh không
có thiệt thể**

14.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! thứ vô-minh đó không phải có thiệt thể. Tỉ như người nằm chiêm bao, lúc chiêm bao thì chẳng phải là không (thấy có), mà khi tỉnh giấc thức dậy rồi, thì thiệt không có gì cả.

✚ Nghĩa rộng

Vô-minh là năng biến (chủ biến), thân tâm là sở biến (bị biến). Sở biến hư-vọng, trên đã phân minh vạch ra rồi. Còn chủ-biến hư vọng, e chưa đặng rõ.

Nay trước chỉ rõ Vô-minh không có thể, cho nên nói, chẳng phải có thiệt thể. Lúc mê thì tựa có, khi giác thì thiệt không. Cho nên mượn vật thấy trong lúc chiêm bao, mà chỉ rõ chỗ vô thể nói đó.

----- ☆ -----

**Vô-minh không
sanh diệt**

15.- Kinh văn

Như nhiều bông trên không, tiêu diệt ở hư-không, mà không thể nói ra rằng tiêu diệt ở một chỗ nào nhứt định. Tại có sao ? vì không có chỗ nào sanh cả.

✚ Nghĩa rộng

Cái nghĩa ấy muốn nói đây là không có nhân, cho nên lặp lại cái tỉ dụ bông trên không để chỉ rõ cái lý ấy.

“*Như*” nghĩa là : nếu như, giả sử. Vọng cảnh không phải có một, cho nên gọi nhiều bông.

Thứ bông này duy có kẻ đau mắt thấy đợc mà thôi, tỉ dụ vọng cảnh duy có Vô-minh mới hiện nó ra đợc. Một khi con mắt hết đau, chẳng còn thấy bông

trên không nữa, tí như bông kia bị tiêu diệt ở trong một chỗ hư-không. Tỉ dụ người mê, đến lúc ngộ, hiểu rõ rằng : trước kia vốn không có Vô-minh, há không phải nó diệt ở trong Chơn-như sao?

Nhưng bông tựa như bị tiêu diệt ở hư-không, mà chẳng thể nào nói trong hư-không tiêu diệt nhưt định có một chỗ nào. Tỉ dụ vọng tựa diệt ở trong chơn, mà cũng chẳng thể nào nói : trong Chơn-như vọng tiêu diệt có một chỗ nhưt định.

Nếu có chỗ diệt thì phải có chỗ sanh. Nhà người nên xét kỹ hư- không vốn không có chỗ sanh, thì làm sao mà có chỗ diệt ? Hư-không còn như thế, huống hồ là Chơn-như, thì đủ rõ Vô-minh không có nhân.



**Không luân
chuyển sanh tử**

16.- Kinh văn

Hết thấy chúng sanh, ở trong chỗ không sanh, thấy quấy có sanh có diệt, cho nên đặt tên là : luân chuyển sanh tử.

✚ Nghĩa rộng

Chúng sanh chỉ hạng người chưa biết chơn-lý. Hãy xét cái tỉ dụ trên thì biết rằng chơn, không có sanh diệt. Như Vô-minh vốn không có sanh, mà chúng sanh vọng chấp Vô-minh có sanh diệt, là bởi ở trong không có sanh, thấy quấy có sanh. Nó vốn là hư-vọng, mà lầm gọi là chơn-thiệt.

Tam tế, lục thô ⁽¹⁾ do đó mà nổi bật lên, bởi vậy mới đặt tên : luân chuyển sanh tử, chớ không phải nói rằng không có.



**Mà luân chuyển
chẳng diệt**

17.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Như-lai ở ngôi ban sơ tu Viên-giác, biết thứ bông trên không đó, tức là không có luân chuyển, lại cũng không có thân tâm chịu sự sống chết nữa. Chẳng phải làm chi rồi mới không bỗn-tánh vốn không trước khi kia mà.

(1) Tâm bất-giác mới sanh ra ba thứ tế tướng :

1. Vô-minh nghiệp tướng (Tâm động gọi là Nghiệp),
2. Năng kiến tướng (Tâm chủ thấy gọi là Năng-kiến)
3. Cảnh-giái tướng (tức là cảnh giới sở kiến) cũng gọi là Hiện tướng.

Kế sanh ra ba thứ thô tướng

1. Trí tướng
2. Tương-tục tướng
3. Chấp-thủ tướng
4. Kế danh tự tướng,
5. Khởi-nghiệp tướng,
6. Nghiệu-hệ-khổ tướng

(Thỉnh xem trong cuốn Phật giáo Tâm-lý của đạo Minh Lý trường 248- 350)

Nghĩa rộng

Ngôi tu nhân (Nhân địa) của Như-lai là tiếng chỉ lúc Phật mới phát tâm. Lúc mới phát tâm, Như-lai liền tu ngay Viên-giác, thì biết rằng Ngài không phải là tiểu căn liệt khí.

Chữ “*biết*” này rất quan trọng. Kẻ phàm-phu sở dĩ không biết, là bởi không có cái trí Thi-Giác.

Lúc Như-lai ở ngôi tu nhân mới phát tâm đã có cái “*biết*” này, vậy biết tức là trí. Thi giác là Chơn-trí, biết được thân tâm là cái bóng vang của Vô-minh, cả hai đều là như bông trên không.

Chỉ vì chúng sanh không biết, nên bị luân chuyển. Mà chúng sanh sở dĩ không biết, là bởi có niệm.

Nay đã biết có bông trên không, thì ngay lúc bây giờ hãy lìa niệm, cho nên nói : “*tức là không có luân chuyển*”.

Chỉ có một phép lìa niệm, đó mới là búa rìu để đoạn dứt Vô-minh. Căn-bôn đã đoạn, nhánh nhóc chẳng sanh, cho nên nói : Cũng không có thân tâm chịu sự sống chết. Đó mới là Giáo lý thuộc về chơn viên đôn.

Hãy xét coi kẻ độn căn thuộc về Tiệm-giáo, tất nhiên phải nghiên chơn đoạn hoặc. Chơn cùng hoặc tận, còn phải làm cho nó ra không; nay nói về Đốn-giáo thì không phải vậy.

Nếu giác-ngộ rồi, thì biết vọng không có tự tánh, toàn thể tức là chơn, cho nên nói : Chẳng phải làm chi rồi mới không, bôn-tánh vốn không trước khi mà !

----- ☆ -----

Biết và không biết đều đẹp

18.- Kinh văn

Cái tri-giác kia dường như hư-không. Biết cái hư không đó, tức là tương bông trên không. Mà cũng chẳng thể nói là không có tánh tri giác : Có và không đều đẹp hết, thì mới gọi là thuận tịnh giác.

Nghĩa rộng

Tri-giác nghĩa là hay biết. Tri giác tức là cái trí hay biết bong trên không, đây cũng chỉ Chơn-trí.

Trí này do lìa niệm mà hiện, ở trong thể tức là Chơn, cho nên nói: dường như hư-không. Hư-không tỉ dụ Chơn-lý.

Như- trí và Như-lý vốn không phải là hai Như (cũng một Chơn-như). Nếu có kẻ dấy niệm muốn biết cái Chơn-trí đồng với hư-không, tức là ở trong hư không, mà lại phát sanh ra bông trên không. Cho nên nói : “*tức là tương bông trên không*”.

Chỗ Cổ-đức gọi: “*Linh-quang độc diệu, quảnh thoát căn trần, quang đồng tịnh cảnh, bất đồng cảnh thể chi vô tri*”. Nghĩa là : Linh-quang chiếu diệu một mình, thoát khỏi xa căn trần, ánh sáng đồng như cái

gương trong sạch, chớ không đồng với cái thể vô tri-giác. Cho nên nói: Mà cũng không thể nói là không có tánh tri-giác. Đồng như hư-không là chẳng phải “có”, linh-quang chiếu diệu là chẳng phải không (chẳng phải có, chẳng phải không), nên nói : “có” và “không” đều đẹp hết.

Nếu đẹp hết rồi, thì không thể nói có, lại cũng không thể nào nói không. Vậy mới gọi nó là chi ? Cho nên mới nói : Gọi là thuận theo ⁽¹⁾ tịnh-giác. Ý nói : Cái tâm tịnh Viên-giác đó, ta có thể thuận theo nó mà chứng nhập (biên giác).

----- ☆ -----

**Vì tánh nó
là hư không**

19.- Kinh văn

Tại có sao ? Vì tánh nó là hư-không, vì nó thường không động, vì trong tạng Như-lai không có khởi, có diệt, vì không có tri-kiến (thấy biết vì không khởi diệt mới thấy biết cái chi chớ !) vì tính nó như pháp-giải, rốt ráo đầy đủ, trải khắp mười phương.

(1) Thuận theo :Số là quán hạnh tới đây, thô cấu đã hết, cho nên gọi là thuận theo. Bởi rõ biết tâm thể vắng lặng, không còn phân biệt, thì tâm chấp dị đã hết, nên gọi thuận theo Chơn-như (Ma-ha Chỉ-quán, cuốn 15tr.124)

✚ Nghĩa rộng

Câu đầu hỏi tại sao mà đẹp hết “có” và “không”, thì gọi là thuận theo Tịnh-giác.

Trước hết xin giải chữ “tịnh”. Tịnh tức là chỉ Chơn-như thanh-tịnh. Câu hư-không là khởi sự tin rằng cái nghĩa “không” ở trong Chơn-như. Đây chẳng nhận phải thiệt có, không, đồng, khác, v.v ..., các tướng, để lìa các niệm hư-vọng.

Câu thường không động, chỉ cái thể của Chơn-như. Vì nó chẳng biến đổi, nên nói không động.

Câu Như-lai-tạng chỉ cái dụng của Chơn-như. Thể tuy chẳng biến, mà dụng có tùy duyên, nghĩa là theo duyên nhiệm, duyên tịnh, nói lên mười giải. Tuy là duyên có khởi diệt, mà bản-thể đứng cứng một chỗ, nên nói không có khởi, có diệt. Đã không khởi diệt, duy một Chơn-thể mà thôi, thì tự nhiên lìa thoát căn trần. Tuy có tri-kiến, mà nó dựa vào đâu ? Nên nói không có tri kiến. Nếu khởi diệt, không do đâu mà có, thì tri-kiến cũng không đứng vững, cho nên rón rang, thanh-tịnh.

Kế đây là giải chữ “giác”. Chữ pháp-giải là chỉ sự pháp-giải mà nói. Ý nói mỗi mỗi sự pháp đều có giải phận, có ranh hạn, không phải xen lẫn, lộn xộn.

Trong câu “vì tánh nó như pháp-giải”, phải hiểu chữ “Như” đồng nghĩa với chữ “xứng”. Đã nói như

tịnh-giác, rồi lại dạn xét kỹ lý ấy, xứng pháp-giải làm tánh. Đây là lý tùy sự mà đặng trải khắp.

Trong câu rốt ráo, đã biết lý tùy sự mà đặng trải khắp, nhưng phải còn thâm để tiến quán, lâu rồi hết còn thấy sự, toàn sự toàn lý, nên nói : đầy đủ. Đây là sự nhờ có lý mà dung thông.

Đã đặng sự lý dung thông, tự nhiên có thể hộ biến, hộ nhiếp, trùng trùng vô tận. Cho nên nói : trải khắp mười phương.

Trên đó là giải nghĩa bốn chữ thuận theo tịnh-giác

----- ☆ -----

**Pháp hạnh
tu nhân là vậy**

20.- Kinh văn

Đó gọi là pháp hạnh tu nhân, Bô-tát nhờ đó, mà theo hàng Đại-thặng, phát tâm thanh-tịnh. Chúng sanh ở đời mạt pháp, y theo đó mà tu, thì không sa ngã theo tà-kiến.

✚ Nghĩa rộng

Câu đầu kết luận về ngôi pháp hạnh tu nhân. Còn từ đó sắp xuống, chánh là dạy : Như-lai đã nhờ đó mà thành Phật; vậy bô-tát cũng nên theo đó mà phát tâm cầu Phật. Phát tâm cầu Phật, đành là không một tiểu đạo. Cho nên nói : “theo hàng Đại-thặng, phát tâm bô-đề”, tức là ở phía trước chỗ nói : “phát ba tâm”.

Chúng sanh ở đời mạt thế, theo đó mà phát tâm tu hành, tự nhiên đặng chánh trụ-trì, không sa ngã theo tà kiến. Tới đây là hết kinh trường-hàng.

----- ☆ -----

**Phật truyền
kệ tụng**

21.- Kinh văn

Lúc đó, Thế-Tôn muốn lặp lại các nghĩa vừa nói trên, nên mới đọc kệ rằng:

✚ Nghĩa rộng

Kệ tụng có 4 loại chẳng đồng :

1 – Thông-tụng : Bất luận trường hàng hay kệ tụng, chỉ đếm đủ 32 chữ tức là một bài kệ.

2 – Phúng tụng : Chỉ lấy kệ mà thuyết pháp, chẳng lấy trường-hàng làm tụng. Cũng gọi là Cô-khởi tụng.

3 – Ứng tụng : Vì tương ứng với văn trường-hàng. Cũng gọi là Trùng-tụng, vì lẽ lặp đi lặp lại cho người độn căn đặng rõ.

4 – Tập-thí tụng : Đặt lời ít mà có nghĩa nhiều, đưa ra cho người ta trì tụng.

Nay trong bốn loại này, bài kệ trên thuộc về ứng-tụng. Ứng-tụng lại còn chia ra làm 6 thứ tụng nhỏ nữa là :

- a) Siêu-tụng .- Vì trường-hàng ở sau, tụng ở trước.
- b) Truy-tụng .- Vì trong bài trường hàng có chỗ chưa nói rõ, nên kiếm chỗ sơ sót đó để tụng.
- c) Quảng-tụng .- Trường hàng thì văn tóm tắt, mà tụng lại đặt ra dài.
- đ) Lược-tụng .- Trường hàng đã giải rõ, nên chỉ tụng sơ lược.
- e) Bổ-tụng .- Trường hàng chưa trọn nghĩa, tụng để bổ khuyết. Văn không giống mà nghĩa đồng.
- g) Nghĩa-tụng .- Văn với trường hàng tuy khác, mà nghĩa với trường-hàng có một.

----- ☆ -----



22.- Kinh văn

*Văn-Thù, người phải biết,
Hết thấy các Như-lai,
Do ở tại chỗ tu nhân,
Đều dùng trí-huệ giác.*

✚ Nghĩa rộng

Những bài tụng trong ở kinh này đều là lược tụng cả. Phật ở trường hàng khó nhớ, nên nói thêm kê,

trước dặn : “*Người phải biết*”. Ý nói : Ít lời mà nhiều nghĩa, chẳng nên khinh suất.

Văn hai câu giữa đồng với văn trường hàng. Trí-huệ tức chỉ giác-tướng thanh-tịnh. Chữ giác tức là : hay đoạn vô-minh, thành Phật đạo. Thành thử cái nghĩa này trọn vẹn bao gồm ở trong chữ giác.

----- ☆ -----



23.- Kinh văn

*Vô-minh đã hiểu rõ,
Biết nó bông trên không.
Thì thoát vòng lưu chuyển.*

✚ Nghĩa rộng

Hiểu rõ là biết rằng gốc rễ vô-minh sanh ra nhánh nhóc. Nhánh nhóc tức là thân tâm. Rồi chấp ngã, chấp pháp, tưởng quấy có luân chuyển.

Bông trên không và trăng thứ nhì là những chữ chỉ thân tâm bây giờ.

Chữ “*biết*” tức là trí Thi-giác, cuốn Đại-thặng Chi- Quán gọi là vô-trần-trí. Ý nói : Giả sử biết cái thân tứ đại giả hiệp, cái tâm lục trần duyên ảnh, như bông trên không và trăng thứ nhì, tự nhiên trong lòng không dấy lên hai chấp : ngã và pháp. Lại cũng không tạo nghiệp chiêu báo cho nên thoát dòng lưu chuyển.

24.- Kinh văn

*Lại như kẻ mộng寐,
Tỉnh rồi không đặng chi.*

+ Nghĩa rộng

Ý nói : dấy niệm thành mê, tự có vô-minh. Cho nên tử như kẻ nằm ngủ mộng寐, lúc chiêm bao thấy có. Nếu lia niệm thì giác ngay, kiếm tìm không đặng cái chi cả, cũng như tỉnh dậy mò chiếu không.

Quán như vậy, đủ biết diệt mà không diệt, sanh cũng chẳng sanh. Cho nên trong kinh trường hàng nói: “Ở trong chỗ không sanh, thấy quấy có sanh có diệt, cho nên đặt tên là “*luân chuyển sanh tử*”. Thiệt là đáng thương xót!



25.- Kinh văn

*Giác ấy như hư-không,
Bình-đẳng không lay chuyển.
Giác rộng khắp mười phương,
Thì thành ngay đạo Phật.
Các huyễn diệt không nơi,
Thành Đạo không chi đặng,
Vì chưng tánh trọn đầy.*

+ Nghĩa rộng

Hai câu đầu tụng về các điều hư-vọng đã sạch hết.

Về chữ giác, theo trường hàng là : “*cái trí-giác kia*”, tức là chỗ gọi : Hết vọng là chơn. Cho nên nói : Như hư- không.

Bình-đẳng nghĩa là : Đã biết chơn-vọng đều ở trong không ra, thì có, không, sanh, diệt đều là bình đẳng.

Không lay chuyển là chơn thể bất biến, tam thể bất thiên. Đây là chỗ trường hàng gọi là tịnh-giác vậy.

Hai câu kệ đó tụng về : bất chơn hà đãi ? Ý nói : Xét lại thật kỹ tịnh-giác, lý tùy sự mà trải rộng khắp, nên nói : giác rộng khắp. Hãy cứ quán tới nữa, sự đặng lý hiệp, hai bên vừa biến vừa nhiếp lẫn nhau, cho nên nói đặng trải khắp mười phương, nhờ chỗ đó mà thành ngay Phật đạo.

- Có kẻ hỏi : Trên nói : chơn vọng đều ở không mà ra : vọng vốn không vọng, chơn cũng không chơn. Thế thì: không có vọng phải diệt, cũng không có chơn phải hiển.

Không có vọng thì không đọa vào chúng sanh. Không có chơn thì chẳng thành Phật đạo. Nay lại nói thành Phật, là làm sao vậy ?

- Cho nên kệ sau có ba câu ngữ. Ý nói : Các huyễn vốn không, cũng không phải diệt chơn. Phật đạo

vốn thành, mà không phải đặng cái chơn. Phải biết bồn
tánh trọn đây.

Vì có chấp có vọng mà phải chịu luân chuyển,
vọng hết thì chơn đủ đây. Nghĩa là nói thành Phật, nên
xin đừng có nghi ngờ về chữ thành Phật đó mà cật vấn.

----- ☆ -----

Hết kệ tụng

26.- Kinh văn

*Bồ-tát ở trong đó,
Hay phát tâm bồ-đề.
Chúng sanh đời mạt thế,
Tu vậy khởi tà kiến.*

 **Nghĩa rộng**

Chương “*phát khởi tự*” tới đây là dứt. Văn tuy gọi
phát khởi, mà nghĩa ăn với chánh-tông. Thật là vì bực
tối-thượng thừa, mà mở đường trí kiến của Phật, tức là
chỗ gọi : “*minh tâm kiến tánh, lập địa thành Phật*”.
Hiểu rồi rất dễ bề tu hành.



**MINH - LÝ ĐẠO
TAM - TÔNG MIÊU**



VIÊN GIÁC KINH

**Đại Phương Quảng Viên – Giác Tu-đa-la liễu nghĩa
Giảng nghĩa**



**NGUYỄN MINH THIÊN
Phiên dịch**

CHƯƠNG THỨ HAI

Năm 1971 (tháng bảy)

KINH VIÊN-GIÁC

Giảng nghĩa



CHƯƠNG THỨ HAI

Phổ-Hiền khai thỉnh.



1.- Thượng căn thị chơn tu.

a) Đốn tu

**Bồ-tát
thỉnh cầu**

1.- Kinh văn

Đoạn Phổ-Hiền Bồ-tát ở trong đại hội lìa chỗ ngồi đứng dậy, tới đánh lễ ở chơn Phật, đi vòng ba quận theo hướng tay mặt, quì xuống chấp tay, mà bạch với Phật rằng:

Đại-bi Thế-tôn ! Chúng tôi rất mong Phật, vì các bồ-tát trong hội này, cùng là tất cả chúng sanh ở đời mạt thế, tu bực Đại-thừa, đã nghe qua cảnh giải thanh-tịnh của tánh Viên-giác này rồi, mà giảng giải cho biết phải tu hành cách nào.

 Nghĩa rộng

Đây là nói về lễ nghi “*tổng thỉnh*” nghĩa là nói đại ý các việc muốn thỉnh cầu.

Đây nói: “*Cảnh-giải thanh-tịnh của tánh Viên-giác*” nói phía trước. Đã thấy chương trước luận về hiền tánh, cho nên Khuê-Phong thiền-sư nói là “*Nhập chánh tông*”. Còn chương này dạy phép tu hành, cho nên Bồ-tát bạch hỏi tu hành cách nào ?

Đó là một bằng chứng chắc rằng hai môn : Một là tánh, hai là tu chẳng đặng phé bỏ một bên nào.

Ý nói : Câu Phật nói trước : “*biết đó là thứ bông trên không, tức là không có luân chuyển; lại cũng không có thân tâm, chịu sự sống chết nữa.*” Đó là nói về bực tối thượng căn nhơn, đốn ngộ ngay trên một niệm, nghe qua có thể hiểu liền. Còn nếu như không phải hạng người đó thì mới làm sao. Thiết tưởng tất nhiên không tu hành, thì khó bề giải thoát. Còn nếu tu hành, thì nên tu cách nào ? Cho nên mới có câu “*tổng vấn*” : tu hành cách nào, ở trên đó.



2.- Kinh văn

Bạch Thế-Tôn ! Nếu kẻ chúng sanh kia biết như-huyễn, thì thân tâm cũng là huyễn. Sao lại nói rằng cái huyễn mà tu cái huyễn ?

Nếu các tánh huyễn, tất cả tiêu diệt, ắt không có tâm, thì ai đứng ra tu hành ? Sao lại còn nói tu hành như huyễn ?

Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành, cứ ở trong cảnh huyễn hóa trong vòng sanh tử, mà không biết rõ cảnh-giải như-huyễn, khiến sanh tâm vọng tưởng, thì làm sao giải thoát ?

✚ Nghĩa rộng

Đây là hỏi riêng mấy chỗ khó. Ý hỏi có ba điều :

1.- Nếu kẻ chúng sanh kia biết hết thấy vô-minh, thân tâm, như hoa trên không, tức là biết như-huyễn rồi đó. Thế thì cái thân “*tứ đại giả hiệp*”, cái tâm “*lục trần duyên ảnh*”, đều là như huyễn, không thiệt.

Đã gọi là như-huyễn không thiệt, sao lại lấy cái thân như huyễn, cái tâm không thiệt, mà lại tu trị vô-minh cũng là như-huyễn không thiệt ? Thí như lấy nước mà rửa nước, nước càng thêm nhiều, có phải là trái lại nuôi lớn vô-minh, thì có gì ích lợi gì đâu?

2.- Nếu tánh huyễn vô-minh hoàn toàn tiêu diệt thì cũng không có thân tâm, bởi thân tâm do vô minh sanh ra. Vô-minh đã không, thì thân tâm cũng không. Đã không thân tâm, giả sử có đốn ngộ đi nữa, thì ai đâu tu hành ?

Sao Như Lai bình thường có nói: phải tạo tu từng việc, trị cái vô-minh như huyễn, mới thành chánh quả ?

Thí như đem số không hiệp với số không, không chẳng thấy thêm, thành thử vô công, có rán sức cũng vô ích, thì tu như vậy có bỏ vào đâu ?

3.- Nếu chúng sanh nghe nói như huyễn thì liền biết không thiệt, vốn không phải dụng công tu hành, nên nói : lý quán, sự tu đều, không cần dùng.

Quả vậy, tất cả chúng sanh thường ở trong vòng sanh tử, khởi hoặc tạo nghiệp, mà có nghiệp ắt có chiêu khổ báo. Người tạo ra thiện nghiệp sẽ nhờ đó mà lên cõi Trời, cõi người. Kẻ gây ra ác nghiệp sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc-sanh. Hoặc nghiệp không dứt, quả báo trầm hiện cho tới vô số kiếp. Làm sao quày đầu lại được?

Ý nói : Không cần “*lý quán*”, chẳng do đâu mà đốn ngộ, nếu không biết rõ cảnh-giải như huyễn. Chẳng “*sự tu*” từng việc, thì vô minh tự nhiên khởi tâm vọng tưởng, làm sao mà giải thoát?

Tu tâm chưa xong, hà hướng tu thân, chỉ thêm bó buộc, chớ không trông gì giải thoát. Như vậy thì thiên hạ đều là kẻ trong giấc chiêm bao, có ai là người đại giác đâu?

Ba chấp giải bày, hai phép tu (lý quán sự tu) cần phải có, thiệt là mắc mỏ sâu kín, còn chi hơn nữa, không phải Phổ-Hiền thì ai hỏi được rõ ràng như thế đó.

----- ☆ -----

3.- Kinh văn

Mong đức Phật, vì cả chúng sanh ở đời mạt thế, chỉ bày phương tiện nào, tu tập lần hồi, khiến cho kẻ chúng sanh lìa hẳn các sự huyền.

+ Nghĩa rộng

Đây là câu “*kết thỉnh*” về phương tiện tu hành. Trước kia là “*tổng thỉnh*” thông tới hiện tại, vị lai. Đây là câu kết thỉnh thiên về vị lai mà thôi. Ấy bởi cái hội hiện tại có lòng nghi là quyền, kẻ đời sau tu làm lạc rất đáng thương !

Phương tiện nghĩa là : lý tu, sự tu, cả hai đều là phương tiện. Vì không rõ chi hết mới hỏi làm sao.

Tu tập lần hồi, nghĩa là : trước phải lấy lý mà quán, sau tùy việc mà tu. Bởi do lý quán, một niệm đốn ngộ, hiểu ngay cảnh giới như huyền. Bởi do sự tu, lần hồi dòi mài, khiến cho tâm vọng tưởng, trải qua ngôi thứ mà tu giải thoát. Đòi đòi lìa khỏi các huyền, là bắt đầu từ chỗ này.

Đủ thấy những bực tiền bối đi qua rồi, vì có lòng thương xót chúng sanh ở đời mạt thế, nên tìm xét chỗ nào họ không biết đó mà dự hỏi trước cho Phật dạy đủ điều.

----- ☆ -----

4.- Kinh văn

Nói dứt lời ày, Phổ-Hiền bò-tát bèn mọp năm vóc sát đất, mọp rồi đứng dậy, làm y như trước, mà thỉnh cầu cho tới ba phen.

+ Nghĩa rộng

Coi lời giải trước.

----- ☆ -----

**Phật khen
Bồ-tát**

5.- Kinh văn

Lúc ấy Thế-Tôn kêu Phổ-Hiền bò-tát mà nói rằng : Lành thay ! lành thay ! Thiện-nam tử ! Chúng người đã biết cách, vì các Bồ-tát, cùng là chúng sanh ở đời mạt thế, hỏi Như-lai về phương tiện tu tập lần hồi cái như huyền tam-muội của Bồ-tát, khiến cho chúng sanh đặng xa lìa các huyền.

Nay các người hãy nghe cho kỹ, ta sẽ vì các người mà nói ra.

Thì Phổ-Hiền Bồ-tát vưng lời hơn hờ, còn các người trong đại chúng, lẳng lẳng mà nghe.

✚ Nghĩa rộng

Một lời hỏi đương hội bây giờ mà gồm ích lợi cho cả đời hiện-tại và vị-lai, cho nên nói hai lần : Lành thay ! lành thay ! để tỏ ý khen ngợi. Chẳng phải người khác mà biết cách hỏi như thế đó, chỉ có một mình Phổ-Hiến làm được mà thôi, cho nên mới nói thêm : “*đã biết cách*” để cho là phải lắm.

Phép như huyền tam muội của Bồ-tát, phải tu tập thế nào, mới đặng thân tâm tự tại, đời đời xa lìa cảnh huyền ?

Đó là nhờ Bồ-tát hoà quang trong lục đạo, thông thả vào chợ phố, gồm trải qua các cảnh-giải, bất luận là nghịch hay thuận, đều lấy hai chữ như huyền mà nhìn nhận nó.

Như gặp cảnh thuận, biết được là như huyền, thì không sanh lòng mừng. Chẳng may gặp cảnh nghịch, biết được là như huyền, thì không dấy lòng giận. Không cũng là huyền, hữu cũng là huyền, hữu cũng là huyền. Lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc, đều là như huyền. Cho đến sanh tử, Niết-bàn, hai bên, trung đạo, cũng là như huyền.

Làm được như vậy thì tới đâu cũng là trường giải thoát, ở chỗ nào cũng là chốn vui yên, trọn ngày độ sanh mà không thấy tướng độ. Rèn tập như thế này, gọi là tu tập như huyền tam-muội.

Bực Bồ-tát sơ học, thì nên lần hồi tu tập, cho nên gọi là phương-tiện, tức là dùng cái phép tam-muội đó mà độ chúng sanh lìa được các huyền.

----- ☆ -----

Phật trả lời

6.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Các thứ huyền hóa của tất cả chúng sanh đều do diệu tâm Viên-Giác của Như-lai sanh ra. Cũng như bông trên không, do chỗ không mà có. Bông huyền mặc dầu tiêu diệt, cái tánh “*không*” chẳng hề hư hoại.

✚ Nghĩa rộng

Cái diệu tâm Viên-Giác gồm đủ hết các pháp nhập thế và xuất thế. Chẳng những, Như-lai có nó mà thôi, tất cả chúng sanh không một ai chẳng có nó trọn đủ.

Nay nói “*Như-lai*”, tức là trong Chương trước nói: “*Vua pháp tốt cao thượng có một đại đa-la-ni gọi là Viên-giác*”.

Còn nói : “*Các thứ huyền hóa của tất cả chúng sanh*” tức là trong Chương trước nói : thân, tâm, vô-minh v.v..., là đó vậy.

Lại nói : “ *đều do diệu tâm Viên-Giác của Như-lai sanh ra*”, đủ thấy chúng sanh là chúng sanh ở trong phật tâm.

Bông trên không ví dụ các thứ huyễn hóa; hư-không ví dụ cái diệu-tâm Viên-giác. Do chỗ không mà có, ví dụ diệu-tâm tùy duyên mà dậy lên.

Tùy duyên mà dậy lên, dậy lên như không dậy. Tùy duyên mà tiêu diệt, tiêu diệt như không diệt. Cho nên nói : bông huyễn tiêu diệt, cái tánh “*không*” vẫn hư hoại.

Đây có ý nói : Tuy thấy lãng xăng, mà cái kia với ta không can dự chi hết. Nếu vậy, cần lấy sức lý quán, rõ được duyên khởi không có tánh, giác-thể thường viên-mãn. Đó là trước khi lấy lý quán tu hành, để trả lời cho câu “*tổng thỉnh*”. Kế đây là trả lời cho câu “*hỏi riêng*”.

----- ☆ -----

**Huyễn trừ
giác tâm
bất động**

7.- Kinh văn

Cái huyễn-tâm của chúng sanh (tức là vô-minh), trở lại nhờ cái huyễn (của thân tâm) mà diệt mất. Các huyễn diệt trọn hết, duy giác tâm không động.

✚ Nghĩa rộng

Trước kia, trong mấy câu hỏi riêng của Phổ-Hiền có dậy lên ba nghi chấp, nên phát ba câu hỏi.

Câu thứ nhất hỏi rằng : “*Nếu kể chúng sanh kia mà biết như huyễn thì thân tâm cũng là huyễn. Sao lại dùng cái huyễn mà trở lại tu cái huyễn ?*”

Nay Phật trả lời cho điều nghi thứ nhất, có ý nói rằng : huyễn tâm của chúng sanh, cũng trở lại y huyễn diệt. Huyễn-tâm tức là vô-minh. Bởi căn bản vô-minh là cái tâm vọng-tưởng của chúng sanh xuất thế. Còn chi mạt vô-minh là tâm vọng tưởng của chúng sanh ở thế gian.

Trở lại huyễn diệt, nghĩa là : cái huyễn tâm vô-minh của chúng sanh trở lại nhờ cái thân tâm huyễn vọng, tiến tu từng viên (lần hồi), mà đặng tiêu diệt.

----- ☆ -----

**Nói có Giác
cũng là huyễn**

8.- Kinh văn

Dựa theo huyễn mà nói có giác, cũng gọi là huyễn. Nếu nói rằng có giác, thì còn chưa lìa huyễn. Còn nói rằng không có giác, thì cũng y như vậy. Cho nên sự huyễn diệt rồi, thì gọi là chẳng động.

Nghĩa rộng

Câu thứ nhì hỏi rằng: “*Nếu các tánh huyền hóa tất cả trọn diệt ắt không có tâm, thì ai đứng ra tu hành ? Sao lại còn nói tu hành như huyền ?*”.

Nay Phật trả lời rằng: “*Các huyền diệt hết, giác-tâm không động*”. Nhưng nói như vậy, dường như dựa theo huyền mà nói có giác, cũng gọi là huyền.

- Tại sao nói có giác cũng gọi là huyền vậy ?

- Là bởi : nếu nói có giác, bởi còn chưa lìa huyền, vì còn là phép đối đãi.

Nhưng cũng không nói được là không có giác; vì nói không có giác, thì cũng còn gọi là huyền. Cho nên nói: cũng y như vậy. Số là không và có , cả hai đều là phép đối đãi.

Bởi lấy nghĩa đó, huyền diệt gọi là chẳng động. Vì có không động, mới là hòa quang trong lục đạo được, giáo hóa chúng sanh, lập ra đạo-trường thủy nguyệt, làm những phật-sự bông không, hàng ma quân trong kính (guong) chứng Phật quả trong mộng. Đó gọi là hạnh của Bồ-tát tu sâu trong cảnh như huyền tam-muội.

----- ☆ -----

***Huyền có
nhiều tầng***

9.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hết thấy Bồ-tát và chúng sanh ở đời mạt thế cần phải xa lìa hết thấy các sự huyền hóa, các cảnh hư-vọng, nhờ giữ vững cái tâm xa lìa.

Cái tâm như huyền kia cũng phải xa lìa. Sự xa lìa là huyền, cũng phải xa lìa. Lìa cái huyền xa lìa này, cũng phải xa lìa nó nữa.

Tới chừng hết có chi phải xa lìa, tức là trí các huyền rồi đó.

Nghĩa rộng

Câu thứ ba hỏi rằng : “*Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành . . . , tới sanh tâm vọng tưởng thì làm sao giải thoát ?*”

Nên Phật trả lời rằng : Hiện bây giờ tất cả Bồ-tát và người phát tâm thanh tịnh ở đời mạt thế, nên xa lìa hết thấy cảnh-giải huyền hóa, hư vọng. Đại khái, đây bày rõ ý quyết định phải tu, không có tu thì không được.

Số là Phổ-Hiền có ý sợ chúng sanh ở đời mạt thế nghe nói như huyền, liền biết là không thiệt, thì tự nghĩ cần chi phải tu hành. Cho nên trước nói : vốn chẳng tu hành.

Nay Phật nói : nên xa lìa đó, là có ý bày rõ cảnh giải huyền hóa, hư vọng tất nhiên phải tu hành. Nhưng xa lìa cảnh-giải huyền vọng gồm có nhiều pháp, nên gọi là tất cả.

Như trước đã nói : thánh phàm, y báo chánh báo, thân tâm vô minh, đều là chỉ nó đây.

Nhưng xa lìa không phải dễ, cần phải giữ vững cái tâm xa lìa, chẳng được một mảy phóng túng. Hoặc

lấy lý quán mà đốn trừ, hoặc lấy sự tu mà tiệm khiến (diệt lần) . Ý niệm phải chú vào đó luôn luôn, chẳng khá bỏ lơ lúc nào mà không phòng bị.

Nhưng đây còn nói : lấy tâm trừ huyễn, nếu quả huyễn diệt rồi thì cái tâm ấy cũng hết dùng vào đâu. Dầu có giữ cái tâm ấy lại, thì cũng như vảy cá mọc trong con mắt tịnh nhãn, cũng là như huyễn cho nên cũng phải xa lìa. Đây là trừ cái tâm xa lìa ở từng thứ nhứt.

Kể nói xa lìa là huyễn, nghĩa là : Trên đã biết tâm như huyễn, tiếp phát ý xa lìa. Nếu quả tâm không có, thì xa lìa một lần nữa nói đây cũng là vô dụng. Nếu còn giữ cái xa lìa lần này, thì tuy xa lìa được vảy cá to hảy còn, thành ra như huyễn như trước khi. Cho nên cũng còn phải xa lìa. Đây là trừ cái tâm xa lìa ở từng thứ nhì.

Sau này lại nói : lìa sự huyễn xa lìa này, nghĩa là : trên nói xa lìa là huyễn hóa, nên còn phát ý xa lìa để khiến nó tiêu hóa, thì ở trên chỗ nói : lìa sự huyễn xa lìa đó cũng như hư quang ở trong tịnh mục, cũng gọi là huyễn. Cho nên cũng phải xa lìa một lần nữa. Đây là từng thứ ba, trừ cái lìa của sự xa lìa.

Tới bậc không còn gì phải xa lìa là có ý nói : hết chỗ xa lìa. Khi không còn phải chi phải trừ, như chơn tịnh trong tịnh mục, cho nên nói : tức là trừ các huyễn. Đây là chỗ Chương đầu gọi : “*Viên chiếu thanh tịnh giác tướng*”.

Là cái sau mà xa lìa cái trước, thật lụi như thế mãi.

1.- Lấy tâm trừ cảnh, như đức Quan âm “*vong động tịnh*”

2.- Lấy lìa trừ tâm, như Ngài “*vong căn*”

3.- Lấy lìa trừ lìa, như Ngài “*vong giác*”

4.- Lấy cực xa lìa trừ cái lìa xa lìa, như Ngài “*vong không*” (vong đây có nghĩa là quên hẳn).


Cho tới hết chỗ nào phải xa lìa, thì “*không giác*” của Ngài mới cực kỳ viên mãn, tịch diệt hiện ra trước mặt.

----- ☆ -----

**Thí dụ
cách trừ huyễn**

10.- Kinh văn

Ti như xoi (cọ) cây lấy lửa, hai khúc cây làm nhân cho nhau (cọ sát nhau), hễ lửa phát lên thì cây cháy rụi, tro bay hết thì khói diệt mất. Đem sự huyễn mà tu sự huyễn, thì cũng y như vậy đó. Các huyễn tuy dứt, mà không phải bị đoạn diệt.

 **Nghĩa rộng**

Đây là thí dụ sự khiến trừ rồi lại khiến trừ mãi, cho tới hết còn chi khiến trừ nữa. Có thể nói : *chỗ các huyễn dứt, tức là tịnh Viên-giác tâm*.

Cũng như câu đức Quan-âm : sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, thì mới có thể siêu việt, mười phương viên minh.

Cái ý khiến trừ khó nói rõ, lại phải mượn ví dụ mà bày tỏ. Cho nên nói : tỉ như xoi cây lấy lửa, hai khúc cây làm nhân cho nhau. Vì lẽ mộc năng sanh hỏa, cho nên phải làm nhân cho nhau mới sanh được. Thí dụ như cảnh-giái hư-huyễn, như vô-minh sanh thân tâm, thân tâm lại phát Vô-minh, tuần hoàn không cùng. Cho nên lấy chữ: làm nhân cho nhau mà ví dụ.

Hễ lửa phát lên thì cây cháy rụi, tỉ dụ tâm trừ cảnh. Cây cháy rụi thành than, than tàn thì tro bay, nhưng than không phải tàn, nên tro phải lần lần bay. Đây là tỉ dụ : lìa cái tâm trừ.

Xa lìa trừ sự lìa, là cực xa lìa, trừ sự lìa cái xa lìa. Khói diệt mất nghĩa là : trên nói tro vùi than, thì than nóng mà chưa tàn, hãy còn chút khói. Nay tro đã bay hết, than đã hết sức nóng, khói đã diệt mất, tỉ dụ : tới bực không còn chỗ nào xa lìa, tức là trừ các huyễn. Chỗ gọi : trừ hết chỗ phải trừ, thì đời đời không có huyễn.

Bốn câu sau lấy pháp mà kết luận.

Câu lấy huyễn tu huyễn, gồm đủ bốn từng nói trước. Ý nói : lấy huyễn ở sau cái huyễn, mà tu cái huyễn ở trước cái huyễn.

Huyễn hết mà không diệt, là chỉ rõ cái tịnh Viên-Giác tâm, toàn thể hiện ra trước mặt.

Sau này là Phật trả lời câu kết thỉnh của Bồ-tát.

----- ☆ -----

**Phật trả lời
câu kết
thỉnh**

11.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Biết sự huyễn tức là lìa huyễn, chẳng cần dùng phương tiện nào hết. Lìa huyễn tức là giác (sáng suốt) , cũng không có chi gọi là lần hồi.

Hết thấy các Bồ-tát và chúng sanh ở đời mạt kiếp, y theo đó mà tu hành, làm đặng như vậy mới là lìa dứt hẳn đời đời các sự huyễn.

Nghĩa rộng

Ý Phật nói : Theo như lời Ta dạy thì biết sự huyễn tức là lìa huyễn, chẳng cần dùng phương tiện nào hết. Lìa huyễn tức là giác (sáng suốt), cũng không có chi gọi là lần hồi.

Giải nghĩa đoạn này đã biết là huyễn, chỉ mình không chấp trước. Chẳng chấp trước tức là lìa. Cho nên nói : Khi biết huyễn tức là lìa. Vậy thì có cần phương tiện nào nữa để lìa huyễn đâu !

Lìa huyễn tức là giác, nghĩa là : Đã biết huyễn tức là lìa, thì lìa không chỗ lìa, để lìa sự huyễn. Đã lìa sự huyễn, cái diệu tâm Viên-giác, sáng tỏ không mê muội. Cho nên nói: lìa huyễn tức là giác. Vậy thì cần

phải chịu cực tu chứng lần hồi mà làm chi ? Cho nên :
cũng không có chi gọi là lần hồi.

Nhưng mà, tuy nói như vậy, dường như nói về lý quán, chớ không ăn vào sự tu. Đây là chỗ gọi : “*lý tuy đốn ngộ, thừa ngộ tịnh tiêu*”. Nghĩa là: lý tuy hiểu mau lẹ, nhờ sự hiểu lẹ mới đánh tan hết.

Nếu còn thêm khởi sự tu, thì mới có thể lia hẳn các huyễn. Đây là chỗ gọi : “*sự tất tiệm trừ, nhân thứ đệ tận*”, nghĩa là : sự thì phải trừ lần, phải theo thứ tự mà diệt lần.

----- ☆ -----

**Phật truyền
kệ tụng tổng
thỉnh**

12.- Kinh văn

Lúc ấy Thế-Tôn muốn lặp lại các nghĩa vừa nói trên đó, nên đọc kệ rằng:

*Phổ-Hiền ! Ngươi phải biết,
Hết thấy các chúng sanh,
Vô-minh huyễn vô thí,
Đều do Viên-giác tâm,
Của Như-lai mà lập.
Cũng như bông trên không,
Dựa không mà có tướng,
Bông trên không diệt rồi,
Hu-không vốn chẳng động.*

✚ Nghĩa rộng

Giác-tâm tức là tịnh Viên-giác tâm. Cái tâm này, phàm Thánh ai cũng đồng thọ bẩm như nhau. Nay nói “*Như-lai*”, là bởi chúng sanh không biết nó, nên gọi là “*lý chứng*” . Còn chư Phật biết rõ nó, nên gọi là “*cứu cánh chứng*”. Giác thể tuy đồng, mà mê và ngộ khác nhau như Trời với vực .

Như Bùi-tướng nói : Có kẻ cả ngày cùng với Viên-Giác, mà chưa từng Viên Giác, là phàm phu. Có kẻ muốn chứng Viên-Giác, mà chưa chứng trọn Viên-Giác, là Bồ-tát. Người có đủ Viên-Giác, mà trụ trì được Viên-Giác, là Như-lai.

Kỳ dư, xem trường hàng thì rõ.

----- ☆ -----

**Tụng biệt
văn**

13.- Kinh văn

*Huyễn do nơi giác sanh,
Huyễn diệt, giác trọn đủ,
Bởi giác-tâm chẳng động
Nếu các Bồ-tát kia,
Cùng chúng sanh mặt thế,
Thường nên huyễn xa lìa,
Các huyễn sẽ lìa trọn.
Như trong cây lửa sanh,
Cây cháy hết lửa tắt.*

Nghĩa rộng

Ba câu đầu tụng hiệp lại, thích nghĩa hai sự nghi nói trước. Một chữ huyễn chỉ hai thứ: vô-minh và thân tâm. Vô-minh là cái tâm sanh ra vọng tưởng. Theo câu văn nói: huyễn tâm của chúng sanh là nó đó.

Còn thân tâm là do vọng sanh ra. Đã do giác mà sanh, thì có thể chứng giác. Giả như muốn bày rõ cái giác, cần phải dùng thân tâm hiện tiền mà tấn tu hành sự, trừ diệt cái có thể sanh ra vô-minh. Câu văn nói : trở lại lấy huyễn mà diệt là nó đó.

Nay theo kệ thì không đủ, nên lấy nghĩa câu văn mà bổ thêm, tụng giải điều nghi thứ nhất.

“*Huyễn diệt, giác trọn đủ*”, nghĩa là : quả thiệt huyễn diệt, trở lại tuyệt các đối-đãi như trước, thì giác-tánh sáng suốt trọn đủ.

Chữ động này có nghĩa là khứ (đi). Giác đã trọn đủ, thì còn đi về hướng nào nữa, nên nói : Giác chẳng động. Bởi không động, nên mới thông thả vào chợ phôi, giáo hóa chúng sanh. Đây là tụng sơ về điều nghi thứ nhì.

Thường xa lìa huyễn, nghĩa là : theo văn trường hàng nói : “*Phải xa lìa hết thấy các sự huyễn hóa.... tới cái tâm xa lìa*”.

Vậy thì một chữ huyễn ở đây gồm nghĩa trong câu văn : tất cả cảnh-giái huyễn-hóa, hư-vọng.

Ba chữ “*nên xa lìa*” tức là trong văn trường hàng : phải nên xa lìa.

Còn một chữ thường tức là gồm hai câu: “*nhờ giữ chặt*”. Đây là tụng trừ thứ nhất.

Câu : “*các huyễn sẽ lìa trọn*” tụng trừ tới từng thứ tư, dứt được trọn hết các huyễn. Hai câu trong : “*Như trong cây...*”, là tỉ dụ, có thể để biết.

Tụng kiệt thỉnh

14.- Kinh văn

*Giác không có lần hồi,
Phương-tiện cũng như thế.*

Nghĩa rộng

Câu trên là siêu tụng trường hàng : “*lìa huyễn tức là giác, cũng không có chi tu lần hồi*”.

Còn câu sau là truy tụng trường hàng : “*biết sự huyễn tức là lìa huyễn, chẳng cần phải dùng phương-tiện nào khác*”.

Đây là chỉ tụng về “*lý ngộ*”, chớ không nói về “*sự tu*”, đủ chứng bốn ý của chương kinh này là thuộc về đốn-giáo.

Hết chương Phổ-Hiền.



MINH - LÝ ĐẠO
TAM - TÔNG MIÊU



VIÊN GIÁC KINH

Đại Phương Quảng Viên – Giác Tu-đa-la liễu nghĩa
Giảng nghĩa



NGUYỄN MINH THIỆN
Phiên dịch

CHƯƠNG THỨ BA

Năm 1971 (tháng bảy)

KINH VIÊN-GIÁC
Giảng nghĩa



CHƯƠNG THỨ BA
Phổ-Nhãn Bồ-tát.



1.- Thượng căn thị chơn tu

b) Tiêm tu

1.- Kinh văn

*Bồ-tát
thỉnh cầu*

Đoạn Phổ-Nhãn Bồ-tát ở trong đại hội, lia chỗ ngồi đứng dậy, tới đánh lễ ở chơn Phật, đi vòng ba quận theo hướng tay mặt, quì xuống chấp tay mà bạch với Phật rằng:

Đại-bi Thế-Tôn ! Chúng tôi rất mong Phật, vì các Bồ-tát ở trong hội này, cùng là vì tất cả chúng sanh ở đời mạt pháp, giảng dạy cho biết phép Bồ-tát tu hành lần hồi như thế nào ?

Sao gọi là tư duy ? Sao gọi là trụ trì ? đối với chúng sanh chưa tỏ hiểu, phải dùng phương tiện nào mà chỉ cho chúng mở trí tỏ hiểu ?

Nghĩa rộng

Vì lòng vội muốn cho Phật liên môn ngay, nên mở đầu liền gọi : “*Đại-bi Thế-Tôn*”.

“*Các Bồ-tát trong hội này*” là chỉ các vị mới học tu Bồ-tát, trong lúc hiện tiền, còn “*chúng sanh đời mạt pháp*” là chỉ kẻ mới phát tâm ở đời vị-lai. Đó là chỉ hai hạng người cần phải dạy dỗ.

“*Giảng cho biết phép Bồ-tát tu hành lần hồi*”, nghĩa là :nên tu các phép quán hạnh nào ? Vì quán hạnh rất khó mà tu ngay vào đó.

Mới ban sơ hạ thủ, cần phải từ từ rồi mới rút theo thứ tự mà vào cửa. Cho nên Ông Phổ-Nhãn trước mới cầu Phật dạy cho biết.

“*Tư duy*”, nghĩa là : để ý tìm tòi, nghiên cứu. Vì chúng sanh không rõ, nên Bồ-tát thay mặt mà hỏi.

“*Trụ-trì*” nghĩa là : không bị cảnh đời dục.

“*Chưa tỏ hiểu*”, nghĩa là : chưa mở trí thấu suốt, cầu xin Phật mở trí rộng hoạt, cho nên hỏi : phải dùng phương-tiên nào ?

Thế là phải cầu pháp viên dung vô ngại, tu tập lần hồi, vào sâu. Trước muốn tiêu trừ tâm bệnh, sau chỉ vạn hạnh cụ tu (tu hết muôn hạnh, không sót một cái nào).

Muốn bỏ phàm vào Thánh, thì phải cần tu ba huệ :

Tư duy tức là tư huệ.

Trụ-trì tức là tu huệ.

Trước cầu Phật mở trí tức là văn huệ,

----- ☆ -----

2.- Kinh văn

Bạch Thế-Tôn ! Nếu kẻ chúng sanh kia không có phương tiện và tư duy chơn chánh, thì khi nghe Như-lai nói ra thứ tam muội đó, ắt tâm sanh mê muội thì không thể nào tỏ hiểu tánh Viên-Giác được.

Nghĩa rộng

Đây là sợ người ta nói : Chờ ngày giờ đến, thì lý ấy rõ rệt, cần chi phải cực lo hỏi trước. Cho nên mới bạch với Thế-Tôn rằng : Nếu kẻ chúng sanh kia v.v... , để cầu Phật trái lại chỉ ngay bây giờ.

“*Phương tiện chơn chánh*” là tu hành lần hồi, như hai phép tu lần hồi đầu tiên trong Kinh Lăng-Nghiêm. Bằng chẳng vậy, không làm sao mà nhập môn (vào cửa).

“*Tư duy chơn chánh*” như phép thứ ba tu hành lần hồi, đi ngược với hiện nghiệp. Bằng chẳng vậy, thì con đường sáng suốt khó thông mặc dầu đã nghe qua phép tu tam muội như huyền, mà khá giữ vững được. Cho nên nói: mê muội.

Mê nghĩa là mê theo bản ngã, bởi ngã tướng làm loạn tâm. Còn muộn nghĩa là muộn về pháp, bởi pháp tướng che đậy tánh. Vì có hai tướng mê muộn đó, cho nên không thể nào tỏ ngộ tánh Viên-Giác được.

Thế thì hai vắn đề này : phương tiện chơn chánh và tư duy chơn chánh, không sao bỏ qua được.

----- ☆ -----



3.- Kinh văn

Mong Phật mở lòng từ-bi, vì bọn chúng tôi và chúng sanh đời mạt pháp, tạm nói ra các phương tiện.

✚ Nghĩa rộng

Từ có nghĩa ban vui, là mở trí cho người tỏ ngộ.

Bi nghĩa cứu khổ, là độ cho người khỏi khổ mê muộn. Cho nên mới thỉnh Phật mở lòng từ-bi.

“*Tạm nói ra phương tiện*”, nghĩa là : đây chẳng phải chỉ hỏi về phương tiện tu lần, mà cũng nói luôn về trụ trì, v. v... đều cũng là phương tiện cả. Vì có Viên-Giác sẵn có, ngã và pháp vốn không, nên kỳ thiết là không cần dùng đến phương tiện.

Nhưng người trong hội hiện thời, căn cơ có sáng tối chúng sanh đời mạt pháp, làm lạc có ít nhiều.

Kẻ căn sáng mà làm ít, nghe nói thứ tam-muội đó đã có mời tiến tới. Còn người căn tối mà làm nhiều, trái lại sanh ra mê muộn, không hiểu tánh giác. Cho nên mới thỉnh Phật tạm nói ra phương tiện.

Đây có ý nói : Ở trong chỗ không có phương tiện chi hết, cầu Phật tiện nghi, quyền xảo, tạm bày các danh ngôn, khiến cho kẻ căn tối tăm, cởi mở hết mê muộn, tìm vào giác-tánh, thì còn ân đức nào lớn hơn nữa !

----- ☆ -----



4.- Kinh văn

Nói dứt lời này, Phổ-Nhãn Bồ-tát bèn mọp năm vóc sát đất, mọp rồi đứng dậy, làm y như trước mà thỉnh cho tới ba phen.

----- ☆ -----

**Phật khen
Bồ-tát**

5.- Kinh văn

Lúc ấy, Thế-Tôn kêu Phổ-Nhãn Bồ-tát mà nói rằng: Lành thay ! Lành thay !

Thiện-nam tử ! Chúng người đã biết cách, vì các Bồ-tát cùng là chúng sanh ở đời mạt pháp, hỏi Như-

lai về phép tu hành lần hồi, tư-duy, trụ-trì, cho tới tạm nói ra các thứ phương tiện.

Nay chúng người hãy nghe cho kỹ, ta sẽ vì các người mà nói ra.

Thì Phổ-Nhãn Bồ-tát vưng lời, hớn hờ, còn các người đại chúng, lẳng lẳng mà nghe.

----- ☆ -----

**Phật dạy
chánh niệm**

6.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Kẻ Bồ-tát mới học và chúng sanh đời mạt pháp muốn cầu tâm tịnh Viên-Giác của Như-lai, thì phải chánh niệm, lìa xa các huyễn, trước y theo hạnh Xa-ma-tha của Như-lai, giữ chặt các điều răn cấm, ở yên ổn theo đồ chúng, ngồi lẳng lẽ nơi tịnh thất.

✚ Nghĩa rộng

Đoạn văn này có hai phần :

1.- Trả lời chỗ hỏi về phép tu hành.

Muốn cầu giác tâm của Như-lai, tức là nói về ngồi tu nhân lúc ban sơ mới phát tâm của Như-lai, thì trước phải dùng trực tâm, chánh niệm Chơn-như, mới có thể lìa xa các huyễn. Chúng người muốn cầu giác tâm, mà bỏ ngồi tu nhân ra, thì không thể nào được, cho nên cần phải dạy rõ.

2.- Trả lời chỗ hỏi về cách tu lần hồi. Đây nói : Muốn đi xứ xa thì phải bắt từ chỗ gần, muốn leo cao thì phải bắt từ thấp. Chúng người quả thiệt muốn cầu, thì trước phải dựa vào “*Xa-ma-tha*”, nghĩa là chỉ (ngừng). Ý nói : ở ngoài chỉ hết các thứ việc dữ, không nên làm, ở trong chỉ hết các thứ niệm dữ chẳng đề khởi. Hồi còn ở ngôi tu nhân, Như-lai trước hết cũng dựa vào đó, nên gọi đó là hạnh của Như-lai.

Các điều răn cấm là ba tụ điều rất nhiều, khó kể ra đủ hết được. Nếu nói về điều cấm quan hệ, lớn thì có thập trọng, nhỏ thì có tứ di.

Giữ chặt nghĩa là : như mền tiếc phù-nang (bonée), mảy lông không cho phạm.

“*Đồ-chúng*” nghĩa là : bạn học pháp như mình, khiến cho bốn điều chẳng sót, không kị (chê ghét), không cầu nài (xin), gọi là ở yên. Giả sử không đặng chỗ ở yên, thì tới giờ thiền, giờ quán, làm sao khỏi bị khuấy rối.

“*Ngồi lẳng lẽ*” nghĩa là thân thể và tay chơn yên ổn bất động. Lại nói : nhờ có giới mới sanh ra định, đó là cửa phương-tiện để nhập quán.

Tịnh thất là nhà, phòng thanh tịnh. Ngó xuống, tức là nhập quán đường; ngó lên tức là tọa thiền xứ. Cần phải lìa hẳn đồ quân xú (ăn chay), tuyệt hết tiếng rầy la, nên gọi là tịnh.

----- ☆ -----

7.- Kinh văn

Hằng nhớ tưởng như vậy : cái thân của ta đây là tứ đại hòa hiệp. Chỗ gọi : tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, đất mỡ, nhan sắc, đều thuộc về đất. Nước miếng, nước mũi, mủ máu, nước tân dịch, bọt bèo, đàm đạch, nước mắt, tinh khí, đại, tiểu đều thuộc về nước. Khí nóng thuộc về lửa; lay động thuộc về gió. Tứ đại là : đất nước lửa gió (địa, thủy, hỏa, phong) phân lìa mỗi hướng, thì cái vọng thân của ta bây giờ ở đâu? Vậy thì biết cái thân này rốt cuộc không có bản thể, do các chất hòa hiệp mà thành hình tướng, kỳ thiệt là huyền hóa.

Nghĩa rộng

Hằng nhớ tưởng, là ý nói : trong một ngày 12 giờ , đi đứng nằm ngồi, chỉ nhớ một điều đó mà thôi, đừng cho lìa ra chút lát.

Trước phải quán cái thân, đó là ngã chấp rất nặng nề, nên phải lo trước. Tứ đại hòa hiệp là tổng quán (quán bao quát). Đây nói : chất cứng, chất ướt, chất nóng, chất động giả hiệp làm ra cái thân, điều đó cũng dễ biết. Còn sau đó là biệt quán (quán riêng từng món), thì có hơi khó hiểu, nên chỉ rõ từng điều.

Tóc mọc trên đầu, lông cả thân thể, móng ở đầu ngón tay chơn, răng ở trong miệng, thịt ở ngoài thân thể, da bao thịt như áo lót mồ hôi, thịt có sức vận động

gọi là gân, thịt mà cứng rắn gọi là xương, trong xương có mỡ gọi là tủy, trong óc có tủy gọi là não, cho tới đất mỡ đóng nơi thân thể, nhan sắc của thân thể, các loại đó đều thuộc về đất.

Nước miếng do miệng nhỏ ra, nước mũi trong mũi chảy, mủ là thịt thúi thành nước, còn đở tốt gọi là máu.

Nước tân dịch : tân là tinh-ba của máu chạy trong thân thể, bài tiết ra ngoài gọi là dịch. Bọt bèo là nước miếng kẻ bịnh. Đàm đạch là chất dẻo ở trong yết hầu ra. Nước mắt ở trong mắt chảy ra, cho tới tinh khí, đại tiểu đều thuộc về nước.

Ta cảm xúc nghe nóng ở trong mình là khí, do hỏa đại sanh ra, nên cũng thuộc về lửa.

Còn thân thể vận động, làm lụng, do phong đại sanh ra, nên cũng thuộc về gió.

Như “*bát hườn*” nói trong kinh Lăng-Nghiêm đều trở về chỗ cũ, còn tứ đại nói trong Kinh này đều cũng về nguồn cội xưa. Nhưng đàng kia lấy lý mỗi chất trở về chỗ cũ để chỉ rõ rằng người không có tánh. Còn đàng này lý mỗi chất trở về nguồn xưa mà chỉ rõ rằng người không có thân. Cho nên tiếp theo, ở phía sau mới nói : tứ đại phân lìa mỗi hướng, thì thân người ở đâu ? Chỉ một câu này dạy phép hạ thủ tập quán.

Lúc chánh quán, mỗi chất đâu về đó, thì gọi phân lìa, lìa thì không có thân, nên mới dựa vào đó mà

hỏi cái thân ở đâu ? Kỳ thiết là chỉ rõ nó không còn ở chỗ nào.

Chỗ còn không có, thân mới ở đâu mà nói, nên tiếp giải : thì biết không có thân.

Hòa hiệp là tứ đại giả hiệp. Hình tướng là huyền vọng, có tướng như không tướng, cho nên nói : đồng với huyền hóa.

Sau này, nói về quán tâm là huyền.

----- ☆ -----

**Duyên tâm
huyền hóa**

8.- Kinh văn

Bốn duyên giả hiệp, vọng (tạm) có sáu căn, sáu căn tứ đại, hiệp thành trong ngoài; vọng (tạm) có duyên khí, nơi trong tích tụ, như có tướng năng duyên, giả gọi là tâm.

Thiện-nam tử ! Cái tâm hư vọng đó, nếu không có sáu trần, thì nó không thể tồn tại, tứ đại phân lìa, thì có chi gọi là trần. Ở trong đó duyên trần, mỗi chất về chỗ gốc, phân tán tiêu diệt, rốt cuộc rồi không thấy có chi gọi là duyên tâm.

 Nghĩa rộng

Trên đã nói : Thân đồng như huyền hóa, sao đây lại nói có căn trần và tâm thức ? Cho nên mới lấy bốn duyên giả hiệp mà giải.

Bốn duyên này tức là : thấy, nghe, cảm, biết. Bốn tánh này có nghĩa năng duyên. Bốn tánh hòa hiệp, vọng có căn tướng.

Sáu căn là : thấy là căn của con mắt, nghe là căn của lỗ tai, cảm (cảm giác) là ba căn : mũi, miệng, thân, còn biết là ý căn.

Trước có sáu căn; nhờ có sáu căn, ngoài lại có tứ đại tương đối, nên gọi là lục căn tứ đại.

Nhưng bốn tánh ở trong, đã có thể phân làm sáu căn, thì bốn đại ở ngoài cũng có thể phân làm sáu trần. Vậy kể đó có 6 trần.

Hiệp thành, nghĩa là : trong có căn, ngoài có trần, hiệp thành 12 xứ.

Duyên-khí là chỉ lục thức duyên ảnh; duyên ảnh tuy vọng, mà dễ thấy có khí phần trong lục thức, nên gọi là : duyên khí.

Nơi trong tích tụ, là có ý nói: trong căn ngoài trần tại nơi khoảng giữa, tích tụ không tan, vì đó sau này mới có sáu thức, dường như có tướng năng duyên. Đã nói : dường như có, thì đâu phải là chơn thiết. Cho nên giả gọi là tâm.

Nhưng căn, trần, thức tuy là vọng (tạm) có đồng như nhau, mà khi mê hoặc gây nghiệp, thì sức của sáu thức lại mạnh hơn hết,. Muốn khiến cho người gặp lo quán thức hư-vọng, nên mới nhắc nhở đến nó nhiều lần cho người để ý.

Cái tâm hư-vọng này là tiếng chỉ sáu chỗ thức tâm, dựa vào sáu trần, dường như có hiện ra thiệt. Cho nên nói: nếu không có sáu trần, thì nó không thể tồn tại. Vậy thì sáu trần ở ngoài, cũng là tứ đại giả hiệp. Bằng như tứ đại phân li, thì không có chi gọi là trần.

Cứ theo đây, thì ở trong căn, trần, thức, có căn năng duyên, có trần sở duyên, mỗi chất về gốc, phân tán tiêu diệt, trong ngoài không thành, thì ở giữa làm sao có được? Cho nên nói : rất cuộc rồi, không thấy chi gọi là duyên-tâm.

“*Rất cuộc rồi*”, có nghĩa là : quyết định, đáo để không có.

Chương đầu nói : Hết thấy chúng sanh từ đời vô thỉ tới bây giờ, có nhiều thứ điên đảo, nhận quấy tứ đại làm cái thân của mình, lục trần duyên ảnh làm cái tâm của mình.

Nay đã quán thân tâm cả hai đều là huyễn hóa, từ đây không còn nhận quấy nữa, thì sự điên đảo một ngày giảm, chánh kiến càng ngày tăng.

Trên đó là kết luận chung về tư-duy chơn chánh đã dứt. Sau này nói về phép trụ-trì.

----- ☆ -----

Huyễn diệt cái chơn chẳng diệt

9.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vì cái huyễn thân của chúng sanh kia tiêu diệt, cái huyễn tâm cũng diệt. Vì cái huyễn tâm đã diệt, cái huyễn trần cũng diệt. Vì cái huyễn trần đã diệt, tướng huyễn diệt cũng diệt. Vì tướng huyễn diệt đã diệt, cái chi không phải huyễn hóa thì chẳng diệt.

Nghĩa rộng

Kẻ chúng sanh kia, đây là tiếng chỉ những người cầu Viên-Giác.

Muốn cầu tịnh Viên-giác, thì trước phải quán thân như huyễn hóa. Cảnh như huyễn hóa mà ta hay trụ trì được (nắm giữ vững), thì huyễn thân tự nó phải diệt. Vì cái huyễn thân diệt nên ta mới trụ-trì được, thì huyễn tâm cũng diệt. Bởi tâm nương dựa vào thân, thân diệt thì tâm không chỗ nương dựa.

Cái huyễn tâm diệt nên ta mới trụ-trì được, thì huyễn trần cũng diệt. Bởi trần cậy nhờ tâm mà hiện, tâm diệt thì trần hết chỗ cậy nhờ.

Huyễn trần diệt nên ta mới trụ-trì được, thì tướng huyễn diệt cũng diệt. Bởi diệt trần rồi nên đặt tên là huyễn diệt. Trần đã diệt rồi, thì tên huyễn diệt kia hết chỗ dùng.

Cái tướng huyễn diệt đã diệt, nên ta mới trụ trì được, thì mỗi pháp đều là chơn cả. Cho nên nói : Không phải huyễn hóa. Không phải huyễn hóa thì bản-thể, tức là bản tánh, không hề tuyệt dứt, cho nên nói chẳng diệt.

----- ☆ -----

Các thí dụ

10.- Kinh văn

Thí dụ như lau tấm gương, hết bụi thì hiện sự sáng suốt.

✚ Nghĩa rộng

Câu Viên-giác tỉ như lau tấm gương, bị huyễn thân, huyễn tâm, huyễn trần, huyễn diệt che đậy nhiều lớp.

Cái tâm chẳng phải tịnh viên-giác, tỉ như tấm gương bị bụi đóng. Thân diệt, tâm diệt, cho tới huyễn diệt cũng diệt, thì cũng như bụi lau sạch hết, chẳng phải huyễn nữa, tức là giác-tâm. Tỉ như sự sáng suốt sẵn có của tấm gương, toàn thể sáng suốt đều hiện ra hết cả.

Lời văn tỉ dụ tuy sơ lược, mà bao hết nghĩa lý không sót.

----- ☆ -----



11.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Phải biết thân tâm đều là bụi dơ huyễn hóa; cái tướng bụi dơ diệt mất luôn, thì mười phương thanh tịnh.

✚ Nghĩa rộng

Phật sợ người nghe qua, lâu rồi quên mất ý tứ nên mới lặp lại mà dạy cho rõ. Nếu chẳng biết thân tâm là huyễn, chấp ngã, chấp pháp, che lấp cái tâm tịnh viên-giác. Cho nên nói : đều là bụi dơ huyễn hóa.

Tướng bụi dơ chỉ bốn từng nói trên : thân, tâm, trần, diệt, tất nhiên phải có chỗ tận diệt, mới là trọn mất luôn. Đặng vậy thì mỗi pháp đều chơn, cho nên nói : Mười phương thanh-tịnh.

----- ☆ -----



12.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Thứ như hòn ngọc thanh tịnh ma-ni bửu châu, tùy theo mỗi phương mà hiện ra ánh năm sắc. Những kẻ ngu si thấy ngọc ma-ni kia tưởng là thiệt có năm sắc.

✚ Nghĩa rộng

Thanh-tịnh ma-ni bửu-châu là châu ở trong chun tóc trên đầu các Long-vương. Thanh-tịnh là nói về cái

bồn-thê của ngọc như pha-ly, trong ngoài thấu lộ, không có nhiễm bụi dơ.

Ma-ni là nói về cái diệu dụng, có nghĩa là : như ý, có thể làm mưa ra hột bửu châu.

Bửu châu là nói về cái hình tướng, chẳng phải là vật tầm thường. Đó là món báu trong các loại châu.

Ánh năm sắc là nói : có năm sắc ở ngoài dọi vô, mới có bóng năm sắc ở trong. Thí dụ như cái tâm tịnh Viên-Giác, đối với thân tâm ngũ ấm của chúng sanh ở ngoài, mà hiện ra bóng ở trong tâm.

“*Tùy theo mỗi phương mà hiện*” nghĩa là : hướng nào có năm sắc, thì hiện bóng ở hướng đó. Thí dụ trong chúng sanh có thân tâm ngũ ấm thuộc về loài nào, thì tùy theo loại đó mà hiện ra bóng, như hình bóng phải giống nhau. Người thế không biết là cái bóng, nên gọi là ngu-si. Đây là thí dụ chúng sanh không rõ biết là huyền, nên gọi là phạm phu tiểu-thừa. Bởi phạm phu ngu ngả (không biết cái ta), tiểu-thừa ngu pháp (không biết các pháp), cũng đồng một bịnh ngu.

Bóng vốn không phải thiệt, bởi người thế không rõ biết là bóng nên thấy có năm sắc. Thí dụ cái huyền vốn không phải thiệt, bởi phạm-phu tiểu-thừa chẳng rõ là huyền, bèn chấp thiệt có năm ấm, rồi chấp ngã, chấp pháp, tức là nhìn cái tướng mà thôi (không thấy thiệt-thể).

----- ☆ -----

***Ngu-si
khó lìa huyền***

13.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Cái Viên-giác tịnh tánh thấy nơi thân tâm, tùy mỗi loại mà ứng khác. Kẻ ngu-si kia nói rằng: tịnh Viên-giác thiệt có tự tướng thân tâm như vậy, thì cũng y như thế.

✚ **Nghĩa rộng**

Viên-giác tịnh-tánh giống như ma-ni bửu châu. Hiện thấy thân tâm, cũng như bóng năm sắc dọi vào ma-ni (sanh ra năm sắc). Tùy mỗi loại mà ứng khác, cũng như tùy mỗi phương mà hiện khác. Không biết là bóng, là huyền, thì nghĩ cũng tương tự, cho nên đều gọi là ngu si.

Nói rằng tịnh Viên-giác thiệt có tự tướng, giống như ngọc ma-ni có năm sắc. Pháp (là Viên-giác) và tỉ dụ (là Ma-ni) nghĩa đồng, nên nói : cũng y như thế.

----- ☆ -----

14.- Kinh văn

Đây là thừa câu trên chấp là thiệt có, mà nói .

Ý nói : Tại chấp thân tâm là thiệt có, rồi theo đó mà tranh giành nhơn ngã, so sánh phải quấy. Cho nên sở dĩ muốn lánh xa huyền hóa, đã không lìa xa được, lại đành thường giam hãm mình ở trong đó nữa.

Hoặc, nghiệp, khổ, ba món như ác-xoa tụ (là trái ác-xoa tụ vào một lá) chuyễn nhau qua lại, nhiễm ô cái giác-tâm mãi thành ra bụi đóng càng dày chặt.

----- ☆ -----

***Bụi hết trở lại
trong sạch***

15.- Kinh văn

Bởi đó, ta nói thân tâm là bụi dơ huyễn hóa. Ai biết đối trị xa lìa bụi dơ, huyễn hóa kia, ta đặt tên là Bồ-tát. Bụi hết, đối đẹp tức là không có bụi tương đối, và đặt tên chi cả.

✚ Nghĩa rộng

“*Bởi đó*” là hai chữ thừa câu trên : không lìa xa được, mà nói. Tại sao mà không lìa xa được ? Do chỗ không biết thân tâm là đồ bụi huyễn.

Bởi có đó, ta nói thân tâm là huyễn, là bụi. Nếu ai biết được thân này là huyễn, cần phải lìa xa, ai biết được tâm này là bụi, lập phép đối trị.

“*Đối*” tức là đối trị bụi trong tâm, lìa tức là lìa xa huyễn của thân. Ai quả năng đối bụi huyễn mà lìa xa được, thì Phật gọi người đó là Bồ-tát, chẳng phải người tầm thường kia mà so sánh được.

Bụi hết đây chẳng phải nói cần giảm chút ít là đủ, phải đi tới chỗ phủi sạch rốt ráo. Bụi đã phủi sạch, thì phép đối trị cũng hết chỗ dùng, nên đối đẹp.

Bụi hết, đối đẹp, tức là người không có bụi đối. Người đã không có vật đó, thì cái tên kia mới đặt vào

đâu? Cho nên nói : tức là không có bụi đối, và đặt tên chi cả.

Tới bụi này há không phải là tịnh-giác diệu-tâm toàn thể sao ? Cho nên đặt tên đoạn này là : bụi hết, trở lại trong sạch.

----- ☆ -----

***Tánh giác
phát lộ***

16.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Bởi các vị Bồ-tát đó và chúng sanh ở đời mạt pháp, chứng được các huyễn, diệt hết bóng dáng, nên bấy giờ mới đặng thanh-tịnh không phương hướng, hư-không không ngăn mé, do tánh giác phát lộ.

✚ Nghĩa rộng

Bồ-tát và chúng sanh đều là hạng người cầu học Viên-Giác.

Chúng được các huyễn diệt hết bóng dáng, nghĩa là: Hết thấy các pháp thuộc về huyễn hữu (dối có), vốn là bóng dáng của tịnh tâm.

Nay nhờ đặng chánh trụ-trì, một lần đặng là luôn luôn đặng, sau không còn bị bóng dáng làm lay động nữa. Cho nên nói : chứng được.

Bấy giờ, tức là lúc chứng được đó, bóng dáng đã diệt hết, Tịnh-giác lộ ra hoàn toàn, cho nên nói : mới đặng thanh tịnh.

“*Không phương hướng*” nghĩa là cùng khắp nơi.

Hư-không không ngăn mé, nghĩa là : trước kia vì vô-minh bụi huyễn, che lấp tịnh viên mà thành ngoan không. Nay chứng được huyễn hết chướng trừ, giác-tánh phát lộ, thì hư-không không ngăn mé, chuyển thì vô tế tịnh viên (cái tịnh tâm Viên-Giác không ranh hạn).

Kinh Lăng-Nghiêm nói : “*Một người phát chơn qui nguyên, thì mười phương hư-không trọn tiêu mất*” chánh là nói về nghĩa đó. Trước nói : “*thanh tịnh không phương hướng*”, xem đó thì hiểu nghĩa.

Mỗi việc không phải tự nó mà có, phải dựa vào lý mới nên. Lý đã thanh tịnh thì việc chi mỗi mỗi đều theo lý mà đặng thanh tịnh.

----- ☆ -----

**Vì tâm
thanh tịnh**

17.- Kinh văn

Vì tánh-giác viên-minh, lộ ra tâm thanh tịnh. Vì tâm thanh tịnh, nên sự thấy trần thanh tịnh. Vì sự thấy thanh tịnh, nên nhãn căn thanh tịnh. Vì căn thanh tịnh, nên nhãn thức thanh tịnh. Vì thức thanh tịnh, nên sự nghe trần thanh tịnh. Vì sự nghe thanh tịnh, nên nhĩ căn thanh tịnh. Vì căn thanh tịnh, nên nhĩ thức thanh tịnh, vì thức thanh tịnh nên giác trần thanh tịnh. Như vậy cho tới mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều y như thế.

✚ **Nghĩa rộng**

Thừa câu trên hư-không không ngăn mé, do tánh Phật phát lộ, thì biết được giác tâm tròn đủ, trong sáng. Chánh nhờ nó đặng tròn đủ, trong sáng đó, mà không có một pháp nào chẳng phát lộ. Nhờ không có một pháp nào chẳng phát lộ, mà bày rõ A-lại-da thức tùy duyên khởi mà có, cũng thành ra cái tâm thanh tịnh. Nhờ A-lại-da thức đặng thanh tịnh, mà tánh thấy trần dựa vào A-lai-da mà phát, cũng thành ra tánh thanh tịnh. Nhờ tánh thấy tịnh, mà nhãn căn là chỗ tánh thấy dựa vào, cũng thành tánh thanh tịnh. Nhờ nhãn căn tịnh mà cái thức tự nó phát ra cũng thành tánh thanh tịnh. Nhờ nhãn thức tịnh, mà tánh nghe trần dựa vào A-lai-da thức mà phát, cũng thành tánh thanh tịnh.

“*Như vậy, cho tới ...*” là lời dặn : Hãy theo lệ đó mà xét thì biết.

----- ☆ -----

**Sáu trần
thanh tịnh**

18.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vì căn thanh tịnh, nên sắc trần thanh tịnh. Vì sắc trần thanh tịnh, nên thính trần thanh tịnh. Hương, vị, xúc, pháp cũng y như thế.

✚ Nghĩa rộng

Sáu tánh và sáu thức đều dựa theo căn, nên lấy căn mà nói gồm hết tánh thức. Ý nói : ở trong sáu căn, căn nào cũng có tánh và thức, đều thành ra tánh thanh tịnh. Bởi có đó, mà trần kia đối căn nọ cũng thành ra tánh thanh tịnh.



Tứ đại thanh tịnh

19.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vì sáu trần thanh tịnh nên món địa đại thanh tịnh. Vì địa đại thanh tịnh, nên món thủy đại thanh tịnh. Món hỏa đại, phong đại cũng y như thế.

Cái tướng riêng của sáu trần đối với mỗi căn, nhứt nhứt đều thành tánh thanh tịnh. Vậy thì tứ đại do giác tánh, tùy theo duyên khởi mà có, cũng thành ra tánh thanh tịnh.



18 giới thanh tịnh

20.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vì tứ đại thanh tịnh, nên 12 xứ, 18 giới, 25 hữu đều thanh tịnh.

✚ Nghĩa rộng

Thừa câu trên nói : Vì tứ đại mỗi loại thành tánh thanh tịnh, nên xứ, giới, trước tùy duyên mà thành, ở trong là căn, ở ngoài là trần, ở giữa là thức, đều cùng mỗi loại thành tánh thanh tịnh.

25 hữu là tiếng chỉ tam giới, chỗ của chúng sanh cư ngụ. Cổ đức có bài tụng rằng :

*Bốn châu, bốn ác thú,
Sáu dục, cộng Phạm-thiên,
(Phạm-Thiên ở trong sơ thiên)
Bốn thiên , bốn không xứ,
Vô-tướng cùng Na-hàm.*

(cả hai ở trong đệ tứ thiên, Na-hàm cũng gọi là Tịnh-cư thiên)

Thông thường gọi là hữu, bởi vì ở trong đó, không thể nào chẳng có sanh tử nhân quả. Ba điều : Xứ, giới, hữu, bao gồm hết các pháp thế-gian. Nhưng các Kinh luận đều cho tứ đại là hột giống, bởi nó có thể thành hết thảy các pháp.

Sao lại không biết rằng; Sở dĩ nó thành được đó, chẳng phải tại tướng , mà tại tánh ? Nay mới nói rõ rằng : nó dựa vào tịnh tánh Viên-giác kia mà được phát hiện.

Nhưng ngôi “*năng hiện*” kia, đã thanh tịnh không phương hướng, thì cái “*sở hiện*” (phân bị hiện ra) nọ, cố nhiên, nhứt nhứt đều thành tánh thanh tịnh

- Có kẻ hỏi : Phép thế-gian do nhiễm duyên sanh, có thể nói : khiến nó tịnh. Còn phép xuất thế gian do tịnh duyên sanh, đã là pháp tịnh rồi, có sao còn nói : khiến nó tịnh ?

- Đại-số trả lời rằng : Nếu đem phạm thánh đối đãi, thì có hơn, có thua khác nhau rất xa. Nếu quán xứng Pháp-giái, thì cả hai đều là huyền hóa.

Cả hai đều do duyên khởi mà duyên không có tự thể, cuốn Đại-Thừa Chi-quán thứ hai, trang 8, có nói: Thí như một tấm kính sáng hay hiện ra hình người, hình ngựa. Nếu theo hình mà gọi kính, thì gọi : kính hình người, kính hình ngựa, mới có tên hai thứ kính. Nếu bỏ hình ra mà luận kính, thì chỉ có một tấm kính.

Lại nếu lấy cái thể “*vô nhị*” của tấm kính kia mà rọi hai hình của người, của ngựa khác nhau, thì hai hình cũng đồng thể “*vô nhị*”.

Tịnh tâm như kính, pháp thế-gian và xuất thế-gian như hình, cứ theo lệ đó mà suy ra thì biết. Do cái nghĩa đó mà pháp giải, pháp nhĩ (tự nhiên) thường đồng, thường biệt.

----- ☆ -----

**37 phẩm
thanh tịnh**

21.- Kinh văn

Vì cái kia thanh tịnh, thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp của Phật, tam thập thất trợ đạo phẩm đặng thanh tịnh. Như vậy cho tới 8 muôn 4 ngàn pháp Đà-la-ni, cả thầy thanh tịnh.

✚ Nghĩa rộng

“*Cái kia*” là chỉ bài nói trên.

Cứ theo trên nói ra thế pháp, thì các thế pháp đó đều do cái giác-tánh kia hiện ra mà thành thanh tịnh.

Nếu các thứ pháp, do nhiễm duyên kia trở nên thành thanh tịnh, thì các pháp xuất thế do tịnh tánh tùy duyên mà thành, hoặc nhân, hoặc quả, như nhưt đề trở nên tánh thanh tịnh. Cho nên nói chung : cả thầy thanh tịnh.

Trong các pháp này, duy có tam thập thất phẩm trợ đạo pháp thuộc về nhân, kỳ dư đều thuộc về quả. Đà-la-ni thường gồm luôn nhân và quả, các Kinh Đại-thừa hay nêu lên danh mục của các pháp tướng có kể trong bài này, có nhiều nhà giảng giải, nhưng chưa được rõ ràng. Duy có Đại-số mới thiết tình tường, độc giả xem qua sẽ biết nghĩa cao thượng của nó.

----- ☆ -----

Tất cả thanh tịnh

22.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hết thầy vì tánh thiết-tướng thanh tịnh, nên một thân thanh tịnh. Vì một thân thanh tịnh, nên nhiều thân thanh tịnh. Vì nhiều thân thanh tịnh, như vậy cho tới Viên-Giác của chúng sanh trong mười phương đồng thanh tịnh.

✚ Nghĩa rộng

Hết thấy là tiếng gồm chỉ các pháp thể và xuất thể. Còn về thiết-tướng, thì Lược-sớ nói ra các pháp do duyên sanh đều là hư-vọng; hội hết các duyên đem gom về gốc, tức là thiết-tướng. Đây là xác chỉ chơn-như tịnh tánh, là tướng chơn thật của các pháp. Chỗ gọi “*vô tướng bất tướng, danh vi thiết-tướng*”. Nghĩa là : không có tướng nào chẳng phải tướng của nó, mới gọi là thiết tướng.

Ý nói : Các pháp thể và xuất thể nói trên tuy có tướng nhiệm tịnh sai biệt nay nhờ giác-tánh mà được biết, các pháp đó đồng thành một thiết-tướng, một tánh thanh tịnh.

Vì lẽ các pháp đó đồng một tánh thanh tịnh, nên dựa vào các pháp đó để tìm biết thân mình, thì liền dung hội được một cái thân mình và các pháp kia đồng thành một thiết tướng thanh tịnh.

Vì lẽ thân mình thanh tịnh, gần suy nơi ta mà hiểu xa đến người, thì cũng phải dung hội được. Nhiều thân của người, đồng thành một thiết tướng, mà đặng thanh tịnh.

Cứ vậy mà khóach sung ra mãi, từ chúng sanh trong một phương, cho tới chúng sanh trong mười phương, đồng thành một Viên-giác thanh tịnh.

Trên nói thiết tướng, đây lại nói Viên-Giác là tại sao ? Vì bởi Viên-Giác là bản-thể của thiết tướng, thiết tướng là tự tánh của Viên-Giác chơn-như.

Bởi chơn-như không giữ tự tánh, chẳng biết chơn-thể, hiện khởi vọng tướng, mê chấp vọng-tướng làm thân. Rồi do bởi chấp thân, tự tánh còn không thấy được, huống hồ là thấy bản-thể.

Nay đã xét biết vọng tức là chơn, do chơn mới thấy thể, cho nên nói : Viên-Giác thanh tịnh.

Trên nói : Hư-không không ngăn mé, do tánh-giác mà được biết. Nay nói rõ ra : Viên-Giác thanh tịnh, là bày rõ ý này : nên dung hội thể-giải, hư-không, v.v . . . cả thấy đồng thanh tịnh.

Xin coi tới phía sau thì thấy rõ.

----- ☆ -----

***Bình đẳng
bất động***

23.- Kinh văn

Thiện –nam tử ! Vì lẽ một thể-giải, thanh tịnh, nên nhiều thể-giải thanh tịnh. Vì lẽ nhiều thể-giải thanh tịnh, như vậy cho tới trọn khắp hư-không, trùm hết ba đời, cái chi cũng bình đẳng thanh tịnh bất động.

✚ Nghĩa rộng

Thừa trên đó thì nên nói rằng : Vì lẽ chúng sanh trong mười phương thanh tịnh, do chánh báo mà hiểu y báo, cho nên đặng rõ tới thể-giải cũng thanh tịnh.

Vì lẽ một thể-giải hiện hữu thanh tịnh, duyên lấy một mà thông được nhiều, tất nhiên cũng dung hội đặng nhiều thể-giải đồng nhứt (giống nhau) mà đặng thanh tịnh. Nếu cứ khoách sung, cho tới trọn khắp hư-không, trùm hết ba đời, thì cả thấy thể-giải hiện hữu đồng một thiết-tướng bình đẳng, thanh tịnh bất động.

Trên nói thanh tịnh, đây lại nói bình đẳng bất động, là bởi thể-giải có nhiệm, có tịnh không đồng : nếu đối nhiệm mà nói tịnh, thì cái tịnh này chưa phải là chơn tịnh. Đây là nhiệm và tịnh đồng gom về một tánh, cho nên nói : bình đẳng.

Chữ bất động này là luận về ba đời : Nếu kẻ tâm thanh tịnh có quá khứ, có hiện tại, có vị lai, thì cái tâm đó cũng chưa phải là chơn tịnh. Đây là trùm hết ba đời gom về Chơn-thường, nên nói : bất động.

Lại trên nói : Chúng đặng các huyền diệt hết bóng dáng, thì đặng thanh tịnh không phương hướng. Đó là đem lý bình đẳng bất động, mà chỉ rõ cái tánh tri-giác ở khắp nơi, thanh tịnh chẳng động, là nhờ “*viên vô tế*” (rộng rãi không bờ bến, bao trùm hết các pháp).

----- ☆ -----

24.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Cõi hư-không bình đẳng bất động như thế, thì biết cái giác tánh bình đẳng bất động cũng vậy. Vì lẽ tứ đại bất động, nên biết cái giác-tánh bình đẳng bất động. Như vậy cho tới tám muôn bốn ngàn pháp đà-la-ni bình đẳng bất động, nên biết cái giác-tánh bình đẳng bất động.

✚ Nghĩa rộng

Cái “*năng đồng*” (hay đồng với cái khác), là sự. Cái “*sở đồng*” (bị cái khác đồng với mình) là lý. Trong sự có đủ các pháp thế, xuất thế. Pháp thế tuy nhiều, nhưng ngũ đại gồm hết. Trong ngũ đại, không-đại đứng đầu tiên. Cho nên nay trước hết nói về hư-không.

Nhờ trên giải, mà hiểu được hư-không bình đẳng bất động như thế. Vậy kẻ thấy hư-không là ai ? Sao chẳng biết rằng, không phải hư-không tự nó có động và bất động. Phải biết đó là Giác-tánh bình đẳng bất động. Tứ đại cũng y vậy.

Như vậy cho tới . . . là lời tóm tắt. Thừa đoạn trên, nói các pháp thế đã vậy, theo lệ đó mà suy ra, thì biết các pháp xuất thế chẳng có chi không y như vậy.

Ý của đoạn kinh này là : do trước lấy lý dung sự, rồi sự đồng lý, mà đặng bình đẳng. Cho nên mỗi khi gặp một việc, liền xét biết rõ rằng : giác-tánh bình đẳng bất động.

Nhưng tuy nói vậy, mà sự lý y nhiên tự có hai thể. Hãy coi tới phía sau, mới thấy lý sự hoàn toàn vô nhị.

----- ☆ -----

25.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vì lẽ Giác-tánh trải khắp, thanh tịnh bất động, đặng “*viên vô tế*” nên biết lục căn trải khắp pháp-giải. Vì lẽ căn trải khắp, nên biết lục trần trải khắp pháp-giải. Vì lẽ trần trải khắp, nên biết tứ đại trải khắp pháp-giải. Cho tới các môn đà-la-ni trải khắp pháp-giải cũng thế.

✚ Nghĩa rộng

Đây là thừa hết các đoạn trên nói rằng cả thầy các pháp đều nhờ giác-tánh viên minh phát biểu, mà thành ra thanh tịnh bất động nên biết chắc giác-tánh trải khắp pháp-giải, không một pháp nào lọt ra ngoài, không một cõi nào chẳng trải khắp. Cho nên nói “*viên vô tế*”.

Đã biết giác-tánh như thế, lại còn phải biết ở trong pháp-giải bên trong có lục căn hoàn toàn đồng với giác-tánh trải khắp pháp-giải. Nếu không trải khắp thì thành ra hữu tế (có bờ bên). Cho nên từ đây sắp sau, các pháp đều vì lẽ viên vô tế, mà mỗi pháp đều trải khắp. Các pháp thể và xuất thể đều y như vậy, thì không phải là lý sự hồ dung (dung hợp lẫn nhau) sao ?

----- ☆ -----

Ánh sáng trải khắp

26.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vì có cái tánh diệu-giác kia trải khắp nên căn tánh, trần tánh chẳng hoại, chẳng tạp. Vì có căn tánh, trần tánh chẳng hoại, cho tới các môn đà-la-ni chẳng hoại, chẳng tạp cũng thế. Tỉ như trăm ngàn ngọn đèn, soi sáng một cái nhà, ánh sáng ấy trải khắp, chẳng hoại, chẳng tạp.

✚ Nghĩa rộng

Cái tánh diệu-giác kia trải khắp các pháp thể và xuất thể. Đây là thừa câu trên mà nói về pháp nhiếp (gồm bao) và nhập (xem vào) lẫn nhau.

Căn tánh, trần tánh v.v... là luận về các phép thể. Do có tánh trải khắp, căn trần tùy theo tánh, mỗi căn mỗi trần đều là chẳng hoại, chẳng tạp. Ý nói : Căn nhập trần thì căn chẳng hoại, trần nhập căn thì trần chẳng tạp.

Vì căn nhập trần đã vậy, trần nhập căn cũng vậy, cho nên nói chung : chẳng hoại, chẳng tạp.

Câu “*căn trần chẳng hoại*” trùng với câu trên có chữ do, nên không lặp lại “*chẳng tạp*” nhưng phải hiểu ngầm là có ? Hãy theo lẽ đó mà suy thì biết. Vậy thì tánh tứ đại, tánh lục, tánh vô úy, cho tới tánh của các môn đà-la-ni, mỗi mỗi đều là chẳng hoại, chẳng tạp.

Từ chữ như trăm ngàn sắp xuống, là lời tỉ dụ : cái đèn ví dụ pháp thế và xuất thế; ánh sáng ví dụ tánh của các pháp; cái nhà ví dụ khắp cõi hư-không; ánh sáng mỗi mỗi trải khắp ví dụ nhiếp nhập lẫn nhau.

Câu chốt nói : ánh sáng này xen vào ánh sáng kia, chẳng thấy có tướng hoại; ánh sáng kia gồm bao ánh sáng nọ, chẳng thấy có tướng tạp. Đây là ví dụ các tánh của pháp, chẳng khá không biết.

----- ☆ -----

**Ánh sáng
bất nhị**

27.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vì giác-tánh được thành tựu, nên biết các bờ-tát không bị pháp buộc, chẳng cầu thoát pháp, không chấp sanh tử, chẳng ưa Niết-bàn; không kinh kẻ giữ giới, chẳng ghét người phạm luật, không trọng kẻ tu lâu, chẳng khinh người mới học.

Tại có sao ? Vì chung giác tất cả. Thí như ánh sáng con mắt, biết rõ tiền cảnh rồi, ánh này tròn đủ, đặt trong lòng không ưa ghét.

Tại có sao ? Vì thế của ánh sáng không hai (vô nhị), không có ưa ghét.

✚ Nghĩa rộng

Tự chứng biết chắc Giác tánh trải khắp các pháp, chẳng hoại, chẳng tạp, gọi là thành tựu. Do có thành tựu, nên biết các vị bờ-tát đó chẳng bị các pháp buộc trói, chẳng cầu giải thoát các pháp. Bởi đã biết giác-tánh trải khắp, nên các pháp mỗi mỗi đều giác, vì không có hai việc : trói buộc hay là giải thoát.

Đã biết tánh giác trải khắp, nên sanh tử cũng là giác, Niết-bàn cũng là giác. Cho nên ở trong cảnh sanh tử chẳng chán, ở chốn Niết-bàn không ưa; giữ cũng giác, phạm cũng là giác, nên không kinh chẳng ghét, lâu cũng giác, mới cũng giác, nên không trọng chẳng khinh.

Nhân lên, hết thấy các pháp bình đẳng là vì lẽ gì ? Bởi giác-tánh trải khắp, vì không có pháp nào chẳng giác, nên nói : vì chung giác tất cả.

Từ chữ : “*thí như*” sắp xuống là lời thí dụ: Lấy ánh sáng của nhãn tánh (tánh của con mắt) mà ví dụ diệu-giác minh tánh. Lấy ánh sáng của nhãn tánh ở trong con mắt, mà ví dụ diệu-giác ninh-tánh ở tại pháp.

Tiền cảnh gồm chỉ hết cái chi con mắt thấy được, ví dụ tất cả các pháp là lẽ đồng nhờ diệu-giác minh-tâm rọi sáng.

“*Biết rõ*” nghĩa là : không phải giả phân biệt, thí dụ diệu-giác viên chiếu, chẳng can thiệp với tư duy.

Cái ánh sáng này trải khắp, ví dụ : hết thấy đều là giác.
Đặng lòng không ưa ghét , ví dụ : cả thấy bình đẳng.

Kinh nói : “*Bỉ thử vô ngại*” nghĩa là : đây đó không chọi nhau, thì cũng một nghĩa đó.

----- ☆ -----

**Sanh tử tức Niết
bàn**

28.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Các vị bồ-tát này và chúng sanh ở đời mạt pháp, tu tập cái tâm này đặng thành tựu rồi, tới chừng đó không có chi tu, cũng không có chi thành tựu. Viên-giác rọi khắp, tịch diệt không hai. Nơi trong đó trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ, bất-khả-thuyết, hằng-hà-sa thể giới của chư Phật, dường như bông trên không, loạn khởi loạn diệt, chẳng xấp nhập không lia cách chẳng buộc trói không giải thoát. Mới biết : chúng sanh vốn sẵn thành Phật, sanh tử Niết-bàn dường như giấc mộng hôm qua.

✚ Nghĩa rộng

Đoạn này tuy thừa trên mà nói tiếp, nhưng các vị bồ-tát này chẳng phải chỉ bực giác-tánh thành tựu nói trước kia. Đây là chỉ khắp những lẽ ở đời mạt pháp phát tâm tu tập cái tâm này, tức là y theo cách viên quán, quán ngay cái tâm này, lâu ngày công phu thuần thục, tâm bỗng nhiên hót khai, liền thấy cái tâm này

sáng suốt thanh tịnh, chẳng thấy có hạnh phải tu, có quả phải chứng. Cho nên nói : “*Không có chi tu, cũng không có chi thành tựu. Duy có một tánh viên-giác rọi khắp, tịch diệt tồn tại mà thôi.*”

Từ chữ “*Nơi trong đó*” sắp về sau, là nói về y báo.

“*Nơi trong đó*” tức là chỉ trong tánh Viên-giác tịch diệt, dựa theo duyên khởi mà hiện ra hằng-hà sa thể-giới của chư Phật. Lại chẳng phải nói một hằng-hà sa, mà có tới bất-khả-thuyết hằng-hà sa cõi thể-giới của chư Phật, có tới “*a-tăng-kỳ*” bất-khả-thuyết. Lại chẳng phải nói một a-tăng-kỳ, mà có trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ, cõi thể-giới của chư Phật như vậy, nhiều đến bất-khả-thuyết.

Đại số nói : Nhưng chữ “*trong đó*” có ý chỉ ngay các thể-giới hiện có trong khắp hư-không giới. Đây không phải tìm biết số lượng mà muốn cho người biết cơ tạo có vô biên thể giới nên mới mượn nhiều số chòng cao như vậy mà nói. Thí dụ : Tùy theo duyên khởi mà hiện ra, chớ vốn không có tự tánh, nên nói : dường như bông trên không; thành hoại biến thiên, không có định thể, nên nói : loạn khởi, loạn diệt. Đại ý là chỉ rõ : bông trên không chẳng phải thiệt, các thể-giới đâu phải có, duy có một tánh Viên-giác chiếu khắp, tịch diệt không hai.

“*Chẳng xáp*” nghĩa là : chẳng xáp nhập thể—giải, bởi dựa theo duyên khởi, không tự tính mà phát. “*Không lìa*” nghĩa là : không lìa cách với Viên-giác, vì trong bốn-thể mới có chơn.

Kể đó, nói về chánh báo. Y theo y-báo nói trước, lẽ ung trong tánh viên chiếu tịch diệt, hiện ra mười thứ pháp-giải. Bởi hoặc nghiệp buộc trói, nên thành ra lục phàm. Vì tu vô vi giải thoát, nên thành tứ thánh. Tuy buộc trói, giải thoát không đồng, mà đều là duyên-khởi không có tự tánh. Ở trong bốn-thể mới là chơn, nên cả hai đều không.

“*Mới biết*” nghĩa là : Do không buộc trói, giải thoát mới là biết được. Đã không buộc trói, giải thoát, là vì tứ thánh lục phàm cũng đồng một Viên-giác.

Viên-giác đã đồng, thì cái Viên-giác sẵn có của chúng sanh đối với Phật không phải hai, cho nên nói: vốn sẵn thành Phật.

Do đây mà quán ngược lại, từ trước chúng sanh bị luân chuyển sanh tử, cho tới chư Phật đặng chứng Niết-bàn, đều là việc của mê nhãn thấy, chớ không phải chơn cảnh của Viên-giác. Cho nên nói : dường như giấc mộng đêm hôm qua, vì tỉnh giấc rồi là không còn thấy chi cả.

----- ☆ -----

**Liễu tánh
bình đẳng**

29.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Vì có giấc mộng hôm qua, nên biết sanh tử và Niết-bàn, không khởi không diệt, không lại không đi. Cái sở chứng kia không đặng không mất, không lấy không bỏ. Còn kẻ năng chứng không làm không nghỉ, không chịu theo không bỏ lảng. Trong sở chứng đó không năng không sở, rốt cuộc không có chứng gì cũng không ai chứng, hết thấy pháp tánh bình đẳng không hoại.

✚ Nghĩa rộng

Bởi trước nói như giấc mộng hôm qua, mới biết sanh tử Niết-bàn đều là vọng cảnh, tỉnh giấc rồi vốn không. Đã giác vốn không, thì sanh tử là không, cho nên không khởi. Đây là nói : không khởi phiền não cho thành ra sanh tử. Niết-bàn là không, cho nên chẳng diệt. Đây là nói : chẳng diệt sanh tử, mà chứng Niết-bàn.

Không thành sanh tử, thì sanh tử chẳng lại ; chẳng chứng Niết-bàn thì Niết-bàn không đi. Đây là nói về cái nghĩa vì có như giấc mộng hôm qua, để chỉ rõ sanh tử Niết-bàn không có cái tướng khởi diệt lại đi.

Câu kể cái sở chứng kia giải về cái nghĩa nói trước : sanh tử Niết-bàn, không có cái tướng khởi diệt, lại đi. Cái sở chứng tức là Niết-bàn. Trong đó đặng mất, lấy bỏ cả bốn tướng; đặng mất hai tướng nói về

các vị Bồ-tát. Nếu tiên tu, thì đặng Niết-bàn, mất sanh tử. Bằng thói bộ, thì đặng sanh tử, mất Niết-bàn.

Lấy bỏ là hai tướng nói về phàm tiểu. Tiểu-thừa ưa diệt đế, nên chán bỏ sanh tử, cầu nhập Niết-bàn. Phàm phu ưa thế gian, nên đắm mê sanh tử, bỏ Niết-bàn. Đây là việc nói về việc mộng寐 của hạng còn mê.

Nay do mộng寐 mà thức tỉnh, hiểu được sanh tử, Niết-bàn vốn không, chẳng có cái tướng khởi diệt, lại đi, cho đến cái tướng sở chứng kia cũng là không. Cho nên nói : không đặng không mất, không lấy không bỏ.

Kẻ năng chứng là chỉ hạnh năng chứng có bốn :

1.- Tác hạnh, nghĩa là làm việc này việc kia, muốn cầu Niết-bàn;

2.- Chỉ hạnh, tức là dứt hẳn các niệm, đâu đó lặng lẽ.

3.- Nhậm hạnh, nghĩa là chịu thuận hết thảy, y theo các pháp tánh;

4.- Diệt hạnh, nghĩa là : thân tâm căn trần, tất cả diệt luôn.

Do bốn tướng của sở chứng đặng không rồi, thì bốn hạnh của năng chứng làm sao đứng vững ? Cho nên nói : cũng là không.

Câu này cũng là nhắc lại lên đoạn trước, nghĩa là ở trong năng và sở chứng đó, hiểu được lý không năng, không sở.

Cứ đó thì năng sở cả hai đều quên, đối đãi bèn tuyệt, duy một tánh chớ không hai, đứng vững một mình, tức là diệu-tánh Viên-giác trải khắp cõi vô tế.

Việc chứng và người chứng nói đây là chi pháp và người. Nay nói : rốt cuộc là không, nghĩa là nếu có người và pháp, tức là có hai tướng. Đã chứng tánh tịch diệt vô nhị, thì năng sở đều quên, người và pháp không còn. Cho nên rốt cuộc cái không kia cũng là không.

Tới đây thì tất cả Thánh phàm, y chánh các pháp, hoàn-toàn đồng với Viên-giác rọi khắp, tánh tịch diệt không hai. Ở trong thế-giải, không còn thấy có nhiễm, có tịnh; đối với Thánh phàm, không còn thấy có cao, có thấp, cho nên gọi là bình-đẳng. Lại đó là thường trụ thế-giải, đời đời bất hủ, nên lại nói nữa : chẳng hoại.

----- ☆ -----

**Rốt cuộc hết
mê muội**

30.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Các vị Bồ-tát kia tu hành như vậy, lần hồi như vậy, tư duy như vậy, trụ-trì như vậy, phương tiện như vậy, khai ngộ (học hiểu) như vậy, cầu các pháp như vậy thì cũng không mê muội.

Nghĩa rộng

Mỗi đoạn đều khen “ *lành thay ! lành thay !*”, là muốn cho người ta ai cũng để ý. Huống đây là lời đáp kết thúc, lại càng nên xét kỹ, cho nên Phật kêu nói lại càng thêm đĩnh ninh, tha thiết.

Càc vì Bồ-tát kia, đây gồm chỉ người trong hội hiện tại và những kẻ đòi mạt pháp mới phát tâm, ứng với lời hỏi trước đều là hạng người cần phải dạy bảo.

“*Tu hành như vậy*”, chỉ câu như trước ta đã nói : như huyễn tam-muội, phải theo đó mà tu.

“*Lần hồi như vậy*”, chỉ câu như trước ta đã nói : Y theo hạnh Xa-ma-tha của Như-lai giữ chặt các điều răn cấm, vv...

“*Tư duy như vậy*”, nghĩa là : dạy chúng hằng tưởng như vậy : Cái thân ta ngày nay v.v...

“*Trụ-trì như vậy*”, nghĩa là : chỉ câu trước vì cái huyễn thân của chúng sanh kia tiêu diệt, cái huyễn tâm cũng tiêu diệt v.v...

Câu “ *phương tiện như vậy*”, là tóm hết các điều kể trên : tu hành, lần hồi, tư duy, trụ trì”, vv... do cạn vào sâu, đều là phương tiện cả.

Câu “*khai ngộ như vậy*” là dạy người mỗi việc đều phải khai thông (mở trí) ngộ nhập (tỏ hiểu) như vậy, thì mới có thể dựa theo phép quán mà khởi tu, y lý thành sự, dung hóa sự đồng lý. Các pháp thế và xuất thế, mỗi mỗi đều thanh tịnh, chẳng những tự mình quán thông rộng rãi, mà cũng khiến chúng sanh đồng đều khai ngộ nữa.

Phật truyền kệ tụng

31.- Kinh văn

Lúc ấy, Thế-tôn muốn lặp lại các nghĩa vừa nói trên đó, mà đọc kệ rằng :

*Phổ-Nhãn người phải biết,
Hết thấy các chúng sanh,
Thân tâm đều như huyễn,
Thân tướng thuộc tứ đại,
Tâm tánh qui lục trần.
Thế tứ đại mỗi nơi,
Chẳng còn chi hòa hiệp.
Như vậy tu hành lần,
Tất cả đặng thanh tịnh*

Nghĩa rộng

Bảy câu trước tụng cái nghĩa “*thân tâm như huyễn*” theo phép chánh tư duy. Hai câu “*tất cả*” dạy về tổng quán. Hai câu “*thân tướng*” dạy về biệt quán. Hai câu “*tứ đại*” kết luận về cái vọng. Hai câu “*như vậy*” tụng cái nghĩa chánh trụ trì.

----- ☆ -----

32.- Kinh văn

Chẳng động khắp pháp giới.

Nghĩa rộng

Thừa mấy câu trên nói : hết vọng trở lại tịnh-giác. Nếu biết tùy thuận tu tập, rõ lý dụng sự, biết sự đồng lý, thì sự sự đều hoàn toàn chẳng động, sự sự chẳng có chi không trải khắp.

Trường hàng bắt từ một mà đi tới nhiều, theo thứ tự mà dung tức (dung hóa hiệp nhau). Còn trong bài này lấy ba chữ khắp pháp-giới mà thâm gồm hết không sót mấy may. Đủ thấy Pháp-vương đối với pháp kia rất là tự tại.



33.- Kinh văn

*Không làm, nghỉ, chịu, lắng.
Cũng không ai năng chứng.
Tất cả thế-giới, Phật
Dường như bông hư-không,
Ba đời trọn bình-đẳng,
Rốt cuộc không lại đi.*

Nghĩa rộng

Hai câu đầu là siêu tụng về năng sở đều quên. Bốn câu sau là truy tụng về Viên-giác chiếu thế.



34.- Kinh văn

*Bồ – tát mới phát tâm,
Chúng sanh đời mạt thế,
Muốn cầu vào đạo Phật,
Phải tu tập như thế.*

Nghĩa rộng

Y theo câu văn mà hiểu, không có chi khó phải giải nghĩa rộng



MINH - LÝ ĐẠO
TAM - TÔNG MIẾU



VIÊN GIÁC KINH

(Đại Phương Quảng Viên – Giác Tu-đa-la liễu nghĩa
Giảng nghĩa)



NGUYỄN MINH THIỆN
phiên dịch

CHƯƠNG THỨ TƯ

Năm 1971 (tháng bảy)
In lại 2011

KINH VIÊN-GIÁC
Giảng nghĩa



CHƯƠNG THỨ TƯ
KIM CANG TẠNG BỒ TÁT.

2/ Vị trung căn hơn hẳn chơn tánh :

Sơ) Trừ nghi hiển tánh



*Bồ tát
thỉnh cầu*

1.- Kinh văn

Đoạn Kim-Cang-Tạng bồ tát ở trong đại chúng, bèn lia chỗ ngồi đứng dậy, tới đánh lễ nơi chơn Phật, đi vòng phía hữu ba quạn, quì xuống chấp tay mà bạch với Phật rằng:

Đại-bi Thế-Tôn : Ngài đã khéo vì hết thảy các bồ-tát đại chúng, mà tuyên dương Đại Đà-la-ni Viên-giác thanh tịnh của Như-lai, chỉ pháp hạnh ngôi tu nhân, phương tiện lần hồi, cùng là khai phát lòng mê muội của chúng sanh. Các người trong pháp hội, nhờ Phật từ-bi dạy bảo, bịnh nhậm mắt huyền hóa đặng sáng trưng, mắt huệ thanh-tịnh.

Nghĩa rộng

Theo như trên thuật rõ, là muốn cầu Phật tiến tới khai ngộ chỗ rất sâu xa, nên mới gọi Đại-bi.

“*Khéo vì*” nghĩa là noi theo thứ tự. Như chương đầu nói về ngôi tu nhân lúc sơ khởi, chỉ rõ tùy thuận Tịnh-giác. Chương kế nói về y như huyền tam-muội, đốn ngộ Tịnh-giác. Chương ba chỉ rõ cách tu tập tùy thuận. Do đốn tới viên, ba căn dạy đủ, từng thứ rành rẽ, nên gọi đó là “*khéo vì*”.

“*Bồ-tát*” chỉ bậc thượng-thủ, đại chúng chỉ kẻ quyên thuộc, tùy từng.

Chương đầu mở dạy Viên-giác thanh tịnh đại Đà-la-ni. Chương nhì và chương ba trước dạy đốn sau dạy viên, gọi là phương tiện lần hồi., đó là vì các chúng sanh, khai môn mê, phát hân muội, đó là theo như trên mà giải thêm rõ.

Pháp chúng ở trong hội, thừa lãnh sự dạy dỗ sâu xa của Đại-bi, sở dĩ làm sáng mắt nhậm huyền hóa, trong trẻo mắt tuệ. Ân đức như vậy, lời nói không thể tỏ ra, đó gọi là thuật thêm rõ.

Thứ ba, chánh là phát họa chỗ hỏi rất khó khăn kia. Chương đầu nói : Tất cả chúng sanh, vốn sẵn thành Phật. Ý nói : Kẻ kia tu tập tâm Tịnh Viên-giác, mà đặng thành tựu, duy có Viên-giác tịch diệt, tánh vô nhị độc tồn mà thôi. Cho nên nói : Vốn sẵn thành.

Các vì Bồ-tát e có người không hiểu rõ, làm hiểu ý Phật, sanh ra ngạo báng, gây thêm tội lỗi, cho nên thay vì họ mà bày ra ba chỗ khó đó, cầu Phật khai thông, chớ không phải ông Kim-Cang-Tạng tự có sự nghi đó.

----- ☆ -----

***Nếu việc làm
cầu giải quyết***

2.- Kinh văn

Bạch Thế-Tôn ! Nếu chúng sanh vốn sẵn thành Phật, tại sao còn có các thứ vô-minh?

Nghĩa rộng

Trước lấy chơn mà cật vấn về vọng.

Ý nói : Chúng sanh vốn sẵn thành Phật. Đã rằng thành Phật, lẽ ưng không có vọng. Cho nên cật vấn tại sao còn có các thứ vô-minh. Dường như không có lẽ như vậy.

----- ☆ -----

***Nếu việc làm
cầu giải quyết***

3.- Kinh văn

Nếu chúng sanh vốn có các thứ vô-minh, đó là tại nhân duyên nào ? Sao Như-lai còn nói : Vốn sẵn thành Phật.

Nghĩa rộng

Đây là lấy vọng mà cất vắn về chơn.

Ý nói : Chúng sanh vốn có vô-minh. Đã rằng vốn có nó, thì không phải thành Phật. Sao còn nói thành Phật ? Dường như không lẽ nói như vậy.

----- ☆ -----

4.- Kinh văn

Dị sanh trong mười phương, vốn sẵn thành Phật đạo, sau dấy lên vô-minh. Cả thấy Như-lai lúc nào còn sanh ra các thứ phiền não nữa.

Nghĩa rộng

Thứ ba là chơn hay sanh ra vọng.

Ý nói : Dị sanh vốn thành đạo, sau dấy lên vô-minh. Đã có thể sau này dấy lên, thì ngày nay Như-lai chứng quả, tới lúc nào sanh ra phiền não ? Đây là lấy bản-giác mà cất vắn về diệu-giác, có lúc bất giác trở lại làm chúng sanh ?

Trên đó là ba điều cất vắn :

1.- Chỉ rõ lời nói mình có trái nhau, Phật tự nói : Chúng sanh vốn sẵn thành, sao lại còn nói có vô-minh, có phải là tự mình trái với mình không ?

2.- Chỉ rõ thể-gian có trái nhau : Bởi vô-minh vốn có, thể gian đều tướng như vậy. Nay còn nói vốn sẵn thành, thì trái với thể-gian rồi.

3.- Chỉ rõ không thuận lẽ chánh, đều thành phi lượng cả : Bởi dị sanh vốn sẵn thành, nói rõ là bản-giác, kỳ thiết là bất giác. Như-lai trong mười phương nói rõ là diệu-giác, đời đời hết còn mê nữa. Cho nên bày nói mấy chỗ khó đó, xin quyết nghị.

----- ☆ -----

5.- Kinh văn

Chỉ mong cầu khẩn thiết (bất xả), Phật phát lòng đại từ , vô già (vô ngại), vì các bồ-tát mà khai bí-mật giáo, và vì hết thấy chúng sanh ở đời mạt thế, đã nghe được pháp-môn liễu-nghĩa của tu-đa-la giáo như vậy, đời đời đoạn dứt ngờ vực, hối hận. Nói lời này rồi, Kim-Cang-Tạng bồ-tát bèn gieo năm vốc sát đất. Gieo mình rồi đứng dậy, làm y như trước, mà thỉnh cầu cho tới ba phen.

Nghĩa rộng

Trước cầu xin giải quyết các điều nghi lớn.

Còn nói chỉ mong cầu là nói cầu một cách khẩn thiết. Ý nói : Không có cầu chi khác ra ngoài, duy cầu khai bí-mật tạng, lợi lạc đại chúng trong hội hiện tại và chúng sanh ở đời mạt thế mà thôi.

Bất xả, nghĩa là quyết định câu. Ý nói : Mật tạng không phải để khai. Biết rõ là chẳng phải dễ, nên ngoài Phật có lòng đại từ vô già, không có ai khác làm được.

Ba chữ bí-mật tạng, chẳng phải chỉ tam đức của Phật quả, cũng không chỉ cái tâm của chúng sanh, thỉnh ngay xin quyết ba điều nghi.

Ý nói : Các điều nghi đó, nếu không cất vấn thì chẳng ai nói ra; còn cất vấn mà không nói ra, là muốn giấu diếm đó, nên gọi là bí tạng. Nếu nhân lời cất vấn mà nói, nói ra không rõ ràng, là muốn cất kín đó, nên gọi là mật tạng.

Vì lời câu thì liền nói ngay, nhưng phải nói cho rõ ràng, gọi là khai. Hai tạng đã khai, chơn tín bèn mở, chẳng những lợi lạc kẻ trong hội bây giờ, mà còn có bổ ích cho kẻ sau này nữa. Cho nên nói : Và vì hết thấy chúng sanh ở đời mạt thế.

Những loại câu dạy này thiết là pháp môn liễu nghĩa ở trong tu-đa-la. Qua đời sau, ai nghe, ai thấy rồi đều đòi đòi hết ngờ vực. Ngờ vực hay làm ngăn ngại, chánh kiến. Nó đã đòi đòi hết dứt, thì chánh tín thành, chánh-kiến sáng.

----- ☆ -----

Thầy trò đồng ý

6.- Kinh văn

Lúc ấy, Thế-Tôn gọi Kim-Cang-Tạng bồ-tát mà nói rằng : Lành thay ! Lành thay !

Thiện-nam tử ! chúng người đã biết cách, vì các bồ-tát và chúng sanh ở đời mạt pháp, mà hỏi Như-lai phương tiện cứu cánh, cùng tột bí mật, đó là Đại thừa liễu nghĩa, lời dạy các bồ-tát rất cao, có thể khiến kẻ tu học bồ-tát trong mười phương và hết thấy chúng sanh ở đời mạt thế, đặng lòng tin chắc chắn, đời đời dứt ngờ vực.

Nay các người hãy nghe cho kỹ, ta sẽ vì các người mà nói ra.

Thì Kim-Cang-Tạng bồ-tát vung dạy, mừng rỡ, các hàng đại chúng lắng lắng mà nghe.

Nghĩa rộng

Nói lành thay hai lần, bởi thỉnh khai hai tạng bí-mật, hiện chưa giải thêm trọn đủ.

“*Đã biết*” chỉ có một hạng bồ-tát mới biết được chỗ quan hệ, còn kỳ dư phạm phu Tiểu thừa không thể nào biết được.

“*Phương tiện . . . cùng tột bí mật*” nghĩa là : nói rõ ý cất vấn, là sở chứng của Như-lai rất sâu xa. Có ý giấu diếm mà không nói ra, hay là dầu có nói cũng không rõ ràng, duy nói mật ý mà thôi, thì phải chờ Kim-Cang-Tạng hỏi lại, mới là phương tiện cứu cánh thành Phật. Không phải ông đó, thì chẳng có ai biết hỏi.

Đủ thấy hỏi rồi, Như-lai mới dạy bảo phép Đại-thừa liễu nghĩa giáo lý rất cao của bồ-tát. Như thế mới khiến kẻ tu học bồ-tát và chúng sanh ở đời mạt thế có

thiện căn về Đại-thừa, hiểu cái nghĩa bí mật này, thành tựu chánh kiến theo Đại-thừa, đời đời không thoái chuyển. Cho nên nói : Đặng lòng tin chắc chắn, đời đời dứt ngờ vực, ăn năn.

Kỳ dư cũng dễ hiểu.

----- ☆ -----

**Tổng xuất duyên
sanh luân hồi**

7.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Cả thấy thế-giải, đầu cuối sanh diệt, trước sau hữu vô, tụ tán, khởi dứt, niệm niệm tiếp tục nhau, tuần hườn qua lại, bỏ lấy đa đoan, đều là luân hồi.

✚ Nghĩa rộng

Cả thấy thế-giải, gồm chỉ có ba thứ thế-gian :

Đầu cuối sanh diệt, nói về chánh-giác thế-gian. Ý nói tùy duyên thị hiện là đầu, duyên tận nhập diệt là cuối ở giữa biến đổi gọi là sanh diệt.

Trước sau hữu vô, nói về hữu tình thế-gian. Ý nói: trước có tướng sanh là trước, sau thấy tướng mất là sau, ở giữa có trụ dị, gọi là hữu vô.

Tụ tán, khởi dứt, nói về khí-giải thế-gian (võ trụ). Ý nói : Trong thành kiếp, tụ vi trần thành thế-giải là tụ; trong không kiếp tán thế-giải thành vi trần là tán, ở giữa có trụ hoại làm khởi dứt. Hay nói trước “*trụ*” là khởi, sau “*trụ*” là hoại.

“*Niệm niệm tiếp tục*” nhau, thường chỉ có hai thứ tình và khí. Ý nói : Sanh trụ dị diệt, bốn tướng thay phiên luân chuyển, một sát-na không ngừng nghỉ.

“*Tuần hườn qua lại*”, kể hữu tình chết thì gọi là qua, sanh thì gọi là lại. Còn thế-giải hoại thì như đi, thành thì như lại. Tỉ như cuộc tuần hườn đi rồi trở lại, cùng mức rồi trở lại y chỗ ban sơ.

“*Bỏ lấy đa đoan*”, nói riêng về hữu tình. Trước có sáu cái tương đối đều là cảnh, còn đây bỏ lấy thuộc về tâm. Cảnh đã tương tục, niệm này sang niệm kia, tuần hườn qua lại, thì tâm cũng y như vậy. Cho nên nói : Đều là luân hồi, tức là chỉ cái tâm duyên-ảnh, là thức thứ sáu sanh diệt.

Đại-sớ giả nói : Chán cõi Ta-bà này gọi là bỏ, mền cảnh Cực-lạc kia gọi là lấy. Ý nói là vọng tưởng điên đảo, cái tướng biến hiện luân hồi.

Lời này chưa khởi chỗ tổn có nhiều, ích thì có ít, chỗ gọi “*đề-hò và độc dược, cách nhau không xa*”. Đã dụng duyên ảnh làm tâm, nên phải bị Phật quở.

----- ☆ -----

Kẻ nào chưa ra khỏi luân hồi mà biện luận tánh Viên-giác, thì tánh Viên-giác của họ cũng đồng lưu chuyển. Nếu ra khỏi luân-hồi, thì không có điều đó.

Thí như con mắt động, hay làm lung lay mặt nước trong. Lại như con mắt định, mà thấy cục lửa quay tròn thành một vòng sáng, mây bay mà thấy trăng chạy, ngòi thuyền đi mà thấy bờ sông đi tới, thì cũng y như vậy.

✚ Nghĩa rộng

Trước nói pháp : Câu chưa ra khỏi luân hồi là nói về dụng tâm sanh diệt y như trước. Chữ biện luận có ý bày chỉ ba chỗ nghi.

Ý nói : dùng tâm sanh diệt, mà biện luận Viên-giác, chớ nói rằng không biện rõ. Dầu có biện được minh bạch, cũng không phải là chơn diện mục của Viên-giác. Cho nên nói : Cái tánh Viên-giác của họ, cũng đồng lưu chuyển. Nghĩa là : cái tánh Viên-giác của họ biện rõ ràng đó, là một thứ hư vọng danh ngôn, ở trong vọng tâm sanh diệt mà ra, chớ không phải thiệt là tánh Viên-giác.

Nếu còn dựa theo đó, mà muốn tránh khỏi luân hồi, quyết chắc là khó thoát được. Cho nên nói : Không có điều đó. Sau đây lấy tỉ dụ mà giải rõ vấn đề này.

Mắt động là con mắt máy động nhiều lần, ví dụ vọng tâm phân biệt. Còn nước trong không lay động, ví dụ diệu tánh Viên-giác.

Ý nói : Nước trong vốn không lay động, nhân có con mắt máy động nhiều lần, dựa theo nước trong, mới vọng hiện ra tướng lay động. Ví dụ cái Viên-giác diệu tánh kia, vốn không phải lưu động, mà do họ có lòng sanh diệt, dựa theo Viên-giác, biến khởi danh ngôn hư vọng.

Muốn biện luận Viên-giác, mà tánh Viên-giác đó, tùy theo danh ngôn của họ, mà thành lưu chuyển. Cũng như con mắt động của họ, có thể lay động nước trong kia không khác.

Lại như con mắt định, do cục lửa xoay chuyển thấy vòng tròn đỏ. Định đây có nghĩa như trợn đứng con mắt.

Lược số nói : Nhãn thức đàn độn, quây tròn cục lửa mà nó thấy thành vòng lửa đỏ. Ý nói : bởi nhãn-thức đàn độn, thấy lửa không thiệt, nên ráng sức trợn định con mắt mình, thấy cục lửa quay tròn, xem lâu thành ra vòng lửa đỏ.

Ví dụ căn tánh của họ ngu độn, thấy lý không thiệt, nhưng ráng trợn định thức tâm phát khởi danh ngôn hư vọng, tráo trở biện luận Viên-giác chơn lý. Nhưng cái tánh Viên-giác của họ vốn không lưu chuyển, mà khi đối với danh-ngôn, họ quấy lầy danh-

ngôn tráo trở biện luận, nên cái tánh Viên-giác kia cũng tùy theo danh-ngôn mà thành ra lưu chuyển.

Mây bay trên trời rất mau, nhân đó mà người ta thấy mặt trăng có tướng chạy. Mặt trăng thiệt không chạy, mà vì mây bay mau nên thấy thành nó chạy. Thuyền đi như tên bắn, nên thấy bờ sông có tướng đi tới, kỳ thiệt bờ không dời chỗ, vì thuyền đi mà có tướng dời dặc.

Ví dụ họ chưa ra khỏi luân-hồi, dựa theo vọng tâm mà biện luận Viên-giác, nên theo Viên-giác vọng hiện danh ngôn. Viên-giác vốn không phải danh-ngôn, nhân đó danh-ngôn biện luận nói ra, mà Viên-giác cũng thành danh-ngôn.

Nhân các tử dụ nói trên mà ta biết được cái pháp giả dối kia, cho nên nói : “ *Thì cũng y như vậy*”.

----- ☆ -----

Chỉ bày chỗ làm lạc

9.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Các sức vận xây chưa ngừng nghỉ, món vật kia muốn ngừng trước, còn không thể nào được thay. Hà hướng cái cấu tâm (tâm bụi nhơ) luân chuyển sanh tử, chưa từng thanh tịnh, mà thấy Viên-giác của Phật không xoay vận ! Cho nên bọn các người sanh ra ba thứ mê hoặc.

✚ Nghĩa rộng

Cái sức vận xây chỉ những món nói trước : mắt động, mắt định, mây bay, thuyền đi.

“*Chưa ngừng nghỉ*” nghĩa là : đương lúc động, lúc định, lúc bay, lúc đi. “*Món vật kia muốn ngừng trước*”, nghĩa là : mắt đương động, mà nước trước muốn không lay; mắt đương định, mà lửa trước muốn không chuyển, mây đương bay, mà mặt trăng trước muốn không chạy; thuyền đương đi mà bờ sông trước muốn không đi tới.

“*Còn không thể được thay*” , nghĩa là : Nói bởi cảm và ứng trái nhau. Đây là lấy những việc xảy ra trước mắt mà ví dụ, để chỉ rõ sau này cái tâm tánh vô thi.

“*Luân chuyển*” nghĩa là : nói rõ cái vọng-thức vô thi. Vào sanh ra tử, dấy hoặc gây nghiệp, không chỉ chẳng phải tại nó. Cho nên nói : Cấu tâm sanh tử.

“*Chưa từng thanh tịnh*”, nghĩa là : chánh đương luân chuyển, như các sức vận xây kia chưa ngừng nghỉ.

Viên-giác tức là chơn tánh vô thi. Thấy cái Viên-giác này không qua lại, là nói : hết sự lưu chuyển, thí như vật kia đứng trước, thì cũng vì cảm và ứng trái nhau. Việc kia không được, việc này sao nên, cho nên trước đề chữ “*hà hướng*”. Ý nói : Đâu có lẽ hai bên trái nhau mà thành được cảm ứng?

Cho nên biết chưa ai ra khỏi luân-hồi mà biện luận Viên-giác, dầu có biện luận rành rẽ đi nữa, cũng không phải là Viên-giác chơn tánh, vì có không phải chơn-tri, chánh-kiến vậy.

Ba thứ mê hoặc quyết không phải chỉ ba thứ hoặc là kiến-tư, trần-sa, vô-minh. Rõ ràng là ba điều cật vấn đã bày tỏ trước kia. Mê hoặc thứ nhất là lời mình trái nhau. Mê hoặc thứ hai là thế-gian trái nhau. Mê hoặc thứ ba là đều thành phi-lượng (tư tưởng sai lầm). Nếu quả có chơn-tri, chánh-kiến thì ba thứ hoặc đó mới do đâu mà sanh ra được?

----- ☆ -----

Ví dụ huyễn ế

10.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Thí như mắt nhắm huyễn ế (bị che án), thấy bầy bông trên không. Khi huyễn ế trừ rồi, thì không thể nói mắt nhắm kia đã dứt, chừng nào khởi lại các thứ nhắm mắt?

Tại có sao ? Mắt nhắm và bông tên không chẳng phải là hai vật thiệt tương đối.

✚ Nghĩa rộng

Mắt nhắm là tướng bịnh của tịnh mục, bị một mồi, lao nhọc.

Sanh mà không trường sanh, gọi là huyễn hóa : thí dụ Thức thứ sáu, dựa vào Thức thứ tám hư vọng mà biến hiện. Mắt nhắm bị che đã là huyễn, thì sự thấy đâu phải là chơn, nên gọi là vọng : Ví dụ Thức thứ sáu phân biệt.

“*Bông trên không*” là nói : Hư-không vốn không có bông, do vọng kiến mà nổi lên thành có. Các tướng như sao đỏ, vàng hiện trên không, đó gọi là bông : Ví dụ phân biệt vọng cảnh đem ra biện luận.

“*Huyễn ế trừ rồi*”, nghĩa là : gặp thuốc liền mạnh: Ví dụ gặp Phật nghe pháp, rõ ngay thức kia là không, phải thiệt có.

“*Không thể nói*”, nghĩa là : không thể đem sự huyễn ế kia tiêu mất rồi, mà nói : Huyễn ế kia đã dứt. “*Chừng nào khởi lại các thứ huyễn ế đó*” : Ví dụ thế-gian không rõ biết. Chẳng thể hướng về kẻ rõ ngay thức kia là không thiệt có mà nói : Thức ấy đã không, chừng nào khởi lại các thức ?

Phật nói rộng ra cái ví dụ này, cố ý đem sự phiền não dựa vào Thức thứ sáu, mà ta đã nhận thức đó là không, sao bọn người còn hỏi Như-lai : chừng nào sanh lại phiền-não ? Như vậy có khác nào hỏi thức kẻ phục sinh chẳng ? Vậy thì làm quá rồi !

Tại có sao ? Là muốn trưng bày bằng có tại sao mà nói hư-không có bông ? Cho nên giải thích rằng : Hai pháp huyễn ế và không hoa chẳng phải là thiệt tương đãi.

“*Không phải tương đãi*”, là nói : Hai vật kia đều không có thiết thể, nên chẳng phải an lập đối đãi. Chỉ nói huyền ế đã dứt, còn không hoa chẳng nói tới, thì đủ rõ rồi. Ví dụ thức “*không*” cũng thế.

----- ☆ -----

**Nên ví dụ
không hoa**

11.- Kinh văn

Cũng như không-hoa, lúc nó mất ở hư-không, chẳng thể nói chừng nào khởi lại bông trên không. Tại có sao ? Hư-không vốn không có bông, thì đâu có gì khởi dứt.

✚ **Nghĩa rộng**

Không-hoa ví dụ chúng sanh, chư Phật sanh tử, Niết-bàn, v.v... cùng là cả thấy các pháp.

Lúc bông ấy mất ở trên không, là tịnh nhãn hết nhậm, nên không thấy bông ! Ví dụ Như-lai đã rõ thức là không có, thì chúng sanh, chư Phật, v.v... các pháp đều là không vậy.

“*Không thể nói*”, nghĩa là : Không thể hướng về (đối với) tịnh mục hết nhậm, “*chẳng thấy bông trên không*”, mà nói : hư-không chừng nào khởi lại không-hoa : Ví dụ kẻ thế-gian không biết. Chẳng thể hướng về kẻ đã đạt pháp không, mà nói : Ở trong lý chơn-không, chừng nào khởi lại các pháp ?

Phật lại nhân nói cái ví dụ này, mà chỉ : nhậm hết, thức không, tư thuộc về “*nhơn-không*” ; bông mất pháp tiêu, lại tiến lên “*pháp không*”, hai bên dựa lẫn nhau mà nói, nên rất hợp lẽ.

Tại có sao ? Đây là nêu lên có tại sao mà không thể nói hư-không chừng nào khởi lại bông ấy. Cho nên giải rằng: hư-không vốn không có bông, bởi không có khởi dứt.

Hư không chẳng có bông, là tịnh mục chẳng thấy: Ví dụ Như lai đã rõ thức không, và chẳng thấy có pháp.

“*Không có khởi dứt*”, là nói : Đã không thấy bông, thì có gì đâu khởi dứt : Ví dụ Như-lai ở trong lý chơn-không, chẳng thấy có chút pháp nào sanh, nên chẳng thấy có chút pháp nào diệt.

----- ☆ -----

**Ví dụ
hư không**

12.- Kinh văn

Sanh tử, Niết-bàn, đồng với khởi dứt (sanh diệt). Diệu giác viên chiếu, lìa với bông, ngoạn vì mất nhậm.

Thiện nam tử : Phải biết hư-không chẳng phải tạm có, cũng chẳng phải tạm không. Huông hồ Viên-giác tùy thuận của Như-lai, là bản-tánh bình-đẳng của hư-không !

Nghĩa rộng

Câu văn này có ba ý :

1.- Ban sơ lấy pháp dẫn : Sanh tử là chúng sanh. Niết bàn là chư Phật. Đồng với khởi dứt, nghĩa là đồng với không hoa khởi dứt. Đây là lấy sanh tử, Niết-bàn, để chỉ rõ các pháp thế và xuất thế, đều như bông trên không khởi dứt : Hễ chấp thì thành có, không chấp thì thành không.

“*Diệu-giác*” nghĩa là : giác đã được chứng tới cực điểm.

“*Viên chiếu*” nghĩa là : chiếu sáng vô ngại, mà chiếu sáng vô ngại, thì thức không, pháp không. Thí như lìa không hoa của mắt nhắm, thì chỉ có hư không tồn tại. Đây là lấy hư-không mà ví dụ, cho nên dạy “*phải biết*”.

“*Chẳng phải tạm có*”, nghĩa là : chẳng phải vì lìa không – hoa của mắt nhắm mà tạm có. Cũng chẳng phải vì lìa không - hoa của mắt nhắm mà tạm không. Cho nên nói : chẳng phải tạm không.

Ở đây, hư-không ví như Chơn-như Tinh- giác, tức là bản-thể thành Phật, cũng gọi là Phật tánh.

Chẳng phải vì lìa không-hoa của mắt nhắm mà tạm có. Ý muốn nói rõ : lúc nào có không hoa của mắt nhắm tức là có. Ví dụ lúc chúng sanh Ngã, Pháp đương thành, tức là có Phật-tánh, mà nói vốn sẵn thành Phật, tuy có vô-minh cũng vô-hại.

Đây là giải sơ điều cật vấn thứ nhất.

2.- Chẳng vì có không-hoa của mắt nhắm mà tạm không, chỉ rõ hư-không cố-nhiên là có, tạm bị bông của mắt nhắm che án. Ví dụ Phật-tánh cố-nhiên có, mà chúng sanh bị hai chấp (Nhơn, Ngã) ngăn ngại, thì đều nói : Vô-minh vốn có, mà sẵn thành Phật, thì cũng vô ngại.

Đây là giải sơ điều cật vấn thứ nhì.

3.- Huống sau còn chỉ sơ không-tánh, nói rằng : Không-tánh đã không vì bông của mắt nhắm mà gọi là có, là không. Huống còn có phần siêu lên trên hư-không nữa, thì nhứt thiết đều siêu, nói chúng sanh chư Phật còn không được thay. Nếu có kẻ đối với chúng sanh chư Phật mà phát nghi cật vấn, thì kẻ ấy chẳng phải ngu thì cũng là cuồng, cần chi phải nói chuyện với họ.

“*Viên-giác*” nghĩa là : Viên-giác diệu tánh. Cuốn Đại-thừa Khởi-tín luận gọi là Nhứt tâm, chỉ có bực Phật mới chứng được mà thôi. Cho nên kêu là : Viên-giác của Như-lai.

“*Tùy thuận*” nghĩa là : Bởi hay tùy thuận hai cửa sanh diệt của Chơn-như, mà thành lập hết thấy các pháp của hư-không. Đã hay thành lập hư-không, tức là bản tánh hư-không lại hay thành lập các pháp, tức là bản tánh của các pháp, thành lập trọn đủ cả hai, tức là bản tánh bình-đẳng.

Ai chứng được cái tánh này rồi, thì dị sanh hay chư phật, vô-minh phiền não, sau còn khởi lên nữa, v. v....đều là huyễn hóa. Đây là chỗ trước nói : Viên-giác Phổ-chiếu (chiếu khắp), tịch diệt không hai.

Đây là giải sơ điều cật vấn thứ ba.

----- ☆-----

**Nhân thật du
thông cật vấn**

13.- Kinh văn

Thiện-nam tử : Như đụn (đốt cháy) vàng khoáng, vàng chẳng phải vì đụn mà có (vàng có sẵn trong khoáng). Một khi thành vàng y rồi, chẳng trở lại làm khoáng (quặng). Dầu trải qua thời-gian lâu xa mấy, ánh vàng cũng chẳng hoại. Không nên nói : Vốn không phải thành tựu. Thì Viên –giác của Như-lai cũng y như vậy.

✚ Nghĩa rộng

Vàng lộn cát đất thì gọi là vàng khoáng. Đụn nó trong lò thì nó chảy ra thành vàng y. Ví-dụ người tu (hành-giả) lấy trí đoạn hoặc để hiển lộ Viên-giác diệu tánh.

“*Vàng chẳng phải vì đụn mà có*”, ý nói : trong khoáng vốn sẵn có vàng ví dụ diệu tánh. Không phải nhờ tu đoạn mà có, ý nói : Lúc hoặc chưa đoạn, diệu tánh vốn sẵn có. Khi vàng hết còn là khoáng nữa : Ví dụ hoặc đoạn hết rồi, thì diệu tánh hiển lộ hoàn toàn, không còn trở lại khởi lên vô minh nữa.

“*Dầu lâu xa mấy tánh vàng cũng không hoại*”, nghĩa là : Một khi làm ra chén, làm ra vòng, ra xoa, ra xuyên, dầu trải qua nhiều năm, cái vàng của mỗi món khí dụng đó vẫn y nhiên như trước. Ví dụ : Nương theo diệu tánh Viên-giác, chung lộn với người đời mà hành hóa, dầu người làm Bồ-tát, làm duyên-giác, làm La-hán, làm dân cõi người, cõi trời, nhiều kiếp nhiều đời, độ sanh, thì tánh Viên-giác thường thân nhiên, vắng lặng.

“*Vốn không phải thành tựu*”, nghĩa là : Chẳng nên nói: Đó là bản thể của chơn kim, lúc ở trong khoáng, vốn không phải thành tựu. Ví dụ kẻ luận về Viên-giác, chẳng nên nói : Cái tánh Viên-giác này, ở lúc còn vô-minh, vốn không cụ túc. Cái ví dụ này cứ vào lẽ thiệt mà nói.

Đây là thông với điều cật vấn nói trước, : Vàng chẳng phải đụn chảy mà có. Ý muốn chỉ rõ: Ở trong khoáng vốn có sẵn. Ví dụ chúng sanh vốn sẵn là phật, dầu nói có vô-minh cũng là vô-hại. Đây là thông với điều cật vấn thứ nhất.

Lại nói : Một khi đã thành vàng y, chẳng trở lại làm khoáng. Ví dụ đoạn vô-minh hoặc rồi, diệu tánh hiển lộ hoàn toàn, chẳng còn khởi lên vô-minh, tức là thông với điều cật vấn kế sau. Rốt cùng có nói : Không nên nói : Vốn chẳng phải thành tựu. Ví dụ kẻ luận kia, không nên nói : Cái diệu tánh này, lúc còn vô-minh, vốn không cụ túc. Ý muốn nói : Lúc còn vô-minh, vốn tự nó cụ túc. Cho nên tuy nói vô-minh vốn có, mà nói vốn sẵn

thành Phật cũng không phương hại, tức là thông với điều cật vấn sau rốt.

----- ☆ -----

**Theo lẽ chánh
mà kết thúc**

14.- Kinh văn

Thiện-nam tử : Cái diệu Viên-giác tâm của Nhứt thiết Như-lai, vốn không có Bồ-đề cùng Niết-bàn, cũng không có thành Phật cùng không thành Phật, không có vọng luân hồi cùng chẳng phải luân hồi.

✚ **Nghĩa rộng**

Trên nói bốn tánh “*tại thiên*” (bị kẹt trong vật dục ràng buộc) , thì gọi là Như-lai Viên-giác. Ý nói : Cái tâm nhân địa có thể thành Phật. Còn đây nói về “*xuất thiên*” (ra khỏi vật dục ràng buộc), thì gọi là Như-lai diệu Viên-giác tâm. Ý nói : Cái thể kết quả đã thành Phật rồi. Duy có hàng chư Phật mới đạt tới chỗ cứu cánh đó mà thôi. Cho nên nói : “*Nhứt thiết*”. Ý tỏ rằng : Trừ Phật ra, không còn ai có thể chứng được bậc đó.

Lìa các phiền não, ngăn ngại, gọi là : Diệu, tỏ ra vô-minh đã chấm dứt. Bốn thể gồm đủ hết các đức, nên gọi là : Viên. Đời đời chẳng còn mê muội lại nữa, nên gọi là : Giác. Đó là chỉ cái linh-tâm tuyệt-đãi. Cho nên nói : Vốn không có Bồ-đề cùng Niết-bàn, vì hai đức này thuộc về pháp đối đãi.

Bồ-đề thuộc về đối đãi, cho nên nói có thành cùng không thành. Nay đã nói không, thì thành Phật còn không đặng thay, huống là không thành?

Như trước đã nói : Vì đối với huyễn mà nói giác, nên cũng gọi là huyễn. Bằng nói không có giác, thì cũng y như vậy. Vậy không hứa thành cùng không thành.

Vì Niết-bàn thuộc về đối đãi, cho nên trong kinh văn mới nói “*Có vọng luân hồi cũng chẳng luân hồi*” : Có luân hồi tức là sanh tử, không luân hồi tức là Niết-bàn. Nay đã nói không có , thì không có luân hồi còn chưa đượ thay, huống là nói vọng luân hồi.

Như câu văn trước nói : Sanh tử, Niết-bàn đồng với khởi dứt, Diệu-giác viên chiếu, lìa với bông mắt nhặm. Đó là nói có luân hồi cùng không có luân hồi đều chẳng đứng vững.

Quán đượ như thế, mới gọi là chánh kiến.

----- ☆ -----

**Thinh văn còn
chưa tới . . .**

15.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Chỉ vì cảnh giới của các thinh-văn trọn chứng, thân tâm, lời nói đều là đoạn dứt, nên rốt cuộc không tới chỗ Phật thân chứng, mà hiện ra Niết-bàn.

✚ Nghĩa rộng

Vì sợ theo chỗ nghi trước là : Ai chưa ra khỏi luân hồi mà biện luận Viên-giác thì cái tánh Viên-giác của họ, cũng đồng lưu chuyển. Vậy xin hỏi : Tu thành hạng người thính-văn, đã ra khỏi luân hồi, tưởng rằng mình biện luận được Viên-giác, cố đến nơi lưu chuyển chẳng ?

Cho nên kêu mà dạy rằng : Chỉ vì cảnh-giác của các thính-văn trọn chứng so sánh với cảnh Phật cách rất xa. Ý nói : Cảnh-giái viên mãn của người trọn chứng chỉ sanh không trí, đưa tới cảnh thân tâm lời nói hiện tiền đều trọn dứt. Đây là chỗ gọi “*khô thân dận trí*”, khiến dừng cho nó (thân và trí) còn sanh lại nữa, mà trở lại thọ sanh trong cõi tam giải. Chánh là cái sanh không lý hiện ra Niết-bàn. Đã gọi là Niết-bàn, sao lại nói : rất cuộc không thể tới bực của Phật thân chứng.

Phải biết thứ Niết-bàn này thuộc về quyền thuyết (thuyết dùng tạm bợ một lúc mà thôi), nên kinh Pháp-Hoa chỉ nó mà gọi là “*hóa thành*” (chỗ nghĩ chơn tạm), chứ không phải thiệt “*bửu sở*” (chỗ Phật ở). Nếu muốn tự mình tới đó, thì phải trải qua 200 do-tuần nữa, mới phải là thân chứng cảnh Niết-bàn hiện ra (Thiệt Đại Niết-bàn).

Đã rằng rất cuộc không thể tới được, mà nói họ biện luận được cái diệu Viên-giác tâm, thì không bao giờ có lẽ vậy.

----- ☆ -----

Huống phạm phu còn thêm khó nghĩ

16.- Kinh văn

Hà huống có thể lấy cái tâm dùng sức tư duy, mà độ xét cảnh-giái Viên-giác của Như-lai ! Cũng như đem lửa đom đóm mà đốt núi Tu-di, rất cuộc không dính dáng vào đâu cả.

✚ Nghĩa rộng

Trước nói : Hàng Tiểu Thánh kia còn không biện luận được cảnh-giái Viên-Giác, hà huống kẻ phạm phu còn thua sút bực thính-văn, có tâm tư duy, kém sanh không trí (trí thiên-không mà muốn độ xét cảnh-giái Như-lai, quyết không thể được ! Cho nên mượn ví dụ mà tả trạng ấy.

Cái ví dụ sau lấy lửa đom đóm, như lửa mà không phải thiệt lửa, để chỉ tâm tư duy bất quá là lấy thế trí biện thông, chứ không phải là chánh huệ xuất thế.

Đã không phải là lửa, mà dùng nó để đốt vật, thế là làm việc luống công vô ích. Đây là ví dụ kẻ phạm phu dụng tâm tư duy, mong cầu phước báo ở cõi người, cõi trời, rất cuộc cũng là hư vọng.

Núi Tu-di ở giữa bốn châu. Muốn đốt nó, phải chờ cho có kiếp hỏa (lửa dữ ở mỗi kiếp). Nếu đem lửa đom đóm mà đốt, rất cuộc không dính dáng chi. Ví dụ

Viên giác ở ngôi tông-trì của bốn trí, muốn chứng nó phải có phật trí chớ tâm tư duy kia còn cách nó xa lắm.

Kẻ có chí cùng Viên-giác, nên lấy ví dụ này mà làm gương soi mình.

----- ☆ -----

**Có hỏi cũng
vô ích**

17.- Kinh văn

Lấy cái tâm luân hồi thì sanh ra kiến-giải luân-hồi, rốt cuộc không thể nào đi tới nhập vào biển đại tịch-diệt của Như-lai.

✚ Nghĩa rộng

Theo ý Phật thì những điều Phật nói trước về chọn lấy hay bỏ, đều là luân-hồi. Cang-tạng bồ-tát tuy không phải phạm phu, nhưng nếu theo lối ông cật vấn, thế là lấy cái tâm luân-hồi, thì sanh ra kiến-giải luân-hồi đó thôi.

Nói vào biển đại tịch-diệt của Như-lai, chẳng nói Viên-giác mà nói biển của Như-lai là có ý trách câu văn rườm rà, đặc biệt chỉ luận về cảnh-giái.

Ngang, dọc, trùm khắp gọi là “*đại*” (lớn). “*Tịch*” nghĩa là : Im lặng không nghe tiếng, vì không dùng lời mà giải thích được. “*Diệt*” nghĩa là : Không thấy hình, vì không thể dùng hình tích mà chỉ ra được. Thế gồm đủ các đức, dụng bao trùm vạn hữu, nên lấy biển mà ví dụ. Biển không bờ bến, cảnh-giái như thế há đem tâm

luân-hồi vào đó được sao? Cho nên nói : Rốt cuộc không thể đi tới.

Cang-Tạng nghe lời nói đó, có lẽ tự nghĩ biết điều cật vấn của mình là vô ích.

----- ☆ -----

**Dạy đoạn căn
bốn luân hồi**

18.- Kinh văn

Cho nên ta nói : Hết thấy Bồ-tát cùng là chúng sanh đời mạt thế, trước đoạn cái căn bốn vô thi luân-hồi.

✚ Nghĩa rộng

Thừa trên mà tiếp nói, dùng tâm luân-hồi mà vào biển tịch-diệt, thì rốt cuộc không thể đi tới đó được. Cho nên ta thường nói như vậy trong các thứ kinh. Bồ-tát và chúng sanh, chỉ hết những người phát bồ-đề tâm tu theo Đại-thừa.

“*Trước đoạn*” là chỉ việc khẩn cấp phải lo trước hết, tức là chỗ Nho gọi : “*Biết chỗ trước sau, thì đã gần đạo*”.

Cái căn bốn vô thi luân-hồi , tức là dụng cái tâm phan duyên (chuyên niếu) làm tự tánh, nên trong hết thấy các kinh, đâu đâu cũng dạy phải đoạn dứt nó.

Kinh Lăng-Nghiêm nói : Vô tử sanh từ căn bản, v.v... Cho nên Phật kêu A-nan mà rằng : Hết thấy chúng sanh, sanh tử tương tục, đều do mình chẳng biết chơn-tâm thường trụ, nên dùng các thứ vọng tưởng. Phàm các kinh đều dạy điều này cho chúng sanh để ý đoạn dứt.

----- ☆ -----

**Triển chuyển lộ
bày vọng tưởng.**

19.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hễ dụng sức tư duy, là do có tâm khởi, đều là vọng tưởng duyên khí chịu ảnh hưởng lực trần, chẳng phải thiệt bản thể của tâm. Đã như bông trên không, mà dùng cái tư duy đó mà biện luận phật cảnh, dường như bông trên không lại muốn kết trái trên không, quanh quẩn vọng tưởng, thì không có lẽ nào như vậy.

✚ **Nghĩa rộng**

Hễ dụng công tư duy, thì như lực thúc cây lực trần mà có, lực căn đối với cảnh bèn khởi, sanh ra đủ thứ phân biệt.

“Do có tâm khởi”, ý nói : Vì có thức tâm phân biệt, mới có thể khởi tác động không ngừng. Sanh tử, luân hồi, đều do nơi đó, cho nên mới dạy trước phải đoạn nó, chẳng phải là không nói trước ?

Câu : đều là có ý nói : Cái tâm năng khởi và cái tư duy nó khởi, đều là hiện khởi tư tưởng hư vọng nơi cảnh lực trần, có phần khí năng duyên tích tụ ở trong không phải thiệt cái bản thể của tâm, kêu là vọng tưởng. Cho nên ví dụ như bông trên không, để chỉ rõ nó không có thiệt-thể.

Phật cảnh tức là Viên-giác, vì đó là cảnh-giải của Phật thân chứng. Điều cật vấn của Cang-Tạng là có ý biện luận Phật cảnh. Nào dè không sao biện luận được. Ví dụ như bông trên không mà kết trái trên không (cả hai đều không), nghĩa này cũng giống như thế.

Lấy vọng tưởng mà biện phật cảnh, há không phải như trông cho bông trên không lại kết trái trên không sao ?

Trước nói : Kẻ nào chưa ra khỏi luân hồi mà biện luận Viên-giác, thì cái tánh Viên-giác của họ cũng đồng lưu chuyển. Cho nên nói : Quanh quẩn vọng tưởng. Nếu dùng nó mà minh Viên-giác, quyết chắc không thể được, cho nên nói : Không có lẽ nào như vậy.

----- ☆ -----

**Chê lời hỏi
không chánh
đáng**

20.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Cái phù tâm hư-vọng, sở kiến quyền xảo đa đoan, không thể thành tựu phương tiện tu Viên-giác. Phân biệt như thế, không phải là lời hỏi chánh đáng.

✚ Nghĩa rộng

“*Phù tâm*” là chỉ duyên-ảnh vọng tưởng.

“*Sở kiến quyền xảo*”, là nói : Xảo biện lập kiến, tuy có tư duy đủ việc, biện luận rành rẽ, biết mau thấy lẽ, nhưng đều không phải là phương tiện chơn chánh. Muốn chứng Viên-giác, mà rốt cuộc không đạt tới mục đích. Cho nên nói: Không thể nào, v.v...

Ba câu chót là để kết luận bài xích. Ý nói : Nay người muốn biện luận Viên-giác, nên nêu ba điều cật vấn trước kia. Mà phân biệt như vậy, thì chánh thiết là hiểu rõ phù-tâm hư vọng, sở kiến quyền xảo đa đoan. Cho nên không phải là lời hỏi chánh đáng.

----- ☆ -----

Phật kệ tụng

21.- Kinh văn

Lúc ấy, Thế-Tôn muốn lặp lại các nghĩa vừa nói trên đó, nên đọc kệ rằng :

Kim-Cang-Tạng phải biết,
Tánh tịch-diệt Như-lai.
Chưa từng có đầu cuối,
Nếu lấy tâm luân hồi.
Tư duy thì quanh quẩn,
Chỉ tới cõi luân hồi.
Không thể vào biển Phật.

✚ Nghĩa rộng

Câu đầu nói : Lời tóm tắt mà bao nghĩa rất rộng, e có chỗ hiểu lầm, nên nói : Phải biết cho người lưu ý.

Tánh tịch-diệt tức là tánh diệu-giác, không thể đem lời nói mà hình dung, cho nên gọi là tịch-diệt, không thể nào tìm cầu ở các tướng đi, lại, mê, ngộ, v.v... , nên không có đầu cuối. Do đó, nên nói lấy bỏ kia nọ đều là cảnh luân hồi.

Nếu lấy hai câu, đó là tụng chỗ đáng trách. Ý nói: đã không đầu cuối, mà người lấy tâm luân hồi để tư duy nó , thì cái diệu tánh kia cũng thành lưu chuyển. Cho nên nói : thì quanh quẩn, làm sao khỏi luân hồi. Chỉ rõ chỗ đáng trách, chánh là tại đó.

Hai câu chót quở cái mê hoặc này.. vẫn trường hàng thừa đoạn trên mà chỉ rõ ý hướng. Cho nên nói : hà hướng cái tâm bụi dơ luân hồi sanh tử, chưa từng thanh tịnh.

Trong bài đó, nói ngay ra mà dạy rõ ràng nên nói : chỉ tới cõi luân hồi, đủ thấy cái tâm bụi nhơ chưa trong sạch.

Trường hàng nói : Quán phật Viên-giác, mà không quanh quẩn, là theo ý hướng mà chỉ chỗ không làm được. Còn đây nói ngay là không vào được biển phật. Ý muốn tỏ rằng : Quả mà vào được là tự nhiên không sanh ba điều mê hoặc.

----- ☆ -----

**Dụ thuyết khai
thông**

22.- Kinh văn

Thí như đụn vàng khoáng,
Chẳng phải đụn mới có.
Tuy đặng lại vàng xưa,
Rốt lấy đụn thành tựu.
Khi thành thế chơn-kim,
Chẳng trở lại làm khoáng.

✚ Nghĩa rộng

Hai câu đầu toàn đồng với trường hàng, hai câu sau tụng thêm cho rộng nghĩa. Ý nói sợ có kẻ hỏi : Vàng đã vốn sẵn có, thì cần chi đụn chầy ? Nên trả lời trước : Tuy có mà phải đụn. Ví dụ diệu tánh, tuy vốn có tự nhiên, mà vì bị vô-minh che án, cần phải đoạn vọng, mới có thể thành tựu.

Hai câu sau cũng đồng với trường hàng.

----- ☆ -----

**Kiệt luận chỉ
chánh kiến**

23.- Kinh văn

Sanh tử với Niết-bàn,
Phàm-phu cùng chư Phật.
Đồng tướng bông tên không.

✚ Nghĩa rộng

Trường hàng nói : Diệu tâm vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, cùng là không có thành Phật với không thành, v.v..., vì lấy có diệu tánh lia các đối cảnh. Nay kệ nói : “*Đồng tướng bông trên không*”, cái ý này lại càng thêm hay.

----- ☆ -----

**Chê không
phải chánh
vấn**

24.- Kinh văn

Tư duy đường huyền hóa,
Hà hưởng cật hư vọng.
Phải dẹp được tâm này,
Sau mới cầu Viên-giác.

Nghĩa rộng

Trường hàng nói : Hễ dụng công tư duy, thì chẳng phải thiệt bôn thể tâm. Đã như bông trên không, nay nói : huyền hóa tức là nghĩa bông trên không đó.

Trường hàng nói : Dùng trí tư duy đó mà biện luận Phật cảnh, dường như muốn bông trên không lại kết trái trên không (Bông đã không thiệt có, làm sao sanh kết quả). Nay nói : Hà hưởng lấy nó cật vấn Viên-giác, há không phải cảnh chí hư chí vọng sao ? Cũng giống như bông trên không, sanh ra trái trên không.

Hai câu tụng chót có nghĩa : Chỗ hỏi chẳng phải chánh đáng. Trường hàng nói : Phù tâm đầu thiện xảo, chẳng thành phương tiện. Nay nói : Dẹp rồi cái tâm này, sau mới cầu Viên-giác, thì chỗ hỏi không chánh đáng, vì khỏi hỏi mà cũng biết được.



CHƯƠNG V . - DI-LẶC BỒ-TÁT.

2 / - Vị trung căn hơn hiền chơn tánh :

Nhị) Thị li chương hiền tánh.

**Bồ tát cảm tạ
rồi thỉnh cầu**

1.- Kinh văn

Đoạn Di-lặc bồ-tát ở trong đại chúng, bèn lia chỗ ngồi đứng dậy, tới đánh lễ nơi chơn Phật, đi vòng phía hữu ba quận, quì xuống chấp tay, mà bạch với Phật rằng :

Đại bi Thế-Tôn đã rộng mở kho bí-mật cho các vị bồ-tát, khiến cho đại chúng rõ thấu luân hồi, biệt phân tà chánh, hay thí đạo nhãn vô-úy cho hết thảy chúng sanh ở đời mạt thế, làm cho chúng nó tin chắc nơi đại Niết-bàn, không còn chuyển theo cảnh-giải luân-hồi, có ý-kiến tuàn hườn nữa.

Bạch Thế-Tôn ! Nếu các Bồ tát và chúng sanh đời mạt pháp, muốn đạo trên biển đại tịch-diệt của Như-lai, làm sao mà dứt gốc rễ luân hồi, ở trong luân hồi có mấy thứ tánh, tu Bồ-đề của Phật có mấy bậc sai biệt, chùng trở lại cõi trần phải lập mấy thứ phương tiện giáo hóa, để độ chúng sanh ?

Chỉ mong cầu đức Phật bất xả (không bỏ qua) lòng cứu thế Đại-bi, dạy sao tất cả Bồ-tát tu hành cùng là chúng sanh đời mạt thế, huệ mục tức thanh (nghiêm chỉnh, trong trẻo), chiếu diệu tâm cảnh, trọn hiểu cái tri-kiến vô thượng của Như-lai.

Nói lời này rồi, Di-Lặc bỏ tất bèn mọp năm vóc sát đất, mọp rồi đứng dậy, làm y như trước, mà thỉnh cầu cho tới ba phen.

Nghĩa rộng

Đoạn đầu nói về nghi-thức thỉnh cầu. Từ chữ Đại bi sắp xuống . . . cảm tạ lời dạy trước mới có lòng tin tưởng. Ý nói : Nói về pháp thì rộng vì hội đương thời, nói về lợi ích thì rộng vì đời vị-lai, nên mới xưng Đại-bi Thế Tôn. Pháp dụ trùng trùng, nên mới nói: rộng vì.

Pháp tánh bị chôn lấp trong cảnh luân-hồi, chẳng phải cơ cảm thì không nói ra, dầu có nói, cũng không dám bày tỏ. Cho nên nói : Kho bí-mật.

Nhận lời cật vấn của Kim-Cang-Tạng, Như-lai nhứt nhứt giải rõ. Cho nên nói : Mở căn rõ thấu có ý nói: Rõ thấu các thứ chọn lựa, lấy bỏ, đều là luân hồi, mấy câu kinh trước có lời quả trách, đều là ý phân biệt tà chánh.

Hiện tiền, người tứ y đem đại giáo này lưu thông trong đời bây giờ, tức là có tài thay thế Phật mà thí cho chúng sanh. Chúng sanh là nói kẻ phát tâm bồ-đề, cầu học Viên-giác.

Đạo nhân là con mắt phân tích chánh tà, chỉ chánh huệ. Con mắt này mà không thấy rõ, thì ai dám chắc là không quanh quẩn trong đường tà ? Có lẽ đâu thế !

Nay đã nhờ Như-lai mở dạy như trên, thì biết rõ ai là kẻ thù nghịch, hết lo sợ cho món quý báu trong nhà bị trộm.

Đại Niết-bàn, phải tới ngôi phật mới là chứng quả được. Nay tuy chưa chứng, mà hết chỗ hoài nghi, cho nên nói : tin chắc. Nhờ đây mà tu tới, khởi phải tử sanh, không đến nỗi còn chuyển theo cảnh-giải luân hồi, dấy ý kiến tuần hoàn.

Biển tịch-diệt tức là cảnh giải Viên-giác, theo lời dạy trước. Trước nói nhập (vào), đây nói đạo, là vì hành tướng đã rõ, thung dung đi vào, tự-tại như dạo chơi.

Trong chương trước, Phật dạy: Bối trước dứt gốc rễ của luân hồi. Còn ý của đại-sĩ nói : Chúng tôi đã nghe hiểu ý đó rồi, nhưng e kẻ sơ học chưa lãnh hội được, nên thay chúng mà hỏi : Phải làm sao mà dứt được ? Đó là lời tổng quát.

Nói riêng thì có ba nghĩa :

- 1/ Ở trong luân hồi, có mấy thứ tánh ?
- 2/ Tu bồ-đề của Phật có mấy bậc sai biệt ?
- 3/ Chừng trở lại cõi trần, phải lập mấy thứ phương tiện giáo hóa ?

Coi tới phía sau, thấy lời của đức Phật trả lời thì rõ.

Từ “*chỉ mong cầu*” sắp xuống, chánh là hỏi về chỗ chưa hiểu mấy. Duy nguyện là chuyên bày chỗ nguyện của mình, chưa mấy điều khác ra, chỉ chú ý một việc đó mà thôi.

Đã tiếp dẫn hiện tiền, lại còn cứu độ đời mạng thế, trừ dứt nguyên nhân của ái dục, ra khỏi khổ luân hồi, thì gọi là cứu thế Đại-bi.

“*Bất xả*” (không thôi) nghĩa là rất ân cần chú ý, tư tư thiết thiết.

Huệ mục tức là đạo nhãn, chẳng trì trực ngoại cảnh gọi là túc, tức là nghiêm vậy. Ở trong không nhiệm dơ, thì gọi là thanh, tức là tịnh (sạch) vậy. Dùng nó đây mà tập cho thành phép quán, tự mình mới lấy đó mà chiếu diệu tâm cảnh. Ý nói lấy chánh huệ làm năng chiếu, lấy tâm cảnh làm sở chiếu, tức là nghĩa khai thông tâm địa.

Tâm địa khai thông thì có điều chi mà không biết, điều chi mà không thấy. Cho nên nói : hiểu trọn cái tri-kiến vô thượng của Như-lai.

Từ “*Nói lời này*” sắp xuống, là tỏ ý ân cần cũng dễ biết.

----- ☆ -----

Thầy trò đồng ý

2.- Kinh văn

Lúc ấy, Thê-tôn kêu Di-Lặc bỏ-tát mà nói rằng :Lành thay ! lành thay !

Thiện-nam tử ! các ông đã biết cách, vì các bỏ-tát và chúng sanh ở trong đời mạng thế, cần hỏi cái nghĩa thâm áo của Như-lai, bí mật, vi diệu, khiến cho các bỏ-tát mở huệ-mục trong treo, và hết thấy chúng sanh ở đời mạng thế, đời đời đoạn dứt luân hồi, tâm ngộ được thật tướng có đủ vô sanh, nhân.

Vậy nay, các người hãy nghe cho kỹ, ta sẽ vì các người mà nói ra.

Thì Di-Lặc bỏ-tát vưng dạy, mừng rỡ, và các hàng đại chúng lắng lắng mà nghe.

✚ Nghĩa rộng

Duy có một mình Phật chứng được biển tịch diệt, nên gọi là Như-lai thâm-áo. chúng sanh lâu rồi bị tình thức chôn lấp, nên Phật cũng thường không khai diễn, nên gọi là : bí-mật. Một phen tỉnh ngộ rồi, chiếu trời soi đất, các Phật đều thấy, nên gọi là vi-diệu.

Kẻ hiện tiền nghe qua, ái dục không sanh trong tâm, nên viết huệ mục trong-treo. Truyền cho đời mạng thế, sanh tử chẳng dính líu với họ nữa, nên gọi là : đời đời đoạn dứt luân hồi.

Chánh huệ phân minh, chiếu diệu tâm cảnh, cho nên nói tâm ngộ được thật-tướng. Thật-tướng tức là lý chơn-không.

Ai ngộ nhận lý đó rồi, thì chứng ngay bực vô-sanh, đối với lý vô sanh nhân khả (nhìn là phải) ở trong tâm, cho nên nói : có vô-sanh nhân.

Kỳ dư cũng dễ biết.

----- ☆ -----

**Phật trả lời về
ái dục**

3.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hết thấy chúng sanh, từ đời vô thí tới nay, do có nhiều thứ ân ái, tham-dục, nên mới có luân-hồi.

✚ Nghĩa rộng

Vô thí là chỉ từ cái chơn-tâm mê muội tới nay. Cái chơn-tâm mê muội biến ra làm vọng tưởng : ân ái, tham dục, do đây mà mọc lên rất nhiều thứ.

Ân có hai thứ :

a/ báo ân bề trên như cha, mẹ, thầy.

b/ ban ân kẻ dưới như con cháu, gái, trai.

Hễ ân thì có ái, hoặc thương trên rồi ham tài vật để lo hiếu kính, hoặc thương dưới, rồi ham lợi lộc, muốn nuôi đầy đủ. Phạm các việc đó đều do dính dấp tới sanh tử, làm cho tới lui quanh quẩn. Cho nên nói : do có nhiều thứ ân ái, tham dục, nên có luân hồi. Đó là ái dục làm cội rễ cho luân hồi, đã tỏ sơ ra đó.

**Mà luân hồi
đủ loại**

4.- Kinh văn

Còn trong các thế-giải, hết thấy chúng sanh : Noãn-sanh, thái-sanh, thấp-sanh, hóa-sanh đều nhân chỗ dâm dục mà thành chánh tánh mạng. Phải biết luân-hồi lấy ái (yêu mến), làm cội gốc.

✚ Nghĩa rộng

Trên đó tuy nói sơ, mà lời nói rất hàm súc. E người ta không hiểu, nên dạy lại nữa rất minh bạch.

Câu đầu trước nói về y-báo, kế đó là chánh-báo, cho nên gọi là hết thấy chúng tánh, như 12 loại trong kinh Lăng-Nghiêm. Đây chỉ kể tứ sanh.

Kinh nói : Noãn duy tưởng sanh ra, thai nhân tình mà sanh, thấp lấy hiệp mà cảm, hóa lấy lia mà ứng.

Lại nói : Vì động điên đảo, hòa hiệp khí thành, loạn tưởng thấp cao, nên có noãn-sanh.

Vì dục điên đảo, hòa hiệp tư thành, loạn tưởng dục ngang, nên có thai-sanh.

Vì thú (chạy) điên đảo, hòa hiệp noãn (nóng) thành loạn tưởng tráo trở, nên có thấp-sanh.

Vì giả (dối) điên đảo, hòa hiệp xúc (đụng) thành, loạn tưởng mới cũ, nên có hóa sanh.

Các thứ loại đó, phàm có tánh thể, có hình mạng, không một loại nào chẳng lấy tâm ái làm nhân, mà dựng chánh thành. Cho nên nói : đều nhân chỗ tâm dục mà thành chánh tánh mạng.

Tứ sanh đều là quả báo, đồng lấy tình-tướng làm tâm nhân. Tình tướng tức là ái dục nên làm cội rễ cho luân hồi. Điều này cần phải xét biết mà lo sợ.

----- ☆ -----

***Sanh tử nối
liền nhau***

5.- Kinh văn

Do có các dục trợ phát tánh ái, bởi có đó mới khiến được sanh tử tiếp tục.

✚ Nghĩa rộng

Có kẻ hỏi : Ái không tự sanh được, nhờ sắc mà khởi. Sắc thịnh mới có ái, sắc suy thì hết ái. Sắc đã không thường làm sao mà cội rễ cho luân hồi ?- Cho nên Phật dạy : do có các dục, trợ phát tánh ái.

Các dục là chỉ chỗ tâm dục nói trước. Ngoài các dục kia còn có sáu trần khiến ta ham muốn : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ..., đều có đủ sức trợ phát tánh ái, cho nên tánh ái mới dựng thường tiếp tục. Bởi có đó mới khiến được sanh tử tiếp tục.

Vậy nói nó là gốc rễ của luân-hồi, không phải vậy hay sao ?

----- ☆ -----

***Ái là nhân
mạng là quả***

6.- Kinh văn

Dục do ái sanh, mạng nhờ dục mà có. Chúng sanh ái mạng, lại dựa vào cội dục, nên ái dục làm nhân, ái mạng là quả.

✚ Nghĩa rộng

Thừa trên nói : Các dục trợ phát tánh ái, nên khiến nó tiếp tục, bởi đó tánh ái không bao giờ đoạn tuyệt. Như một việc tâm, gốc ở tương ái mà sanh, không ái thì chẳng thành dục được. Mạng chẳng tự lập, vốn nhờ tâm dục mà có. Không dục thì thân còn không có, mạng mới gá vào đâu mà sanh ?

Nhưng chúng sanh không ai chẳng ái mạng, ái mạng thì lo bảo thân, đó là cũng dựa vào cội dục. Cội dục tức là thân, vì thân là cội gốc hành dục.

Cho nên biết ái dục là nguyên nhân thọ sanh về tương lai, còn ái mạng là kết quả thành thân về sau. Bởi vậy mà ái tâm không đoạn dứt, rồi sanh tử cũng do đó mà thường tiếp tục không thôi.

----- ☆ -----

***Vì dục cảnh
mà tạo nghiệp***

7.- Kinh văn

Do nơi dục cảnh mới dấy lòng nghịch thuận. Cảnh trái với ái tâm, thì sanh chán ghét, tạo ra nhiều thứ nghiệp. Bởi có đó mà lại sanh vào cõi Địa-ngục, Ngạ-qui.

Nghĩa rộng

Trên chỉ tánh ái tiếp tục, tức là ở trong vòng luân-hồi. Còn đây phân biệt ra có mấy thứ tánh.

Trước chỉ về loại thứ nhứt, nên nói : do nơi dục cảnh, nghĩa là những cảnh có thể hành dục, tức là người nam làm cảnh cho kẻ nữ, vv...

Cảnh có hai thứ : Muốn để ý và không muốn để ý. Không muốn để ý là trái với tánh ái của ta, gọi là nghịch. Muốn để ý là hiệp với tánh ái của ta, gọi là thuận.

Kể đó lại nói cảnh trái với ái tâm, là nói về cảnh nghịch, hoặc phú hình thất lệ (không tốt), hoặc quyết chí bất tùng, hoặc hoành sanh gián trở (trục trặc).

Thất lệ thì tức thời sanh ghét, bất tùng thì bại hưng sanh giận, hoành gián thì chẳng toại sanh oán. Cho nên nói: mới sanh chán ghét.

Do nơi chán ghét, hoặc hủy thân thể người, hoặc làm hư danh dự, hoặc lập kế mà sanh lòng mưu quấy,

hoặc ỷ thế mà trách cha anh người, đến nỗi hại lẫn mang người, cướp bóc nhà người, liên lụy thân tộc, quan trường của người.

Thập thiện dứt hết, thập ác mọc lên, cho nên nói : tạo ra nhiều thứ nghiệp mà bị đọa trong tam ác đạo là : bực trên là Địa- ngục, bực giữa là Ngạ-qui, bực dưới là Súc sanh. Tuy không nói ra mà cũng biết được.

----- ☆ -----

***Ái chán là đạo
nghiệp***

8.- Kinh văn

Biết dục đáng chán, mà ái chán còn ở trong đạo nghiệp báo là : bỏ dữ vui lành, thì cũng còn hiện ra cõi trời cõi người.

Nghĩa rộng

Biết dục đáng chán nghĩa là : hoặc nhờ xem kinh giáo lý nói rõ, hoặc nghe thầy, bạn chỉ bày, mà biết dâm dục là nguyên nhân của ác đạo, sanh lòng rất chán muốn lìa bỏ giả. Như nghe chỉ cách lìa dục, bèn đem lòng ái mộ mà làm theo đó.

Do lòng muốn bỏ ái dục làm nhân tạo ra ác nghiệp, vui lìa dục phòng dâm theo thiện hạnh, mà chuyên thập ác ra thập thiện : Bực trên là sanh cõi thiên, bực giữa là sanh cõi nhơn, bực chót là sanh cõi A-tu-la, tuy không cần nói ra mà cũng biết được.

Trong đó, cõi thiên chỉ cõi Lục-Dục, cõi Nhơn gồm có bốn Châu. Đây là còn ở trong Dục-Giải, nên nói ái, nói vui, thế là chưa lìa ra tánh ái.

----- ☆ -----

**Hết nghiệp
hữu vi bất
động tánh**

9.- Kinh văn

Lại vì biết các sự ái là đáng chán ghét, bỏ ái vui xả thì cũng còn nuôi gốc ái trong lòng, nên sẽ hiện ra cõi thiện quả tuy cao hơn, mà thuộc về hữu-vi.

✚ Nghĩa rộng

Thiên-thượng, nhơn-gian, đều là do ái sanh ra. Trong nhơn-gian, có tám khổ, cõi thiên-thượng có năm suy. Cho nên biết các sự ái là đáng chán lìa.

Do chỗ xả tánh ái ở cõi hạ giải, muốn lên cõi thượng-giải định, cho nên nói : bỏ ái, vui xả. Vì có thượng-giải định, đều lấy xả làm chủ. Như tứ thiên từ thô đến tế, lần lần xả thân. Tứ không lần hồi xả tâm, mà còn nuôi gốc ái, vì vui cũng là ái.

Ý nói : ưa tu xả, định, vẫn còn nuôi gốc ái. Ái sanh chỉ thân tâm ở thượng-giải. Như thiên thiên xả thô thân ở dưới, mà lãnh cái tế thân ở trên, không thì thiên xả thô tâm mà lãnh cái tế tâm, thì cũng như thế.

Nhưng đã có thân tâm, thì còn gốc ái. Cho nên lấy gốc ái mà đặt tên nó.

“*Sẽ hiện ra*” nghĩa là : nhờ tu xả, định làm nhân, mà hiện ra thiện quả thuộc về hữu-vi, bởi chưa đạt tới chỗ “*luân không*” (hết luân hồi), rốt cuộc còn thuộc hữu-vi, chưa đặng giải thoát. Nhưng sánh với quả-báo cõi hạ giải, lần lần có phần tốt hơn, nên gọi là : thiện quả cao hơn.

----- ☆ -----

Kiết đoạn luân hồi

10.- Kinh văn

Đều là luân-hồi cả, nên không thành thánh-đạo. Cho nên chúng sanh muốn thoát sanh tử, ra khỏi luân-hồi, thì trước phải đoạn tham dục và trừ luyến ái (khát khao, thèm thuồng).

✚ Nghĩa rộng

Cổ đức nói : Giả như sanh tới cõi Phi phi tướng, chẳng bằng về ở cõi Tây-phương. Đó là lời chơn thiệt.

Bởi người ở cõi trời Phi phi tướng, hưởng hết phước báo rồi cũng trở lại, tản lạc sáu đường, cho nên nói : đều là luân-hồi cả.

Vì đó còn lưu chuyên trong sáu đường, nên nói ; không thành thánh-đạo, ý nói : còn ở trong vòng sanh tử.

Cho nên chúng sanh ở trong sáu đường, phát tâm muốn thoát sanh tử, mà không đoạn dục, đoạn ái sao được ? Nên dạy : trước đoạn tham dục, và trừ ái khát, để kết luận.

Bởi đoạn tham dục, thì hạ-giải mất gốc rễ, đoạn ái khát, thì thượng-giải tuyệt ràng buộc. Kẻ nào có chí muốn thoát sanh tử, chẳng khá không xét biết chỗ đó.

----- ☆ -----

**Bồ tát nhập
trần vì từ bi**

11.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Các bồ-tát biến hóa, thị hiện ở cõi thế gian, chẳng phải lấy ái-dục làm gốc sanh thân. Chỉ vì có lòng từ-bi độ kẻ khác xả ái, nên mới dùng tạm (quyền giả nhưt thời) các sự tham dục mà vào sanh tử.

✚ Nghĩa rộng

Có kẻ hỏi : Bồ-tát lăn lộn theo đời mà độ chúng sanh, thường thị hiện cũng có cha mẹ vợ con, các ngài đối sự dục ái phải làm sao ? Cho nên mới có câu trên dự trả lời trước rằng : Các bồ-tát, lăn lộn theo đời, thì tất nhiên phải biến hóa, thị hiện, chẳng do cha mẹ sanh ra. Cho nên nói : Chẳng phải lấy ai làm gốc.

Tại sao mà cũng có vợ con ? Chỉ vì lòng đại từ, đại bi, liên mẫn, ái dục chúng sanh, khiến cho họ xét hiểu cái khổ trong ái dục, lần lần xả điều mình ưa mến.

Tạm dùng cha mẹ, vợ con, để chỉ rằng mình cũng có tham dục như thế-gian, khiến người ta dễ tin, vì trong bốn nhiếp pháp, có pháp “*đồng sự nhiếp*” (làm một việc như người, để dẫn dắt người) . Còn diệu nghiêm chuyên tà (giữ rất mực oai nghiêm để đối tà ra chánh) là nói phần chứng quả của phép ấy.

----- ☆ -----

**Tu Phật có
nhiều bực**

12.- Kinh văn

Nếu hết thấy chúng sanh ở đời mạt thế, mà xả được các dục và dẹp sự thương ghét, đời đời đoạn dứt luân hồi, cần tu cảnh-giải Viên-giác của Như-lai, giữ tâm thanh-tịnh thì đặng khai ngộ (mở trí tỏ hiểu).

✚ Nghĩa rộng

Ý Phật muốn nói : Nếu chúng sanh ở đời mạt pháp, thiệt có dục ái, thì không sánh với các vị bồ-tát. Như muốn tu đạo bồ-đề của phật, thì phải xả hết các dục và dẹp sự yêu ghét.

Xả dục, dẹp ái có 2 duyên có :

1/ - Tu đạo Bồ-đề của Phật, là mong đời đoạn dứt luân hồi.

2/ - Chủ về tu cho được Viên-giác.

Muôn đặng hai việc đó, thì phải xả dục dẹp ái, khiến tâm thanh tịnh, bởi cảnh giới Viên-giác chỉ cầu trong tâm thanh tịnh mới đặng tỏ hiểu.

Nếu không tỏ hiểu Viên-giác là gì, cả đời ngưng trệ trong phép hữu-vi, thì không thể tu đạo Bồ-đề được.

----- ☆ -----

**Năm tánh sai
biệt**

13.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hết thấy chúng sanh do gốc tham dục, phát động vô-minh, lộ ra năm tánh sai biệt không giống nhau, dựa vào hai thứ chướng mới có khi sâu, khi nông.

 **Nghĩa rộng**

Hết thấy chúng sanh chỉ hạng người tu Bồ-đề, chưa phân ra sai biệt, nên đặt tên chung là chúng sanh.

Đại số nói : Ví không hiểu bốn giác, tự thấy chắc mình là chúng sanh, bèn muốn dứt chướng tìm chơn, chán phạm mền thánh, lấy đó làm gốc cho sự tham của mình.

Bởi đó là tham dục không đồng, hoặc mới tu chưa lìa ngôi phạm, hoặc nhập thánh phân ra có Đại thừa, Tiểu-thừa, hoặc không định đại hay là tiểu, hoặc lâm vào nẻo tà. Cho nên nói : lộ ra năm tánh sai biệt không giống nhau.

Lời đáp này nói có nhiều chỗ sai biệt. Có kẻ nói : Tỏ hiểu Viên-giác mà tu đạo Bồ-đề của Phật, thì phải bình-đẳng, tại sao còn có sai biệt ?

Cho nên Phật mới lấy hai chướng để mà giải nghĩa sao có sâu, nông. Ý muốn nói : lý thì phải đốn ngộ, sự thì phải lần tu.


Do lần tu nên phải dựa vào hai thứ chướng, mới có khi sâu, khi nông.

----- ☆ -----

**Hai chướng :
Lý và sự
chướng**

14.- Kinh văn

Sao gọi là hai chướng ? Một là Lý chướng, trở ngại chánh tri kiến. Hai là Sự chướng, nổi liền hai chữ Sanh tử.

 **Nghĩa rộng**

Lý chướng cũng gọi là : Sở tri chướng (điều biết làm trở ngại). Nhưng kỳ thiết không phải điều biết làm trở ngại, mà vì chấp trước mới thành trở ngại, khiến cho điều biết không được thêm nhiều, cho nên nói : Trở ngại chánh tri-kiến.

Sự chướng cũng gọi là : Phiền-não-chướng, trở ngại tánh Chơn-như, gọi phát các phiền não, khiến cho sanh tử không dứt, sanh rồi tử, tử rồi sanh, cho nên nói : Nối liền hai chữ sanh tử.

----- ☆ -----

Năm tánh :
Tánh phàm
phu

15.- Kinh văn

Sao gọi là năm tánh ?

a) Thiện-nam tử : Nếu hai thứ chướng chưa đoạn dứt được, thì gọi là : chưa thành Phật.

✚ Nghĩa rộng

Đây là nói về kẻ mới phát tâm tu, muốn đoạn dứt sự ngăn ngại mà chưa làm được.

Ý nói : tu đức không thành công, nên tánh đức chưa phát lộ.

Ở trong “*lục tức*” , lý tức là Phật vậy. Nếu chưa đoạn dứt sự ngăn ngại, chằng vào trong số năm tánh, thì sâu, nông chưa phân biệt được.

----- ☆ -----

Chỉ dẹp sự chướng:
Tánh, Thỉnh văn,
Duyên giác

16.- Kinh văn

b) Nếu các chúng sanh, đòi đòi xả hết tham dục, trước dẹp Sự-chướng, mà chưa dứt Lý chướng, thì chỉ chúng được bực thỉnh-văn, duyên-giác, mà chưa an trụ vào cảnh-giải bồ-tát.

✚ Nghĩa rộng

Chúng sanh cũng chỉ kẻ mới phát tâm tu như trước đã nói.

Sợ khổ sanh tử thì không thể thông dong vào chờ độ chúng, chỉ muốn đòi đòi xả tham dục. Như bực sơ quả của tiểu thừa thì gọi bất nhập lục trần, hướng hồ là qua bực nhì, bực ba, cũng có thể biết được, họ chỉ muốn xả tham dục.

Trước dẹp sự chướng, nghĩa là : tham dục là đứng đầu trong các phiền não. Phiền não đã dẹp thì sanh tử cũng dứt, nên trước phải lo trừ nó.

Bảo thủ thiên không, chánh là Lý chướng. Chẳng cần học thêm nữa, nên gọi là chưa dứt. Vì đó mà chỉ tỏ hiểu hơn không, lìa khỏi phần đoạn sanh tử, chúng bực thỉnh-văn, duyên-giác, nên nói : chưa ở được trong cảnh-giải bồ-tát.

Đoạn này gồm nói luôn hai tánh trong năm tánh : một là thỉnh-văn, hai là duyên-giác. Nhân vì cả hai đều thuộc về tiểu-thừa, nên hiệp chung lại mà giải.

Sự Lý đều
đẹp: Tánh Bồ tát

17.- Kinh văn

c) Thiên-nam tử ! Nếu hết thấy chúng sanh ở đời mặt pháp, muốn vào biển đại Viên-giác của Như-lai, trước phải phát nguyện cần đoạn hai thứ chướng. Hai chướng chế phục rồi, tức liền hiểu ngay cảnh-giải bồ-tát. Nếu sự Lý đã đời đời đoạn dứt, tức là vào biển vi diệu Viên-giác của Như-lai, trọn đủ đạo bồ-đề và đại Niết-bàn.

 Nghĩa rộng

“*Chúng sanh*” chỉ riêng người có đại căn. Chúng sanh, tuy là nói hết thấy, mà chỉ kể riêng người nào phát đại tâm, muốn cầu đạo vô thượng bồ-đề. Cho nên nói : Muốn đạo biển giác.

Y Phật tử Viên-giác như biển, để bày rõ nó thâm nập hết các con sông. Tu tập vào đó, tức là đồng thả trôi mặt biển.

Trước phải phát nguyện, v.v., chánh là Như-lai bày giải phương pháp, khiến cho đời mặt pháp y theo đó mà tu. Những người học đại-thừa căn khí sáng suốt, mạnh mẽ, nguyện vọng tinh cần, hai chướng đồng chế phục, đồng đoạn dứt. Cho nên nói : cần đoạn hai thứ chướng. Chẳng phải như kẻ học tiểu-thừa liệt khí, chỉ niệm không, vô tướng, vô tác.

Trước đoạn Sự chướng, muốn mau giải thoát phần đoạn sanh tử, ra khỏi tam giới cho dễ bề trốn tránh. Phải trải qua ba hiện vị, tánh hiện chủng-tập lần hồi bị chế phục. Như đá đè cỏ, đá chẳng động thì cỏ không ngược dậy, gọi là : đã chế phục. Ý nói : đã kèm chế trị phục được rồi.

Đã chế phục rồi, lần tới kiến đạo. Cho nên nói : hiểu ngay cảnh giải bồ-tát. Đây là nói về bậc sơ địa. Từ sơ địa tới thập địa, lần hồi đoạn dứt hai chướng, vào ngôi diệu-giác, gọi là : đời đời đoạn dứt. Ý nói hiện chủng tập hết rồi, như vàng ra khỏi khoáng, cho nên nói : tức vào đại Niết-bàn của Như-lai.

----- ☆ -----

Tánh bất định

18.- Kinh văn

d) Thiện-nam tử : Hết thấy chúng sanh đều chứng Viên-giác, gặp bậc thiện-tri-thức, y theo phép hạnh nhân của họ đã tu.

Lúc ấy, tu tập mới có đốn, tiệm. Nếu gặp chánh con đường tu hành, vô thượng Bồ-đề của Như-lai, căn không luận lớn, nhỏ, đều đặng thành Phật quả.

✚ Nghĩa rộng

Đây là chỉ hết các người mới phát tâm, muốn đoạn chướng mà chưa đoạn được. Cho nên kêu chung là chúng sanh.

Viên giác là tánh ai ai cũng sẵn có, chẳng cần phải tu mới thành, cho nên nói : đều chúng. Ý nói Lý chúng.

Còn tu là chẳng qua trừ sạch hiện-nghiệp tập-khí mà thôi.

Người mới phát tâm phải gặp trước thầy giỏi bạn hay, dò mài đục đẽo, mới thành món khí dụng tốt. Cho nên chẳng khá không chọn thầy bạn.

Như sau đây có giải, nếu có bực tri-thức trong ba thừa, tức là lấy tứ đế, thập nhị nhân duyên làm ngôi nhân địa độ tu hành, kẻ học giả y theo họ làm. Lúc ấy, tu tập bèn thành người tiệm giáo trong ba thừa.

Bằng gặp được Như-lai là bực tri thức vô thượng, đem dạy con đường chánh tu hành, bèn thành người đôn giáo chứng phật quả. Cho nên khoa này không định tánh. Đủ thấy căn tánh vốn không lớn, nhỏ, toàn nhờ thầy bạn làm duyên. Hãy thân với người! gần với người! Vậy chẳng khá không cẩn thận.

----- ☆ -----

Tánh Siển-đề (paria)

19.- Kinh văn

đ) Nếu chúng sanh, tuy cầu bạn lành, mà gặp kẻ tà kiến, chưa tỏ hiểu được chánh đáng, thì gọi là chúng tánh ngoại đạo. Đó là lỗi nơi tà sư, chớ không phải về chúng sanh.

✚ Nghĩa rộng

Chúng sanh đây cũng chỉ hạng người mới phát tâm. Ý nói : phát tâm cầu đạo, thì trước phải có thầy bạn dẫn dắt, chẳng dè không gặp bạn lành, lạc lầm theo tà kiến ngoại đạo, chỉ về nhập môn. Cho nên nói : chưa tỏ hiểu được chánh đáng.

Như bên Tây-Trúc có Phương-luận sư, khẩu-lực sư, thờ nước, thờ lửa, v. v. ..., tuy cũng có phương pháp tu tập, nhưng chỉ là tỏ hiểu lỗi tà mà thôi. Đủ thấy Thịnh-văn, Duyên-giác v. v....tuy có lớn, nhỏ khác nhau, nhưng là tỏ hiểu chánh đáng, cũng là chúng-tánh của đạo phật, vì có thể thành phật quả. Cái này khác với cái kia, nên gọi cái kia là chúng tánh của ngoại đạo.

Ý nói : tâm ra ngoài đạo, định tánh không dòi, nhưng do đó mà hột giống của Phật bị ngăn ngại, không đặng thành Phật. Cho nên trong kinh gọi là Vô-tánh xiển-đề, là bởi không có chúng-tánh của Phật, nghĩa là : người bị đoạn căn lành.

Lỗi nơi tà sư, là có ý nói : tà giáo ở xứ này, vì lợi mà mê hoặc người ta. Ai bị mê hoặc. thì táng tâm, thất chí, nhưng không phải lỗi về chúng sanh.

Người mới phát tâm khá dò mà tránh.

----- ☆ -----

Tổng kết

20.- Kinh văn

Đó gọi là năm táng sai biệt của chúng sanh.

✚ Nghĩa rộng

Ban sơ mới phát tâm, vốn cầu đạo bồ-đề của Phật. Nhưng vì gặp cơ duyên khác nhau, mới thành phân ra làm năm táng. Hễ sai đi mấy hào, thì khác như trời vực. Vậy chẳng khá không biện rõ chơn giả, chẳng khá không xét rõ tà chánh.

Đại-sĩ hỏi đây, thiệt là phải lắm !

----- ☆ -----

Bồ tát phương tiện nhập trần

21.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Các bồ-tát chỉ lấy đại-bi, phương tiện, vào các cảnh thế-gian, mở mang kẻ chưa hiểu, cho tới thị hiện các thứ hình tướng, cảnh-giải thuận nghịch, rồi cũng làm một việc như chúng sinh, (đồng sự nhiếp) hóa độ thành phật quả, đều là căn cứ vào thanh tịnh nguyện lực từ đời vô-thỉ.

✚ Nghĩa rộng

Theo câu hỏi trước : Trở lại cõi trần lao, phải bày ra đủ thứ phương-tiện giáo hóa. Nay dạy rằng ; bồ-tát hạnh mãn, trở lại trần-lao, chỉ lấy đại-bi làm chủ-đích. Trái với Đại-bi, thì không thể xuống trần. Không có phương-tiện, thì không thể độ sanh. Cho nên nói : chỉ lấy đại-bi, phương-tiện.

Phương-tiện có ba : hai câu : vào cảnh, v.v... thì gọi là : nhập thế khai phát phương-tiện.

Ý nói : vào cảnh thế gian hữu tình, độ các bậc phàm-phu, ngoại đạo. Về cảnh thế-gian chánh giác, thì độ các bậc tam thừa. Vào cảnh thế-gian khí-giải, phổ độ tất cả hàm-linh.

Mở mang kẻ chưa hiểu, nghĩa là : bồ-tát ngưng trệ ở hai bên, hoặc chưa lìa đấng trung pháp ái, cũng là ở trong vòng tỏ hiểu lỗi tà. Kỳ dư cũng để biết.

Nay nói : mở mang, khiến cho người tỏ hiểu chánh đáng, chẳng bị tà sự mê hoặc. Cho tới dưới : gọi là thị hiện các hình tướng, đồng làm một việc như nhau. Tỉ như 32 ứng tích của Quan-âm, hiện hai hạng : trai gái tin lỗi chánh và xuất gia, y theo phép : giới, định, huệ, mà tu các hạnh chánh, gọi là cảnh giải thuận, còn hiện ma-vương ngoại đạo, cùng sáu bậc tà-sư, y tham, sân, si, làm các điều trái pháp, gọi là cảnh giải nghịch.

Đồng làm một việc, nghĩa là : đồng thuận, đồng nghịch, không lẽ gì khác hơn là nhiếp tâm tin theo dễ dàng..

Câu hóa độ, v,v... có ý nói hóa độ là phương-tiện cứu cánh, nghĩa là giáo hóa chúng sanh, khiến thành phật quả. Ấy là chỗ gọi : “*Như có một chừa thành, thì ta chẳng chịu vào Niết-bàn*”.

Vô-thỉ là nói : nhiều kiếp về trước, tới nay không biết mấy đời.

Phát tâm không phải để cầu phước báo ở cõi nhơn thiên, duy dựa vào vô thượng nhưt thừa mà phát tâm, nên lấy hai chữ thanh-tịnh mà đặt tên.

Nguyện với chúng trong pháp giải đồng đặng đạo Bồ-đề, nên lấy hai chữ nguyện lực mà nói như thế.

Ý nói : Theo nguyện lực phát từ đời vô-thỉ, nếu lời giáo hóa không cứu cánh, thì trái với đại nguyện. Nay nói : hóa độ khiến thành phật quả, cho nên nói : đều dựa theo đó, nghĩa là không trái với lời thệ nguyện trước kia.

----- ☆ -----

Tùy cơ khuyến tu

22.- Kinh văn

Nếu hết thấy chúng sanh ở đời mạt thế, đối với đại Viên giác mà dấy lòng hăng hái, thì nên phát thanh tịnh đại nguyện của hàng bồ tát, phải nói như vậy : Nguyện tôi đời nay giữ vững Viên giác của Phật, tìm cầu thiện tri thức, đừng gặp ngoại đạo và hàng nhị thừa, y nguyện tu hành, dứt hẳn các chướng. Chướng hết, nguyện tròn thì bước lên pháp điện thanh tịnh giải thoát, chúng cõi diệu trang nghiêm đại Viên giác.

✚ Nghĩa rộng

Các hạnh Bồ tát hiện nay tròn vẹn, trở lại cõi trần lao ở vào các đời mạt pháp.

Nay khuyến chúng sanh ở cõi đời mạt pháp, phát tâm tuân y theo đó, cho nên nói : nếu ở các đời.

Đối với đại Viên giác mà dấy lòng hăng hái, nghĩa là dạy phải tuân lời bồ tát, phát tâm Bồ đề, dấy lòng hăng hái, toàn bằng nguyện lực trì nhiếp. Cho nên lại khuyến phải tuân lời bồ tát, phát ra đại nguyện.

Đại nguyện phải phát ra thế nào ? Cho nên trả lời : phải nói như vậy. Nói như vậy tức là lời phát nguyện.

Nguyện tôi ngày nay trụ Viên giác như phật, tức là phát tâm tối thượng thừa, chớ không phải cầu phước báo ở cõi nhơn thiên. Nguyện cầu thiện tri thức, đặng chánh tri kiến, mới mở dạy được con đường chánh tu hành. Giả sử gặp kẻ ngoại đạo, không khỏi làm vào

tánh siển đề; gặp hang nhị thừa, hay ngưng trệ trong con đường nhỏ. Cho nên nguyện đừng cho gặp.

Ý nguyện tu hành, thì trước phải gặp lo tư lợi, trước phải chế phục, sau đoạn dứt. Nếu chế phục được rồi, thì tự nhiên ngộ nhập, bắt từ ngôi tam hiền mà vào sơ địa. Cho nên nói : cảnh-giải bỏ tất.

Nếu đời đời đoạn dứt, bắt từ thập địa, mà lên đẳng-giác, cho nên nói : chướng hết, nguyện tròn.

Đẳng-giác chứng ngay phật quả, không còn ngôi nào phân cách nữa, nên nói : bước lên pháp điện, tức là tịnh độ “*Thường-tịch quang*”.

Không có hai thứ chết, gọi là giải-thoát. Không có năm thứ trụ, gọi là thanh tịnh. Chỗ pháp thân nương dựa, nên gọi là pháp điện chỉ tịnh độ “*Tha thọ dụng*”.

Diệu trang-nghiêm, đại Viên-Giác, tức là : tịnh-độ “*tự thọ dụng*”. Bởi tu hành viên dung tam quán, quả này vì diệu trang nghiêm, nên mới : xứng tánh khởi tu, toàn tu tại tánh. Cho nên lại gọi : cõi diệu trang nghiêm đại Viên-Giác. Cõi nghĩa như cảnh-giải, cương trường.

----- ☆ -----

**Phật kệ tụng : Phải
đoạn luân hồi**

23.- Kinh văn

Lúc ấy , Thế-Tôn muốn lặp lại các nghĩa vừa nói trên đó, nên đọc kệ rằng :

Di-Lặc ngời phải biết,
Hết thấy cả chúng sanh.
Không đặng đại giải-thoát,
Đều do bởi dục tham.
Đọa vào đường sanh tử,
Nếu dứt tình yêu ghét,
Cùng là tham, sân, si.
Chẳng vì tánh sai biệt,
Đều đặng thành đạo phật.

✚ **Nghĩa rộng**

Năm câu đầu tụng về gốc rễ luân-hồi, hai thứ chết kia tuyệt thì gọi là đại giải-thoát.

Tham dục là gốc rễ luân hồi. Vì không đoạn nó được mà đọa vào đường sanh tử. Sở dĩ không đặng giải thoát, ở hoài trong cuộc luân hồi. Đó là điều phải đoạn, cũng dễ thấy được.

Bốn câu sau tụng về chủng-tánh luân-hồi nói trước. Trước nói : tánh lành, tánh dữ, tánh không động. Đó là ba thứ tánh, đều do không đoạn tham dục, v.v... là gốc rễ luân-hồi.

Nếu ở vào cảnh đó, phát tâm đồng mãnh, lập chí quyết định, tu giới, định, huệ, đời đời đoạn tham sân, cùng là si ái, tức là có thể, không vì đó, mà chịu cái quả báo là lãnh chủng-tánh sai biệt, sẽ đặng thành đạo phật. Cho nên nói : chẳng vì tánh sai biệt, đều đặng thành đạo phật.

----- ☆ -----

**Tu Phật có
nhiều bực**

24.- Kinh văn

Hai chương luôn tiêu diệt,
Cầu thầy đặng tỏ hiểu.
Tùy theo nguyện bồ-tát,
Yên nghỉ đại Niết-bàn

✚ Nghĩa rộng

Trường hàng nói : “*Muốn thả trên mặt biển đại Viên-Giác của Như-lai, cùng là đi tới bực Bồ-đề đầy đủ, và vào cảnh đại Niết-bàn*”, đây rút nghĩ lại mà tụng sơ lược.

----- ☆ -----

**Nhập trần
phương tiện**

25.- Kinh văn

Mười phương chư bồ-tát,
Đều lấy nguyện đại-bi.
Thị hiện vào sanh tử,
Người tu hành bây giờ,
Tới chúng sanh mặt phấp.
Cần đoạn các ái kiến,
Thì về đại Viên-Giác.

✚ Nghĩa rộng

Ba câu “*tụng*” đầu trả lời câu hỏi thuộc về : Nhân đầy quả đủ, trở lại cõi trần-lao.

Trước nói : Vào cõi trần lấy đại-bi làm gốc, phát hiện ba thứ phương tiện. Ba thứ phương-tiện hoàn toàn dựa vào nguyện lực. Cho nên nay nói: nguyện vào sanh tử, để nhắc đại ý.

Bốn câu “*tụng*” sau thừa cơ khuyến tu, dạy nên theo nguyện bồ-tát độ sanh đoạn chương, mới khỏi sa vào cái ưu-bi ái kiến; hễ chương dứt nguyện tròn, thì có thể về cõi diệu trang-nghiêm đại Viên-Giác .



CHƯƠNG VI . - THANH-TỊNH-HUỆ BỒ-TÁT

2/ Vị trung căn hơn hẳn chơn tánh :

Tam) Thị thuận giác hiển tánh.

Nghi lễ cảm tạ

1.- Kinh văn

Khi đó Thanh-Tĩnh-Huệ bồ-tát ở trong đại chúng, bèn lìa chỗ ngồi đứng dậy, tới đánh lễ nơi chơn Phật, đi vòng phía hữu ba quận, quì xuống chấp tay, mà bạch Phật rằng :

Đại-bi Thế-Tôn, đã vì bọn chúng tôi mà nói rộng các việc không thể nghĩ bàn như thế chưa từng được thấy, chưa từng được nghe. Chúng tôi nay mong nhờ ơn Phật khéo dạy, thân tâm vui yên, đặng nhiều lợi ích.

Nghĩa rộng

Đoạn đầu nói về các nghi thức của chúng sanh, cũng dễ hiểu.

Đoạn sau cảm tạ về lời dạy trước rất có ích.

Nói rộng là ý nói : chia ra nhiều tầng lớp mà dạy, ân cần khéo chỉ bảo.

Tại sao mà phải luân hồi trong lục đạo, bởi lý do nào mà năm tánh có sâu nông, đều thuộc về các việc không thể nghĩ bàn.

Không thấy, nghĩa là : từ trước chưa từng thấy nói rộng như vậy. Không nghe nghĩa là : từ trước chưa từng nghe dạy rành như vậy.

Nay đã thấy nói rộng, lại nghe dạy rành, cho nên nói: Chúng tôi nay mong nhờ ơn Phật khéo dạy.

Khéo dạy, nghĩa là : dẫn dụ có thứ lớp, tức là trước rộng nói : ân ái, tham dự, lần lần dẫn vào sáu nẻo luân-hồi, phát động vô-minh, chỉ ra năm tánh sai biệt, đều có ý khéo dạy.

Lại nghe nói : trở lại trần- lao, chỉ lấy đại-bi làm cốt, hiện ra ba thứ phương tiện. Kể đời mạt thế y đó mà tu, thì sẽ đặng chứng giác ngộ, không thể ngăn : bên trong phát ra viên giải (hiểu trọn hết), bên ngoài hình hiện khinh-an (nhẹ nhàng). Cho nên nói : thân tâm vui yên, đặng nhiều lợi ích.

----- ☆ -----

Bồ tát thỉnh cầu

2.- Kinh văn

Ước mong đức Phật, vì hết thấy pháp chúng từ các nơi lại, trùng tuyên viên mãn giác tánh của Pháp-vương; sở chứng sở đắc cả hết thấy chúng sanh và chư bồ-tát, Như-lai Thế-tôn, làm sao sai biệt, khiến cho chúng sanh đời mạt thế, đã nghe lời Phật dạy rồi tùy thuận khai ngộ, lần hồi ngộ nhập (hiểu thấu), giác tánh.

✚ Nghĩa rộng

Đại chúng hiện tiền, chẳng phải ở một chỗ lại, nên gọi từ các nơi lại. Mỗi nhóm cùng quyền thuộc, chủ và bạn đồng đạo trùng trùng, nên gọi : hết thầy.

Có kẻ đến hoặc cầu-pháp, hoặc nghe pháp, nên gọi : pháp chúng. Có kẻ đến hoặc xin giải thêm rõ, hoặc xin tụng tuyên (lặp lại) để chỉ thêm rõ chỗ chương trước Như-lai đã nói, người trong hội mỗi mỗi đều có đặng lợi ích. Đó là vì chúng sanh đời mạt thế mà hỏi.

Chánh bởi Như-lai còn ở thế, tam nghiệp rất tốt, còn pháp chúng từ các nơi lại, năm căn thông minh mẫn đạt, cho nên pháp lời vừa chân động, (tiếng pháp vang lừng như sấm nổ), kẻ đi điếc đều nghe trọn đủ.

Còn tới đời mạt thế, sợ thiên hạ không đặng như vậy, nên mới hỏi lại sở chúng, sở đắc của từ chúng sanh cho tới bậc Phật, làm sao sai biệt.

Hết thầy chúng sanh nghĩa là bắt từ phạm vị (ngôi phạm) mà khởi hỏi. Thai –giáo có bài tụng rằng :

Thất hiền, thất vị, Tạng sơ cơ,
Thông- giáo vị trung nhưt, nhị tề,
Biệt tín tịnh Viên ngũ phẩm vị,
Kiến Tư sơ phục tại phạm cư .(1)

(1) Theo kinh Hoa-Nghiêm, từ kẻ phạm-phu tới bậc Phật Diệu-Giác có 52 ngôi, là :

Thập tín	10	- Phạm-phu (ngoại phạm)
Thập trụ	10	} - Tam hiền (nội phạm)
Thập hạnh	10	
Thập hồi-hướng	10	
Thập địa	10	- Thập thánh
Đẳng-giác	1	- Bồ-tát
Diệu-giác	1	- Phật.

Cộng là 52 ngôi.

Lại có 8 giáo, chia ra 4 giáo hóa-nghi và 4 giáo hóa-pháp.

Bốn giáo hóa-nghi là : Đốn-giáo, Tiệm-giáo, Bí-mật giáo, Bất-định giáo.

Bốn giáo hóa-pháp là : Tạng-giáo, Thông-giáo, Biệt-giáo, Viên-giáo.

Bốn giáo hóa-nghi theo thế gian tỉ như bốn thang thuốc, còn bốn giáo hóa-pháp tỉ như bốn vị thuốc.

Bốn giáo hóa-pháp cũng tu “*Lục tức*”, mà mỗi lớp khác nhau. Tỉ như Lý tức của Tạng-giáo là y Thiên-chơn , Lý tức của Thông-giáo là y Vô-sanh, Lý tức

của Biệt-giáo là y Đãn trung, Lý tức của Viên-giáo là y bất tư nghi Lý-tánh (Coi Giáo-quán cang tông).

Lục tức có 6 lớp học, là :

- | | | |
|-------------------------------|---|------------|
| 1. – Lý Tức phật | } | ngoại phàm |
| 2. – Danh-tự tức phật | | |
| 3. – Quán-hạnh tức phật | | |
| 4. – Tương-tơ tức phật | } | nội phàm |
| 5. – Phân chứng tức phật | | |
| 6. – Cứu cánh chứng tức phật. | | |

Mấy bài thơ kể sau cũng nên xem vào đây mà tìm hiểu.

Đó là nội phàm và ngoại phàm của Tạng-giáo và Thông-giáo, chỉ là ngôi ngoại phàm theo Biệt-giáo và Viên-giáo.

Lại nói :

Quả vị Tu-đà dự thánh lưu ,

Dữ Thông tam tứ địa tề trừ.

Tịnh tiền Biệt trụ, Viên sơ tín,

Bát thập bát sử chánh phương lưu,

Ở trong Tạng và Thông, đã vào thánh lưu, nhưng theo Biệt và Viên thì còn ở nội phàm.

Lại nói :

Viên, Biệt , tín, trụ nhị chi thất,

Tạng, Thông cực quả giai đồng cấp,

Đồng trừ tứ trụ, chứng thiên-chơn,

Nội ngoại Trần-sa phân đoạn phục.

Ở trong Biệt-giáo và Viên-giáo, còn tại nội phàm. Theo Thông-giáo, ba người đồng đoạn dứt Tu hoặc, theo Tạng-giáo thì đã lên tới cực quả.

Vĩnh-gia nói : Đồng trừ tứ trụ, chỗ này thì bằng nhau. Còn nói về phục vô-minh, thì Tam-Tạng thua xa. Chính là nói vào đây.

Nay nói : Cùng các bồ-tát, thì tụng lại nói :

Biệt địa toàn tề, Viên trụ bình,

Vô –minh phân đoạn chứng chơn nhân,

Đẳng, Diệu, nhị giác, sơ, nhị hạnh,

Tân văn tam hạnh, bất tri danh.

Cũng là ý nói vào đó.

Nói về ngôi vị, từ bậc đầu tới Đẳng-giác là 41 ngôi. Nói về đoạn chứng, sơ địa của Biệt và sơ trụ của Viên bằng nhau, Diệu giác và nhị Hạnh giống như nhau, còn tam Hạnh của Viên-giáo, thì Biệt-giáo chưa biết tới tên, huống là các bậc trên nữa. Còn phải đi tới

đoạn 30 phần vô-minh nửa, mới là chứng được cực quả của Viên-giáo.

Đây là chỗ kinh này gọi : sở chứng sở đắc của Như lai Thế tôn, có tướng sai biệt như thế. Nay kinh này thuộc về hai giáo Biệt và Viên, cho nên mới dẫn lời tụng của bốn giáo, các người huệ học chẳng khá không biết, thì nói ra đây cũng vô hại.

Sở chứng, nghĩa là : đoạn hoặc chứng lý. Sở đắc, nghĩa là : tu nhân đắc quả.

Tại sao mà có sai biệt ? Lý có sâu nông (thiền thâm), vị (ngôi bực) có cao thấp, nên mới có câu hỏi Phật (năng bị) để thuyết giáo.

Chúng sanh là chỉ cái cơ sở bị (nhờ dạy). Chúng sanh ở đời mạt pháp chẳng thấy tam nghiệp rất tốt của Như-lai, thành ra là hạng người đáng thương xót.

Chánh đó là việc nên làm, nên gọi : khiến.

Đã nghe lời Phật dạy rồi, nghĩa là : giờ tới cơ thuận thực, chuyển từ chỗ nghe theo lẽ lời tứ y.

Tùy thuận khai ngộ, nghĩa là : tùy theo lẽ lời thánh giáo, mở trí tỏ hiểu cái lý sơ chứng, ngộ hầu lần lần chế phục và đoạn diệt, mà vào ngôi sở đắc. Cho nên nói : lần lần ngộ nhập (hiểu thấu), tánh giác.

----- ☆ -----



3.- Kinh văn

Nói lời này rồi, THANH-TỊNH-HUỆ bèn mọp năm vóc sát đất. Mọp rồi đứng dậy, làm y như trước mà thỉnh cầu cho tới ba phen.

----- ☆ -----

Thầy trò đồng ý

4.- Kinh văn

Lúc ấy Thế-tôn kêu THANH-TỊNH-HUỆ bồ-tát mà nói rằng : Lành thay ! Lành thay !

Thiện-nam tử ! Chúng người đã có lòng, vì chúng sanh ở đời mạt pháp, cầu hỏi Như-lai những chỗ sai biệt, lần hồi.

Nay các người hãy nghe cho kỹ, Ta sẽ vì các người mà nói ra .

Thì THANH-TỊNH-HUỆ bồ-tát vung dậy, mừng rỡ, và các hàng đại chúng lắng lắng mà nghe.

✚ Nghĩa rộng

Đã hỏi về lý sở chứng, khiến người tùy thuận mà mở trí tỏ hiểu, lại còn hỏi về ngôi vị sở đắc, khiến người vào sâu thêm nữa, cho nên mới có khen hai lần : lành thay !

Kỳ dư, ý nghĩa cũng đại lược như nói trên.

----- ☆ -----

5.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Viên-giác tự tánh không phải tánh, mà có tánh, dựa theo các tánh mà khởi, không ai thủ (nắm lấy) không ai chứng. Ở trong thiết-tướng, thiết không có bồ-tát và chúng sanh. Tại sao ?

Bồ-tát và chúng sanh đều là huyền hóa. Vì huyền hóa tiêu diệt, nên không có ai thủ ai chứng. Thí như căn con mắt không tự thấy con mắt, tánh tự nhiên bình-đẳng, không nhờ ai mà đặng bình-đẳng.

Nghĩa rộng

Trước kia, cầu phật trùng tuyên giác tánh của Pháp-vương Viên mãn, nay Phật dạy về đó mà rằng : Viên-giác tự tánh, không phải tánh, mà có tánh. Ý nói : Viên-giác tự tánh vốn không phải tánh sai biệt, nhưng nay có tánh sai biệt.

Giác-tánh tuy không có sai biệt, nhưng bởi có thể tùy duyên, cho nên hoặc theo tính duyên, hoặc theo nhiễm duyên, mà khởi các tánh sai biệt.

Các tánh tức là chúng sanh và bồ-tát. Đã rằng tùy duyên mà hiện khởi, thì tánh sai biệt tức là tánh Viên-giác. Vậy ai là người năng thủ, ai là bị thủ, lại ai là người năng chứng, ai là bị chứng. Cho nên nói : không có ai thủ, không có ai chứng.

Tuy vậy, mà hiện ra có chúng sanh là người năng thủ, bồ-tát là người năng chứng. Phật mới ngăn đốn rằng : Ở trong lý thanh tịnh của Thiết-tướng, thiết không có bồ-tát và chúng sanh.

Kế đó, lại muốn trưng có hỏi rằng : Sao lại nói thiết là không có vậy ? – Mới giải rằng : Vì bồ-tát và chúng sanh đều là huyền hóa, mà đã đồng với huyền hóa, thì trong bản-thể vắng lặng, hỏi ai là người năng thủ, người năng chứng ?

Cho nên nói : không có ai năng thủ, năng chứng. Bởi lấy có huyền hóa diệt rồi, có tức là không có, bồ-tát và chúng sanh đồng qui về Viên-giác. Nếu còn nói có người năng thủ, người năng chứng, thì há không phải là Viên-giác thủ chứng Viên-giác, có cái lý đó không ?

Lại sợ không đặng rõ, nên mượn một cái tỉ dụ để trợ thêm sức hiểu. Cho nên mới tỉ thí như nhãn căn, chẳng tự nó thấy con mắt được. Đây là ví dụ Viên-giác không thể tự chứng Viên-giác.

Vậy thì Viên-giác tự tánh vốn sẵn bình-đẳng, nào có ai làm cho nó bình-đẳng. Cho nên nói không nhờ ai mà bình-đẳng.

----- ☆ -----

*Mê đảo thành
sai*

6.- Kinh văn

Chúng sanh mê muội, thấy đảo ngược, chưa trừ diệt hết huyễn hóa. Rồi thấy có diệt chưa diệt, nên khởi công dụng sai quấy, nên thấy có sai biệt.

✚ Nghĩa rộng

Chữ chúng sanh ở khoa trên, chỉ kẻ đã phát tâm, biết chế phục các hoặc. Còn chữ chúng sanh ở đây, gồm luôn kẻ chưa phát tâm, chưa biết chế phục các hoặc. Đó là chỗ gọi : nội phạm và ngoại phạm.

Toàn chưa phát tâm gọi là : mê muội. Tuy đã phát tâm, mà không biết hoặc là không, gia công muốn phục, thì gọi là thấy đảo ngược. Dầu cho phục rồi đi nữa, thì chẳng qua như đã đè ép cỏ, chớ chưa trừ diệt được.

Trên nói : Bò-tát và chúng sanh đều là huyễn hóa. Đây nói hết thấy các huyễn hóa, chẳng những là bò-tát và chúng sanh mà thôi, gồm luôn hết thấy nhân quả mà nói gộp chung cả, dường thiên lệch có thủ nhân, nên cho hoặc diệt thì chi chi đều diệt.

Ở chỗ diệt chưa diệt, diệt thì đoạn diệt lần hồi, chưa diệt là trị phục lần hồi, chẳng rõ thấu vốn trước không, đều vọng tưởng gia công dụng. Ở trong công dụng vọng tưởng đó, bèn thấy có bò-tát và có chúng sanh làm hai đàng, cho nên nói : Sai biệt.

----- ☆ -----

Cứu cánh bình đẳng

7.- Kinh văn

Nếu đặng tùy thuộc tịch diệt của Như-lai, thiết không có chỗ tịch diệt cùng là kẻ tịch diệt.

✚ Nghĩa rộng

Hai chương đã vĩnh viễn tiêu diệt, chỉ còn có một tánh viên-minh, tức là tịch diệt của Như-lai.

Tịch diệt là pháp bình-đẳng, không có cao thấp, tức là chỗ trước hồi Pháp-vương giác-tánh viên-mãn. Từ đây trí và lý minh (hiệp một), chớ không phải ở ngoài trí có lý làm sở chứng cho trí, cũng không phải ở ngoài lý có trí làm năng chứng cho lý.

Tùy thuận Viên-Giác , tuyệt hết các đôi đũa. Trên nói: Tự tánh bình-đẳng, không có kẻ bình-đẳng. Còn đây nói : Thiết không có tịch diệt, cùng là kẻ tịch diệt. Lời nói tuy không giống, mà nghĩa cũng không khác nhau.

----- ☆ -----

*Phạm phu tùy
thuận tánh giác*

8.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hết thấy chúng sanh từ đời vô thi tới nay, do chỗ vọng tưởng có ngã và ái ngã, mà không tự biết niệm niệm sanh diệt, cho nên dấy lòng ưa ghét, đắm say ngũ dục.

✚ Nghĩa rộng

Đó là do vọng tưởng mà thành mê muội. Tất cả chúng sanh, bắt đầu từ bác địa phàm-phu mà nói.

Do vọng tưởng có hai thứ ngã, nghĩa là : do một niệm bất giác buổi trước hết, mê Chơn-tâm mà thành ra vọng thức, rồi lại do thức mà dấy các tướng niệm, trong thì chấp trong thân mình có ngã, ngoài lại chấp ngoài thân mình có ngã khả ái tức, là chấp ngã, ngã sở⁽¹⁾

Mà không tự biết nghĩa là : theo một chiều hướng đó mà không hay biết, nên không biết ngã và ngã sở đều là thuộc về niệm niệm sanh diệt, đối giả không bền. Do chỗ không biết đó, hễ trái với tình mình, thì sanh lòng chán ghét; hợp với tình mình, thì sanh lòng ái nhiễm.

Chán ghét mà gặp sở dục (chỗ mình có thể muốn) thì nó liền tiêu. Ái nhiễm mà gặp sở dục (chỗ mình muốn) thì nó càng mạnh. Cho nên nói: đắm say ngũ dục tức là ngũ trần, đều là cảnh khả dục.

----- ☆ -----

(1) Đây có thể hiểu là Nhơn ngã và Pháp ngã. Nhơn là ở bên trong, Pháp là ở bên ngoài. Ngã là giả ngã là vọng thức, sanh diệt bất thường.



9.- Kinh văn

Nếu gặp bạn lành, dạy họ khiến mở trí tỏ hiểu cái tịnh Viên-Giác tánh phát minh chỗ khởi dứt, thì biết đời sống này là vì tánh tự nó lao lự (tự lự lao nhọc).

✚ Nghĩa rộng

Gặp đây là nghe bạn lành dạy mà đặng tỏ hiểu, giống lành phát từ trong lòng. Không kỳ hẹn mà giáp mặt gọi là gặp.

Bạn lành là bực chánh tri, chánh kiến, vì hay khuyên người làm lành. Như 53 người trong kinh Hoa-Nghiêm, tịnh tạng, tịnh nhân trong kinh pháp-Hoa, đều là bạn lành đó.

Thương họ mê tự tánh đã lâu, nhân chỗ tham dục mà tạo nghiệp, cho nên dạy cho họ mở trí tỏ hiểu cái tánh tịnh Viên-Giác .

Quả thiệt mở trí, tỏ hiểu được, tự nhiên phát sanh trí nhãn (huệ-nhãn), soi thấu rõ ràng bản-ngã và ngã sở, niệm niệm khởi dứt, thì biết chúng sanh hiện tiền đều là ở trong tánh Viên-Giác tự mình tự lự lao nhọc, đối với Viên-Giác thì không dính dáng chi cả.

----- ☆ -----

10.- Kinh văn

Nếu có người đoạn dứt vĩnh viễn tư lự, lao nhọc, đặng pháp-giải tịnh, thì hiểu cái tịnh đó là tự chứng ngại. Cho nên ở trong Viên-Giác mà không đặng tự tại. Thế thì gọi là : phạm-phu tùy thuận Viên-Giác .

✚ Nghĩa rộng

Đây là do sự tỏ hiểu mà thành chứng ngại. Câu đầu có ý nói : Nếu như trong bọn chúng sanh mở trí tỏ hiểu, mà có ai phục hoặc được, là thấy rõ họ chưa phục hết được.

Lao lự đoạn dứt vĩnh viễn, thì biết Viên-Giác là Giác-thể yên lặng, không có hình tích.

Lao lự nghĩa là tự mình lao nhọc động tư lự, ngựa rừng bôn tẩu, đối với Viên-Giác toàn là không dính dáng chi : một bên như hư-không, một bên như bụi trần.

Như vậy, có thể khắc kỳ chứng được, phát tâm đoạn dứt. Đây là lấy công phu quán hạnh, hàn phục mà không động. Cho nên nói : đặng pháp-giải tịnh. Đối với sự tướng, không dấy lòng vọng động, vì đã trụ thanh-tịnh. Đó là nghĩa chữ tịnh giải (hiểu cái tịnh kia).

Nếu chấp nó là phải, trái lại thành chứng ngại. Từ đó không chịu tâm tiến, bèn không cố cầu đoạn hoặc, cho nên ở trong Viên-Giác mà không tự tại. Tức

là trong bài tụng trước nói : “*Kiến tư sơ phục tại phạm cư*”. Tuy là ở trong vòng phạm-phu, mà không đến nỗi nghịch với Viên-Giác , cho nên gọi là : phạm phu tùy thuận tánh-giác. Đây cũng là ngôi tín ngôi trụ của phạm phu, theo Viên-Giác, Biệt-giáo.

----- ☆ -----

Bồ tát Tam hiền tùy thuận tánh giác

11.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hết thấy bồ-tát bị kiến giải (chỗ thấy hiểu) làm chứng ngại tánh-giác, tuy là đoạn được cái giải (hiểu) làm ngại, mà còn chấp kiến giác (chỗ thấy biết) làm chứng ngại, nên không đặng tự tại, (tâm rộng không). Thế thì gọi là Bồ-tát chưa vào Thập địa (tức là ngôi Tam hiền) tùy thuận tánh giác.

✚ Nghĩa rộng

Chữ bồ-tát này chỉ bực từ bát trụ tới ngôi thập hồi-hương của Biệt-giáo và từ bực bát-tín tới ngôi thập tín của Viên-Giác .

Lời tụng rằng :

Bát chí thập tín, nhị hoặc không,
Giả thành tục bị, lý phương thông.
Tề tiền Biệt trụ hậu tam vị,
Tịnh liên hạnh, hướng vị tương đồng.

Kiến giải làm chướng ngại, là nói tịnh giải (hiểu chữ tịnh kia) tự nó làm chướng ngại. Muốn đoạn diệt nó, phải bắt từ bát trụ mà đoạn lần từng ngôi, để chứng lần từng ngôi.

Tuy là đoạn kiến giải (hiểu) làm chướng ngại, dường như còn trụ cảnh kiến giác. Ý nói : Kẻ thấy tịnh giải làm chướng ngại, tức là tùy thuận tính giác. Nay tuy đoạn giải ngại, mà tánh giác còn mắc trong cảnh kiến giải. Đó là pháp ái của trung-đạo.

Họ chấp đó là phải không khứng cầu tới nữa, cho nên nói : còn mắc trong cảnh kiến giải. Đã kẹt trong giác đó, thì cái giác này cũng là chướng ngại. Cho nên gọi là giác ngại. Trong lời Phật dạy quả nó gọi là “đánh đọa”⁽¹⁾

Lại nói làm chướng ngại, là bởi nó chướng ngại Viên-Giác, nên không đứng tự-tại, nghĩa là không đứng thông thả tự mình vào cảnh Viên-Giác .

Gọi là bồ-tát, có ý chỉ đối với trước có phần thắng hơn, là cầu vượt ra ngôi phàm.

(1) Đánh đọa nghĩa là ở ngôi lìa Kiến tư hoặc trong tam giải nên gọi là đánh. Tri tịnh ở ngôi đánh, đọa lạc không cầu tấn, nên gọi là đánh đọa. Đánh là một ngôi trong bốn ngôi : Noãn, Đánh, Nhẫn, Thế đệ nhứt

Thế là chưa vào Thập-địa, nghĩa là đối với hậu có phần sút kém, là cái công dạy dỗ kẻ dưới không bằng Thánh vị. Nhưng đã siêu phàm, tuy chưa bằng thánh, mà đối với tánh giác tự nhiên không nghịch, cho nên gọi là tùy thuận.

----- ☆ -----

Bồ tát thập địa tùy thuận tánh giác

12.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Có chiếu (soi), có giác (biết), đều gọi là chướng ngại, cho nên bồ-tát thường giác mà không trụ. Chiếu và người chiếu đồng thời tịch diệt, thì tử như có người chặt lấy đầu mình, mà đầu đã đứt rồi, hết còn ai đoạn được nữa. Vậy thì dùng cái tâm chướng ngại mà tự diệt chướng ngại, chướng ngại một khi đã đoạn diệt, hết còn ai diệt chướng nữa.

✚ Nghĩa rộng

Đây là thừa câu trên mà nói thiệt rõ ra.

Trên nói : Kiến giải làm chướng ngại, tức là có chiếu, bởi chẳng phải chiếu thì làm sao mà thấy?

Lại nói : Còn trụ cảnh kiến giác, tức là có giác, bởi chẳng phải giác thì làm sao mà trụ ?

“*Đều gọi là chướng ngại*”, nghĩa là : cái ngại bị chiếu chắc là chướng ngại, còn cái giác năng chiếu cũng gọi là chướng ngại. Vì có trụ trước (chấp) thì chướng ngại tánh Viên-Giác . Cho nên thường giác mà

không trụ, nghĩa là : có chiếu, có giác, đều gọi là chướng ngại. Cho nên Bồ-tát vào Thập địa chẳng lúc nào không chiếu, chỗ gọi “ *tịch nhi thường chiếu*”, nên không thành ngại, bởi chẳng sanh lòng trụ trước.

Chánh là bởi chẳng sanh lòng trụ trước, nên chỗ ngại bị chiếu, với các giác năng chiếu, đồng thời tịch diệt, vì đều không lìa ra tánh Viên-Giác, cái nghĩa này không phải để nói ra, nên lại lấy ví dụ mà nói thêm rõ nữa.

Cho nên nói : “*Tỉ như có người*”, đây là nói có người muốn chết. “*Tự chặt lấy đầu mình*” nghĩa là người muốn chết phát tâm chặt đầu cho chết, lấy dao tự đoạn lấy đầu mình.

Khi đầu chưa đoạn, thì đầu là sở đoạn (có thể bị đoạn), người là năng đoạn. Tới khi đã đoạn đầu rồi, thì cái đầu sở đoạn chẳng phải là mình, con người năng đoạn cũng chết, cho nên nói : không có ai đoạn được nữa. Đây là tỉ dụ cái nghĩa : chiếu và người chiếu đồng thời tịch diệt, thiệt là hết sức rõ ràng.

Nếu còn hiệp đúng với pháp, thì Bồ-tát vào Thập địa rồi, lấy cái tâm diệt ngại và tự diệt các ngại. Lúc ngại chưa diệt, thì ngại là sở diệt. (có thể bị diệt) giác là năng diệt. Tới khi ngại đã đoạn diệt thì chướng ngại sở diệt đã không, cái giác năng diệt cũng hết, vì có chẳng lìa ra khỏi tánh Viên-Giác.

Trên nói : chiếu và người chiếu đồng thời tịch diệt, tức là ý này vậy.



13.- Kinh văn

Tu-đa-la⁽¹⁾ giáo như ngón tay chỉ mặt trăng. Nếu còn thấy mặt trăng, hiểu cái vệt chỉ kia rốt cuộc không phải mặt trăng. Nên biết Như-lai nói ra nhiều cách để mở dạy Bồ-tát, thì cũng như thế đó.

Đây gọi là Bồ-tát đã vào Thập địa tùy thuận tánh giác.

Nghĩa rộng

Đây là đề phòng ngày sau, có người hỏi : Địa tiền (ngôi Tam hiền) và địa thượng (ngôi Bồ-tát), tuy ngôi thứ có sâu nông, đều là thuộc về hạng y giáo mà tu tập.

Cớ sao địa tiền, phải trải qua từng ngôi thành ra chấp tướng ? Còn đặng địa lại thường giác không trụ ? Há không phải Thế-Tôn dạy học, ở địa tiền thì theo lẽ tự tiện, còn ở địa thượng thì ý riêng và kiến giải đều tiêu. Nếu quả vậy, vô duyên từ bi cũng thế, thì không đúng với chỗ Thế-Tôn dạy học sao ? Cho nên mới lấy câu này mà phòng ngừa trước : “*Tu-đa-la giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, v.v...*”.

Chữ “*Giáo*” là thông thường chỉ hết thấy các thứ kinh của Như-lai nói ra.

(1) Tu-đa-la Tàu dịch là khế kinh, hay là kinh văn

“Ngón tay chỉ” ấy là theo kinh Lăng-Nghiêm nói : “*Như có người dùng bàn tay chỉ mặt trăng mà dạy kẻ khác*”. Lấy bàn tay chỉ mặt trăng, là nói : lấy ngón tay mà chỉ mặt trăng. Kinh kia đem ngón tay mà ví dụ lời “*Giáo*” trong kinh, lấy mặt trăng mà ví dụ cái tâm.

Ý muốn nói rõ rằng : Như-lai thuyết giáo, vốn là dạy cho biết tâm. Ngón tay chỉ mặt trăng, tức là ví dụ lời dạy chỉ cái tâm.

Nếu còn thấy mặt trăng, thì kinh lại nói : “*Kẻ kia nhờ ngón tay chỉ mà ngó lên thấy mặt trăng*”. Ví dụ kẻ học giả mượn lời dạy mà quán tâm. Nên hiểu vật bị chỉ kia rốt cuộc không phải mặt trăng. Vì kinh lại nói : “*Nếu còn ai quán ngón tay, cho là bản-thể của mặt trăng, thì người đó há phải làm mất mặt trăng mà thôi đâu, cũng mất luôn cả ngón tay nữa*”. Ý nói không nên chấp ngón tay ví dụ kẻ học giả đọc lời kinh dạy, tức là muốn chỉ cái minh tâm. Há chẳng những không biết tâm, mà cũng không biết nốt lời dạy nữa, ý nói : không nên chấp giáo.

Ý năng dụ của kinh này đồng với kinh Lăng-Nghiêm, còn nghĩa dụ có hơi khác hơn kinh kia. Vì Như-lai ở địa tiên, địa thượng, lập ngôi thứ để bày rõ “*Giác*” đều là theo Tu-đa-la giáo, tức là đồng ngón tay năng chỉ.

Nhưng lập ngôi thứ để bày rõ giác, cốt để phá chướng ngại thành trí huệ, tức là đồng với mặt trăng bị chỉ. Cho nên nói : như ngón tay chỉ mặt trăng. Quả là phá chướng ngại thành trí huệ, lập ngôi thứ để bày rõ sự “*giác*”, thì cũng không nên trụ (chấp).

Cho nên nói : nếu còn thấy mặt trăng, hiểu rằng ngón tay chỉ chọc đó rốt cuộc không phải mặt trăng. Há phải một đức Phật Như-lai nói :

“*Không nên trụ trước*”, tất cả chư Phật đều nói y như vậy. Cho nên nói : Một Phật Như-lai cho tới hết thầy Như-lai đều nói như thế đó.

Cho nên biết địa tiên, địa thượng, phần trí huệ có mạnh yếu : trí yếu thành ra chấp, trí mạnh lại thường chiếu. Chẳng phải Phật có ý tư riêng, không nên cố chấp mà hỏi như vậy, e mắc tội nhạo báng Phật.

Câu hỏi đề phòng đã dứt, xin trở lại chánh kết. Cho nên nói : Đây gọi là : Bồ-tát đã vào Phật-địa, v.v....

----- ☆ -----

*Như lai tùy
thuận tánh giác*

14.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Hết thầy chướng ngại tức là giác cứu cánh. Đặng niệm, mất niệm, không chi chẳng phải giải thoát. Thành pháp phá pháp, đều gọi là Niết-bàn. Trí-huệ ngu si, thông nhau là Bác-nhã. Bồ-tát, ngoại

đạo, pháp tu thành tựu đồng là Bồ-đề. Vô-minh, Chơn như không khác cảnh-giái. Các giới, định, huệ cùng là tâm, nộ, si đều là phạm hạnh (hạnh trong sạch) . chúng sanh quốc-độ đồng một pháp-tánh. Địa ngục, Thiên cung, đều là Tịnh-độ. Có tánh, không tánh, thành đạo Phật như nhau. Hết thấy phiền-não rốt cuộc giải thoát.

Nghĩa rộng

Đây trước thuyết minh cảnh sở chứng, ở địa tiền, diệt chướng ngại lập giác, giác tức thành chướng ngại. Vào thập địa rồi, thường giác mà không trụ ; như quả là không trụ, thì cũng gọi là chướng ngại.

Ý nói : chướng ngại biến đại Viên-Giác của Như-lai, hoặc không chướng không ngại tánh đại tự tại. Nay thuyết minh tới ngôi Như-lai, thì tất cả chướng ngại, tức là giác cứu cánh.

Tất cả chướng ngại, tức là chỉ chướng ngại và sự giác ở địa tiền, còn ở địa thượng thì tướng giác bất trụ. Tuy thô tế chẳng đồng, thông thường gọi là chướng ngại, cho nên lấy chữ “*tất cả*” mà gồm xung.

Tức là giác cứu cánh, nghĩa là : đồng qui về biến đại Viên-Giác của đức Như-lai, bởi không còn chướng ngại tánh. Đó là hai câu nêu lên tổng quát, chẳng qua là nói đại lược mà thôi. Nó bao gồm các chướng ngại, số lượng rất nhiều.

Từ đây sắp xuống, mỗi việc đều thuộc về đó cả. Như ức niệm đoạn chướng ngại, ức niệm lập sự giác; đoạn được lập được thì gọi là đặng niệm. Còn đoạn mà không đoạn được, lập mà không lập được, thì gọi là mất niệm. Đặng là đặng những điều ràng buộc, mất là mất các việc cột trói, đều là không giải thoát.

Nay biết đôi với mất thì lập đặng, đặng mà không phải thiết đặng; nhân chỗ đặng mà bày thấy chỗ mất, mất mà không thiết mất, hai bên đều không thành, đồng qui về Viên-Giác, bởi cả hai đều do Viên-Giác phát khởi.

Không nói Viên-Giác mà gọi là giải thoát, bởi Viên-Giác tức là phép lìa trói buộc đó.

Y theo lời dạy mà tu tập, tinh tấn tức là thành pháp, giải đãi tức là phá pháp. Đôi với cái phá mà lập thành, thành chẳng phải thiết thành. Nhân cái thành mà bày ra cái phá, phá chẳng phải thiết phá, hai bên đều là hư dối, đồng qui về Viên-Giác, nên gọi là Niết-bàn, bởi Viên-Giác tức là pháp bất sanh bất diệt.

Năng chiếu các ngại, tức là trí huệ, không chiếu được chướng ngại tức là ngu-si. Đôi với ngu mà lập trí, trí không phải thiết chơn trí. Nhân cái trí bày ra chỗ ngu, ngu không phải thiết chơn ngu. Hai bên đều là giả dối, đồng qui về Viên-Giác, mà gọi là Bác-nhã, bởi Viên-Giác tức là nghĩa đại trí huệ quang minh.

Quán hành giả đồng nhau gọi bồ-tát, còn pháp được thành tựu gọi là chánh đạo. Quán học-thuyết khác gọi là ngoại đạo, còn pháp được thành tựu gọi là tà đạo. Đối với tà thì lập chánh, chánh không phải thiết chánh, nhân chỗ chánh bày ra chỗ tà, tà không phải thiết tà. Hai bên đều thành lỗi, đồng qui về Viên-Giác, bởi Viên-Giác tức là pháp A-nậu-Bồ-đề, cho nên gọi là Bồ-đề.

Ở địa thượng, mỗi ngôi đều phải đoạn vọng hoặc, gọi là Vô-minh, còn cái chứng thiết lý gọi là Chơn-như. Nhưng Vô-minh dựa Chơn-như mà khởi, vọng cố nhiên chẳng phải vọng. Quán chơn-như đối với vọng chơn cũng không phải chơn. Hai bên đều không vững, đồng qui về Viên-Giác, cho nên nói không khác cảnh-giải, bởi Viên-Giác giác tức là tánh không sai biệt của các pháp.

Bồ-tát thị hiện theo thuận cảnh tức là yu: Giới, định, huệ, thị hiện theo nghịch cảnh tức là phạm : dâm, nộ, si. Nhưng đã thuộc thị hiện (hiện tướng), đồng dựa vào Viên-Giác, cho nên nói : đều là phạm hạnh, bởi Viên-Giác tức là nguyên nhân thanh tịnh của tất cả chư phật và bồ-tát.

Những kẻ nhờ bồ-tát nói pháp mà tiếp độ, gọi là chúng sanh, tập làm trang nghiêm, gọi là quốc-độ. Nhưng đó là huyễn hóa cả, đều sanh ở trong diệu tâm Viên-Giác của Như-lai. Huyễn hóa không thiết, thiết tức là Viên-Giác, cho nên gọi : đồng một Pháp tánh,

bởi Viên-Giác tức là thiết tánh y-báo và chánh-báo của các pháp.

Bồ-tát giáo hóa chúng sanh tạo ác, tức là vào Địa-ngục, giáo hóa chúng sanh tu thiện, tức là vào Thiên-cung. Không lấy Thiên-cung làm vui, không lấy Đại-ngục làm khổ, duy dựa vào Giác-tánh viên mãn, thanh tịnh tự nhiên như như (bất động). Cho nên nói : đều là Tịnh độ, bởi Viên-Giác tức là Thường-Tịch-Quang Tịnh-độ

Bồ-tát giáo hóa nhị thừa không định tánh, cùng là bồ-tát gọi là có tánh (nghĩa là có tánh thành phật), giáo hóa nhị thừa có định tánh, cùng là xiển-đề, gọi là không tánh (nghĩa là không có tánh thành phật)

Nhưng hết thảy chúng sanh, chẳng ai là không có tâm. Phạm người có tâm Viên-Giác, lâu xa hoặc kẻ cận sẽ làm phật. Cho nên nói : đều thành đạo phật, bởi Viên-Giác tức là pháp tu nhân sơ khởi của tất cả Như-lai.

Nhưng từ đây sắp lên là 9 việc đối nhau, bốn việc trước dường như nói về địa tiền, năm việc sau dường như nói về địa thượng (đăng địa) chưa tới phật địa, đều gọi là phiền-não, bởi còn ở trong pháp tương đối. Ý nói : Hễ còn có đối nhau, tức là có tranh nhau. Nhân có tranh nhau mới sanh ra phiền não.

Nay nói về phật địa dung hòa tất cả, đồng qui về Viên Giác. Cho nên nói : Tất cả phiền não rốt cuộc giải thoát, bởi Viên-Giác tức là pháp đại giải thoát, tuyệt các đối đãi, bởi các thứ phiền não, rốt cuộc không sanh.

15.- Kinh văn

Biển huệ Pháp-giải, soi rõ hết các tướng, dường như hư không.

✚ Nghĩa rộng

Đây là thuyết minh cái trí năng-chứng.

Ý nói : Phật địa sở dĩ mà tổng quát dung hòa hết các đối đãi, để qui về tánh Viên-Giác, là nhờ có trí Pháp giải.

Pháp giải tức là Nhứt chơn Pháp giải. Phật địa chứng nó rồi, dựa vào đó mà khởi đại huệ bình-đẳng, cũng như biển cả không lường, không mé. Cho nên gọi là : biển huệ Pháp-giải, soi thấy các tướng. Các tướng này là chỉ tướng phàm phu, tướng địa tiền, tướng đẳng địa ở trước.

Soi thấy nghĩa là soi thấy nó, khởi tự nơi Viên-Giác , rõ thấu tướng của nó tức làThiệt-tướng, mà Thiệt-tướng là vô tướng như xưa trở lại Viên-Giác. Cho nên nói: dường như hư-không.

Lãng-Nghiêm nói : “*Thí như hư-không thể không có các tướng, mà không ngăn các tướng kia phát động*”. Nay kinh này cũng nói y như vậy.

----- ☆ -----

16.- Kinh văn

Như vậy gọi là : Như-lai tùy thuận tánh-giác.

✚ Nghĩa rộng

Đây là câu kết qui thuận về tánh Viên Giác .

Gọi Như-lai là cho rõ biết người hay tùy thuận, mà không phải là hạ người nói trên. Ý nói : Như-lai từ buổi ban sơ phát tâm, do phàm-phu, trải qua địa tiền, cho tới địa thượng, rốt cuộc thiệt đầy đủ, cho tới đạo biển đại Viên-Giác, lên bờ bên kia mà chứng quả vị Diệu-giác. Cho nên nói : Như-lai tùy thuận tánh-giác.

----- ☆ -----

*Trước mình chỉ tướng
trạng tùy thuận*

17.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Nhưng các bồ-tát ở đời mạt thế, bất kỳ vào lúc nào, không dây vọng niệm, đối với các vọng tâm cũng không trừ diệt, đương trong cảnh vọng tướng, chẳng để ý hiểu biết, chẳng biện luận chơn thiệt.

Các chúng sanh kia nghe pháp-môn này, bằng tin hiểu vững giữ, mà chẳng sanh lòng kinh sợ, thì mới gọi là : tùy thuận giác-tánh.

✚ Nghĩa rộng

Như trên nói là lần hồi tùy thuận. Mắt sự soi sáng, thì hành động thành ngại. Soi sáng đầy đủ, thì không có pháp nào chẳng dung hòa. Nhưng cái công phu soi sáng đầy đủ kia, muốn tu nó không phải là dễ dàng.

Nếu quả là người có căn cơ viên đốn, thì cũng không phải là khó. Cho nên lập lại, kêu họ mà nói rằng : Nhưng các bồ-tát hiện tiền, và chúng sanh đời mạt thế, người nào là đốn căn, hoặc là viên căn, chỉ cần, bất kỳ vào lúc nào, cũng hoàn toàn chất phác thiết tha (vô tri vô thức), mà không dấy vọng niệm.

Nói : “*bất kỳ vào lúc nào*”, tức là từ nơi tới chiều, tuần hoàn qua lại, rước khách đưa người, khắc nhỏ cử động, hoặc làm việc chi thấy sắc nghe tiếng.

“*Không dấy vọng niệm*” đây chẳng phải vô niệm, cũng chẳng phải một niệm không sanh, nhưng là niệm ở các cảnh giải, duy một mình phật chứng được mà thôi. Còn từ bực đẳng-giác sắp xuống, đều chưa là niệm. Đã không là niệm, thì làm sao bất kỳ lúc nào, mà chẳng dấy niệm.

Đây nói không dấy, là bởi người viên-đốn giáo, phú tánh hoàn toàn chất phát thiết tha, thiên-nhiên tự-tại, đối với các cảnh tốt xấu, không có ý niệm dấy lòng ưa ghét. Cho nên nói : chẳng dấy, bởi ý niệm thuận tánh, vốn thuộc Ý-tha-khởi tánh, như huyền, như hóa, có mà không phải có, gặp cảnh chạm duyên, chẳng sanh lòng hai chấp, trong một ngày 12 giờ, chẳng lúc nào tỏ ra không vậy. Cho nên nói : bất kỳ vào lúc nào, không dấy vọng niệm.

Đối với các vọng tâm cũng chẳng trừ diệt, nghĩa là vọng tâm tuy có, mà không phải có, không phải có mà ý niệm có, đã thuộc về tánh Y-tha, bản-thể của nó là tánh Viên-thành-thật, trừ diệt làm sao được ?

Nếu dấy ý trừ diệt, bèn thành ra tánh Biến-kế (tánh làm lạc). Thí như thịt đương tốt mà moi thành gẻ, không bệnh mà tìm bệnh, sao làm chi vậy ? Cho nên nói : cũng không trừ diệt.

Đương trong cảnh vọng tưởng, chẳng đề ý hiểu biết, nghĩa là : Phàm các cảnh-giải đều theo duyên mà sanh; duyên khởi không có tánh, trong bản-thể mới là Chơn, vọng cảnh cũng thuộc về tánh Y-tha, vọng tức là không vọng. Nếu đề ý hiểu biết, tức là dấy niệm phân biệt, lại thành tánh Biến-kế. Thí như bình bát-vu, tra cán mà làm chi ? Cho nên nói : chẳng đề ý hiểu biết.

Chẳng phân biệt chơn thiết, như Tứ tổ nói : Chí đạo không khó, duy hèm chọn lựa (phân biệt), chỉ đừng ưa ghét, rộng không minh bạch.

Tánh hiểu biết là ánh sáng của tự tánh, có còn không ngại, hà huống là không có. Nếu phân biệt chon vọng, lọt vào vòng chọn lựa, trái lại bị đọa vào cảnh Vô-minh đen tối, mà mất sự rỗng không minh bạch.

Các chúng sanh kia là chúng sanh đời mạt thế, bởi bỏ-tát hiện tiền căn tánh mạnh mẽ, sáng láng, lại lúc Phật còn tại thế, gần gũi với Như-lai, tam nghiệp tốt đẹp, nên nghe qua pháp môn tùy thuận Viên-Giác, tin hiểu vững giữ, chẳng lấy chi làm khó, cho nên không nói tới.

Tin nghĩa là : tin được pháp của Phật dạy là chánh-giáo.

Hiểu nghĩa là : hiểu được chơn lý trong chánh-giáo.

Vững nghĩa là : lãnh lấy chơn lý đó mà tự tu.

Giữ nghĩa là : giữ lấy đó mà dạy người.

Chúng sanh đời mạt thế, chẳng những không làm đặng như vậy, mà còn có nhiều kẻ kinh sợ, cho nên chỉ nói họ mà thôi.

Ý nói : chúng sanh đời mạt thế, nghe qua pháp môn này, bằng tin hiểu vững giữ, mà không lòng kinh sợ, mới gọi là : tùy thuận giác-tánh.

- Hỏi : tại sao nghe qua mà có lòng kinh sợ ?

Đáp : Đây là nói : Những tiểu căn liệt khí, nghe qua đại giáo thượng viên-đốn, không phải là lời Phật nói, nghĩa dường như hoang đường, sợ không há thủ được, nên không dám đem dạy người. Thế là không tin, không hiểu, không vững, không giữ. Trái lại với đó gọi là : tùy thuận giác tánh.

----- ☆ -----

*Sau là khen ngợi
người tùy thuận*

18.- Kinh văn

Thiện-nam tử ! Các người phải biết, chúng sanh như vậy, đã từng cúng ường trăm ngàn muôn ức hằng hà sa chur Phật và đại bỏ-tát, vun trồng gốc muôn đức. Phật nói người đó gọi là thành tựu “*Nhứt thiết Chủng-tri*”.

 Nghĩa rộng

“*Phải biết*” nghĩa là : Phải biết sở dĩ tùy thuận được là có lý do. Cho nên nói : đã từng cúng dường, v,v... để chỉ thiệt rõ ràng nhờ có cúng phật nhiều nơi, chớ chẳng phải gieo căn lành ở 1, 2, 3 vị phật mà thôi.

Cúng chur phật và chur tăng, tất nhiên gồm có nghe pháp, phước huệ song tu, để trồng cái gốc của muôn đức.

Lời Phật nói ra thiệt không bao giờ hư dối.

Chủng trí tức là Phật trí hay sanh ra hết thảy trí-huệ ở phật địa. Vậy thì đủ biết chúng sanh tuy ở đời mạt thế, chỉ hay tùy thuận được tánh giác, tất nhiên sẽ đặng thành Phật không còn ngờ vực nữa.

----- ☆ -----

**Trước tụng Tánh
giác viên mãn**

19.- Kinh văn

Lúc ấy, Thế-tôn muốn lặp lại các nghĩa vừa nói trên đó, nên đọc kệ rằng :

Thanh-Tịnh-Huệ phải biết :
Tánh Viên-mãn bồ-đề,
Không thủ và không chứng,
Không bồ-tát, chúng sanh..
Lúc giác cùng chưa giác,
Lần hồi, có biệt sai.

✚ Nghĩa rộng

Bốn câu trước tụng về Bồ-lai diện mục vốn bình đẳng.

Trường hàng nói : Viên-Giác tự tánh. Nay nói : Tánh Bồ-đề viên-mãn, tuy hai mà một.

Không thủ và không chứng, nghĩa là : Tánh vốn tự nhiên sẵn có.

Trường hàng nói : chẳng phải tánh mà có tánh, cũng là một lẽ.

Bồ-tát là người năng chứng, chúng sanh là người năng thủ. Sở thủ, sở chứng đã không, thì người năng thủ , năng chứng đâu có. Cho nên đều gọi là không, bởi đồng như huyền hóa.

Hai câu tụng sau mê đảo thành sai.

Câu văn nói : Ở lúc diệt chưa diệt, vọng khởi công dụng, mới là thấy có sai biệt.

Tụng rằng : “*Lúc giác cùng chưa giác, lần hồi có biệt sai*”. Vì trường hàng cho cả thảy huyền hóa đều sanh nơi diệu tâm Viên-giác của Như-lai. Diệt được một phần huyền hóa, lộ được một phần tánh giác. Cho nên nói : Lúc diệt, chưa diệt, là nói về huyền hóa của sự diệt.

Tụng rằng : Lúc giác cùng chưa giác, là nói về sự giác của sự lộ. Vì huyền diệt lúc là lúc giác, huyền chưa diệt tức là lúc chưa giác.

Câu văn nói : bèn lộ thấy sai biệt. Tụng nói : Lần hồi có sai biệt, đều là nói về hai lý cốt yếu này. Trong văn có nói một đoạn : cứu cánh bình đẳng, như trong tụng thì không có. còn một câu lần hồi sai biệt, là chỉ ngay ý tụng sau này.

----- ☆ -----

Thứ tự tùy thuận

20.- Kinh văn

Chúng sanh vì giải ngại,
Bồ-tát chưa lìa giác,
Đặng địa luôn tịch diệt,
Không trụ các thứ tướng,
Đại-giáo phải viên-mãn,
Gọi là khắp tùy thuận.

✚ Nghĩa rộng

Câu đầu tụng về lỗi phàm-phu, chúng sanh phục hoặc, đặng cảnh pháp giải, gọi là phàm vị (ngôi phàm), thành bị giải ngại.

Trường hàng nói : tức là cách tịnh giải kia, tự làm chướng ngại, cho nên ở trong Viên-giác, mà không đặng tự-tại. Tuy không đặng tự tại, mà không đến đời bội nghịch, cho nên nói : tùy thuận.

Câu kế tụng về địa tiền.

Trường hàng nói : Tuy đoạn dứt giải ngại, dường như còn trụ nơi kiến giác, nên bị giải ngại.

Hai câu kế tụng bực đặng địa sắp lên, vĩnh viễn tịch diệt.

Hai ngôi trên có chiếu, có giác, đều gọi là chướng ngại, còn đặng địa sắp lên thì sự chiếu và người chiếu, đồng thời tịch diệt.

Không trụ tướng nghĩa là : hai tướng ngại và giác, đều không nên có.

Hai câu sau tụng về Như-lai. Nay nói Đại-giác, tức là Như-lai.

Phải viên mãn, thì Trường hàng nói : Tất cả chướng ngại, như giác cứu cánh ... cho tới hết thủy phiền não, rốt cuộc giải thoát. Chỗ gọi : không thể đặng gì trong đó, là đặng cái chi ?

Khắp tùy thuận, thì Trường hàng nói : Biển huệ Pháp-giải, soi thấy các tướng, dường như hư-không. Cho nên nói : Khắp.

----- ☆ -----

Đốn vui tùy thuận

21.- Kinh văn

Chúng sanh đời mạt thế,
Tâm không sanh hư vọng,
Phật nói người như vậy,
Hiện thế là Bồ-tát,
Cúng dường Phật hằng hà,
Công đức đã viên mãn,
Tuy có phương-tiện nhiều,
Đều gọi trí tùy thuận.

Nghĩa rộng

Hai câu đầu tụng thuyết minh về tướng trạng tùy thuận, chỉ tại tâm không hư vọng, một chữ bao gồm hết lý.

Ý nói : Chẳng những không dấy vọng niệm, là hư-vọng, mà trừ vọng tâm, gia thêm hiểu biết, phân biệt chơn thiệt, có ý cầu vui sướng, mỗi mỗi đều là hư vọng, bởi đồng như huyền hóa.

Nay lấy một chữ “*chẳng*”, mà gồm nghĩa : không khởi, không trừ, không thêm, không biện trong trường hàng.

Từ chữ Phật nói sắp xuống là khen người tùy thuận. Phật nói là bày ra lời chơn thiệt. “*Ngươi*” chỉ chúng sanh đời mạt pháp, nghe theo phương diện tứ y, giả sử không sanh lòng kinh sợ, thì hứa chắc đời này, sẽ chứng Bồ-tát.

Câu “*cúng dường*” ở trong câu “*sở dĩ*” mà ra. Trường hàng nói : Trăm ngàn hằng sa Phật, nay chỉ nói : cúng Phật. Trường hàng nói : trồng gốc muôn đức, nay chỉ nói : công đức viên-mãn.

Câu “*tuy có*” nói về không nên dục tốc thành.

Câu “*đều gọi*” nói về muốn độ cả chúng sanh, phải tùy thuận “*Nhứt thiết chủng-tri*”.

Tới đây, đã dứt về phần hiển tánh cho hạng người bực trung căn.

MỤC LỤC

	Trang
Tựa	1
Viên giác kinh	5
Thích nghĩa Viên giác	9
Thích nghĩa TU-ĐA-LA liễu nghĩa	12
Chương thứ nhứt	
VĂN THÙ KHẢI THỈNH	16
Chương thứ hai	
PHỔ HIỀN KHẢI THỈNH.....	59
Chương thứ ba	
PHỔ NHÃN BỒ TÁT	80
Chương thứ 4	
KIM CANG TẠNG BỔ TÁT	124
Chương thứ 5	
DI LẶC BỒ TÁT	158
Chương thứ 6	
THANH TỊNH HUỆ BỒ TÁT	189